CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 09/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 09/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 09/11/2024: Trước 16h30' ngày 06/11/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 06/11/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 ... T.H.Đ
CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM
Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 09/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 06/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1	30L-886.66	Hà Nội	1601	51L-999.89	Hồ Chí Minh	3201	76A-333.33	Quảng Ngãi
2	43A-955.55	Đà Nẵng	1602	99A-858.89	Bắc Ninh	3202	12A-268.86	Lạng Sơn
3	14C-465.55	Quảng Ninh	1603	14C-468.79	Quảng Ninh	3203	12C-139.79	Lạng Sơn
4	15K-476.66	Hải Phòng	1604	14K-000.06	Quảng Ninh	3204	28A-268.86	Hòa Bình
5	18C-177.77	Nam Định	1605	14K-018.88	Quảng Ninh	3205	29K-399.66	Hà Nội
6	19A-725.55	Phú Thọ	1606	20A-868.63	Thái Nguyên	3206	30M-026.88	Hà Nội
7	19C-269.69	Phú Thọ	1607	30L-677.77	Hà Nội	3207	30M-111.15	Hà Nội
8	20A-886.69	Thái Nguyên	1608	30M-099.88	Hà Nội	3208	30M-417.77	Hà Nội
9	20A-899.89	Thái Nguyên	1609	30M-376.66	Hà Nội	3209	36C-555.57	Thanh Hóa
10	24C-167.89	Lào Cai	1610	37C-588.99	Nghệ An	3210	36K-300.00	Thanh Hóa
11	29K-289.99	Hà Nội	1611	37K-498.88	Nghệ An	3211	38A-700.00	Hà Tĩnh
12	29K-344.44	Hà Nội	1612	38A-699.69	Hà Tĩnh	3212	47A-778.79	Đắk Lắk
13	30M-068.79	Hà Nội	1613	47A-815.55	Đắk Lắk	3213	51D-888.87	Hồ Chí Minh
14	30M-129.99	Hà Nội	1614	49A-777.71	Lâm Đồng	3214	51L-999.79	Hồ Chí Minh
15	30M-286.66	Hà Nội	1615	51M-167.89	Hồ Chí Minh	3215	51M-168.88	Hồ Chí Minh
16	51L-833.38	Hồ Chí Minh	1616	51M-311.11	Hồ Chí Minh	3216	51M-222.28	Hồ Chí Minh
17	51M-199.66	Hồ Chí Minh	1617	64A-199.88	Vĩnh Long	3217	51N-056.66	Hồ Chí Minh
18	51N-100.00	Hồ Chí Minh	1618	68A-377.77	Kiên Giang	3218	61K-548.88	Bình Dương
19	51N-122.22	Hồ Chí Minh	1619	76C-177.77	Quảng Ngãi	3219	70A-598.98	Tây Ninh
20	61K-585.55	Bình Dương	1620	79D-012.34	Khánh Hòa	3220	81C-288.66	Gia Lai
21	88A-805.55	Vĩnh Phúc	1621	92A-439.99	Quảng Nam	3221	89A-555.51	Hưng Yên
22	30M-030.86	Hà Nội	1622	30L-331.11	Hà Nội	3222	30L-767.86	Hà Nội
23	30M-031.32	Hà Nội	1623	30L-629.26	Hà Nội	3223	30M-030.44	Hà Nội
24	30M-041.68	Hà Nội	1624	30M-030.00	Hà Nội	3224	30M-035.44	Hà Nội
25	30M-046.44	Hà Nội	1625	30M-031.88	Hà Nội	3225	30M-035.69	Hà Nội
26	30M-049.55	Hà Nội	1626	30M-032.39	Hà Nội	3226	30M-049.86	Hà Nội
27	30M-052.68	Hà Nội	1627	30M-032.77	Hà Nội	3227	30M-052.00	Hà Nội
28	30M-054.77	Hà Nội	1628	30M-034.89	Hà Nội	3228	30M-053.00	Hà Nội
29	30M-059.66	Hà Nội	1629	30M-053.89	Hà Nội	3229	30M-054.05	Hà Nội
30	30M-070.00	Hà Nội	1630	30M-062.00	Hà Nội	3230	30M-055.00	Hà Nội
31	30M-087.39	Hà Nội	1631	30M-065.69	Hà Nội	3231	30M-061.00	Hà Nội
32	30M-094.90	Hà Nội	1632	30M-073.07	Hà Nội	3232	30M-061.33	Hà Nội
33	30M-117.66	Hà Nội	1633	30M-077.39	Hà Nội	3233	30M-063.69	Hà Nội
34	30M-118.66	Hà Nội	1634	30M-079.77	Hà Nội	3234	30M-065.11	Hà Nội
35	30M-127.86	Hà Nội	1635	30M-083.44	Hà Nội	3235	30M-071.44	Hà Nội
36	30M-135.11	Hà Nội	1636	30M-087.79	Hà Nội	3236	30M-072.79	Hà Nội
37	30M-141.99	Hà Nội	1637	30M-092.11	Hà Nội	3237	30M-073.11	Hà Nội
38	30M-163.63	Hà Nội	1638	30M-093.11	Hà Nội	3238	30M-073.39	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	30M-170.77	Hà Nội	1639	30M-093.22	Hà Nội	3239	30M-073.66	Hà Nội
40	30M-170.88	Hà Nội	1640	30M-100.22	Hà Nội	3240	30M-092.22	Hà Nội
41	30M-176.69	Hà Nội	1641	30M-100.89	Hà Nội	3241	30M-093.44	Hà Nội
42	30M-178.68	Hà Nội	1642	30M-103.66	Hà Nội	3242	30M-105.44	Hà Nội
43	30M-186.18	Hà Nội	1643	30M-114.69	Hà Nội	3243	30M-111.77	Hà Nội
44	30M-187.33	Hà Nội	1644	30M-115.66	Hà Nội	3244	30M-115.00	Hà Nội
45	30M-187.99	Hà Nội	1645	30M-127.77	Hà Nội	3245	30M-116.00	Hà Nội
46	30M-192.39	Hà Nội	1646	30M-128.99	Hà Nội	3246	30M-138.99	Hà Nội
47	30M-206.88	Hà Nội	1647	30M-129.00	Hà Nội	3247	30M-142.99	Hà Nội
48	30M-222.15	Hà Nội	1648	30M-129.79	Hà Nội	3248	30M-147.69	Hà Nội
49	30M-222.36	Hà Nội	1649	30M-131.79	Hà Nội	3249	30M-162.11	Hà Nội
50	30M-229.55	Hà Nội	1650	30M-138.44	Hà Nội	3250	30M-163.77	Hà Nội
51	30M-232.39	Hà Nội	1651	30M-141.55	Hà Nội	3251	30M-166.44	Hà Nội
52	30M-236.32	Hà Nội	1652	30M-153.44	Hà Nội	3252	30M-169.00	Hà Nội
53	30M-237.99	Hà Nội	1653	30M-170.33	Hà Nội	3253	30M-170.17	Hà Nội
54	30M-242.43	Hà Nội	1654	30M-171.69	Hà Nội	3254	30M-183.44	Hà Nội
55	30M-244.39	Hà Nội	1655	30M-172.39	Hà Nội	3255	30M-190.55	Hà Nội
56	30M-248.55	Hà Nội	1656	30M-180.39	Hà Nội	3256	30M-201.99	Hà Nội
57	30M-249.88	Hà Nội	1657	30M-183.22	Hà Nội	3257	30M-206.00	Hà Nội
58	30M-261.79	Hà Nội	1658	30M-187.44	Hà Nội	3258	30M-208.39	Hà Nội
59	30M-272.22	Hà Nội	1659	30M-188.00	Hà Nội	3259	30M-213.99	Hà Nội
60	30M-283.33	Hà Nội	1660	30M-195.33	Hà Nội	3260	30M-215.68	Hà Nội
61	30M-284.84	Hà Nội	1661	30M-196.55	Hà Nội	3261	30M-221.55	Hà Nội
62	30M-291.55	Hà Nội	1662	30M-199.55	Hà Nội	3262	30M-221.86	Hà Nội
63	30M-297.55	Hà Nội	1663	30M-201.33	Hà Nội	3263	30M-222.35	Hà Nội
64	30M-301.77	Hà Nội	1664	30M-214.12	Hà Nội	3264	30M-223.89	Hà Nội
65	30M-303.44	Hà Nội	1665	30M-217.55	Hà Nội	3265	30M-230.55	Hà Nội
66	30M-305.69	Hà Nội	1666	30M-220.33	Hà Nội	3266	30M-232.44	Hà Nội
67	30M-314.44	Hà Nội	1667	30M-228.82	Hà Nội	3267	30M-243.11	Hà Nội
68	30M-316.86	Hà Nội	1668	30M-246.55	Hà Nội	3268	30M-245.46	Hà Nội
69	30M-320.79	Hà Nội	1669	30M-250.68	Hà Nội	3269	30M-256.44	Hà Nội
70	30M-335.11	Hà Nội	1670	30M-261.87	Hà Nội	3270	30M-271.68	Hà Nội
71	30M-335.88	Hà Nội	1671	30M-276.39	Hà Nội	3271	30M-279.96	Hà Nội
72	30M-342.55	Hà Nội	1672	30M-276.67	Hà Nội	3272	30M-283.69	Hà Nội
73	30M-344.89	Hà Nội	1673	30M-279.00	Hà Nội	3273	30M-287.55	Hà Nội
74	30M-347.34	Hà Nội	1674	30M-279.11	Hà Nội	3274	30M-290.39	Hà Nội
75	30M-364.22	Hà Nội	1675	30M-283.00	Hà Nội	3275	30M-290.88	Hà Nội
76	30M-364.69	Hà Nội	1676	30M-286.22	Hà Nội	3276	30M-292.69	Hà Nội
77	30M-374.44	Hà Nội	1677	30M-294.39	Hà Nội	3277	30M-295.69	Hà Nội
78	30M-381.44	Hà Nội	1678	30M-294.44	Hà Nội	3278	30M-295.86	Hà Nội
79	30M-384.39	Hà Nội	1679	30M-301.00	Hà Nội	3279	30M-306.86	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-386.55	Hà Nội	1680	30M-326.33	Hà Nội	3280	30M-313.00	Hà Nội
81	30M-392.00	Hà Nội	1681	30M-328.89	Hà Nội	3281	30M-319.33	Hà Nội
82	30M-393.89	Hà Nội	1682	30M-329.44	Hà Nội	3282	30M-319.44	Hà Nội
83	30M-395.33	Hà Nội	1683	30M-332.11	Hà Nội	3283	30M-327.79	Hà Nội
84	30M-402.03	Hà Nội	1684	30M-346.69	Hà Nội	3284	30M-328.82	Hà Nội
85	30M-411.99	Hà Nội	1685	30M-348.33	Hà Nội	3285	30M-334.56	Hà Nội
86	30M-420.33	Hà Nội	1686	30M-351.69	Hà Nội	3286	30M-342.00	Hà Nội
87	51L-903.55	Hồ Chí Minh	1687	30M-357.22	Hà Nội	3287	30M-348.34	Hà Nội
88	51L-903.89	Hồ Chí Minh	1688	30M-359.88	Hà Nội	3288	30M-372.77	Hà Nội
89	51L-909.00	Hồ Chí Minh	1689	30M-364.88	Hà Nội	3289	30M-384.22	Hà Nội
90	51L-915.11	Hồ Chí Minh	1690	30M-367.86	Hà Nội	3290	30M-389.38	Hà Nội
91	51L-916.44	Hồ Chí Minh	1691	30M-379.97	Hà Nội	3291	30M-389.66	Hà Nội
92	51L-917.18	Hồ Chí Minh	1692	30M-380.11	Hà Nội	3292	30M-390.99	Hà Nội
93	51L-926.39	Hồ Chí Minh	1693	30M-382.79	Hà Nội	3293	30M-400.77	Hà Nội
94	51L-934.99	Hồ Chí Minh	1694	30M-383.39	Hà Nội	3294	30M-401.77	Hà Nội
95	51L-936.69	Hồ Chí Minh	1695	30M-386.83	Hà Nội	3295	30M-402.11	Hà Nội
96	51L-946.00	Hồ Chí Minh	1696	30M-395.59	Hà Nội	3296	30M-409.68	Hà Nội
97	51L-946.47	Hồ Chí Minh	1697	30M-395.68	Hà Nội	3297	30M-411.79	Hà Nội
98	51L-950.89	Hồ Chí Minh	1698	30M-397.22	Hà Nội	3298	30M-412.86	Hà Nội
99	51L-954.66	Hồ Chí Minh	1699	30M-397.44	Hà Nội	3299	51L-897.99	Hồ Chí Minh
100	51L-960.69	Hồ Chí Minh	1700	30M-407.39	Hà Nội	3300	51L-898.39	Hồ Chí Minh
101	51L-963.89	Hồ Chí Minh	1701	30M-408.86	Hà Nội	3301	51L-906.11	Hồ Chí Minh
102	51L-964.86	Hồ Chí Minh	1702	30M-412.00	Hà Nội	3302	51L-912.86	Hồ Chí Minh
103	51L-968.55	Hồ Chí Minh	1703	30M-413.31	Hà Nội	3303	51L-918.00	Hồ Chí Minh
104	51L-983.88	Hồ Chí Minh	1704	30M-416.41	Hà Nội	3304	51L-919.69	Hồ Chí Minh
105	51L-988.22	Hồ Chí Minh	1705	51L-907.09	Hồ Chí Minh	3305	51L-926.99	Hồ Chí Minh
106	51L-998.00	Hồ Chí Minh	1706	51L-908.68	Hồ Chí Minh	3306	51L-929.96	Hồ Chí Minh
107	51M-056.65	Hồ Chí Minh	1707	51L-917.11	Hồ Chí Minh	3307	51L-933.34	Hồ Chí Minh
108	51M-070.33	Hồ Chí Minh	1708	51L-917.17	Hồ Chí Minh	3308	51L-934.22	Hồ Chí Minh
109	51M-080.00	Hồ Chí Minh	1709	51L-938.33	Hồ Chí Minh	3309	51L-935.66	Hồ Chí Minh
110	51M-089.66	Hồ Chí Minh	1710	51L-938.69	Hồ Chí Minh	3310	51L-938.86	Hồ Chí Minh
111	51M-099.44	Hồ Chí Minh	1711	51L-951.11	Hồ Chí Minh	3311	51L-948.39	Hồ Chí Minh
112	51M-101.02	Hồ Chí Minh	1712	51L-953.22	Hồ Chí Minh	3312	51L-951.99	Hồ Chí Minh
113	51M-101.77	Hồ Chí Minh	1713	51L-955.69	Hồ Chí Minh	3313	51L-961.66	Hồ Chí Minh
114	51M-108.11	Hồ Chí Minh	1714	51L-956.00	Hồ Chí Minh	3314	51L-972.79	Hồ Chí Minh
115	51M-113.22	Hồ Chí Minh	1715	51L-960.22	Hồ Chí Minh	3315	51L-984.68	Hồ Chí Minh
116	51M-117.71	Hồ Chí Minh	1716	51L-961.96	Hồ Chí Minh	3316	51L-986.22	Hồ Chí Minh
117	51M-123.39	Hồ Chí Minh	1717	51L-967.79	Hồ Chí Minh	3317	51L-987.11	Hồ Chí Minh
118	51M-125.22	Hồ Chí Minh	1718	51L-969.11	Hồ Chí Minh	3318	51L-994.55	Hồ Chí Minh
119	51M-128.39	Hồ Chí Minh	1719	51L-973.55	Hồ Chí Minh	3319	51M-059.11	Hồ Chí Minh
120	51M-130.86	Hồ Chí Minh	1720	51L-974.69	Hồ Chí Minh	3320	51M-067.06	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51M-132.69	Hồ Chí Minh	1721	51L-976.69	Hồ Chí Minh	3321	51M-072.11	Hồ Chí Minh
122	51M-135.22	Hồ Chí Minh	1722	51L-978.33	Hồ Chí Minh	3322	51M-074.68	Hồ Chí Minh
123	51M-135.69	Hồ Chí Minh	1723	51L-981.39	Hồ Chí Minh	3323	51M-074.70	Hồ Chí Minh
124	51M-140.33	Hồ Chí Minh	1724	51L-983.44	Hồ Chí Minh	3324	51M-074.74	Hồ Chí Minh
125	51M-171.11	Hồ Chí Minh	1725	51L-997.22	Hồ Chí Minh	3325	51M-078.22	Hồ Chí Minh
126	51M-181.11	Hồ Chí Minh	1726	51L-997.39	Hồ Chí Minh	3326	51M-079.96	Hồ Chí Minh
127	51M-181.44	Hồ Chí Minh	1727	51L-999.25	Hồ Chí Minh	3327	51M-081.18	Hồ Chí Minh
128	51M-182.28	Hồ Chí Minh	1728	51M-052.55	Hồ Chí Minh	3328	51M-092.11	Hồ Chí Minh
129	51M-186.39	Hồ Chí Minh	1729	51M-055.33	Hồ Chí Minh	3329	51M-092.39	Hồ Chí Minh
130	51M-193.19	Hồ Chí Minh	1730	51M-060.44	Hồ Chí Minh	3330	51M-093.66	Hồ Chí Minh
131	51M-196.89	Hồ Chí Minh	1731	51M-071.11	Hồ Chí Minh	3331	51M-096.00	Hồ Chí Minh
132	51M-196.97	Hồ Chí Minh	1732	51M-080.55	Hồ Chí Minh	3332	51M-097.69	Hồ Chí Minh
133	51M-201.88	Hồ Chí Minh	1733	51M-081.08	Hồ Chí Minh	3333	51M-098.69	Hồ Chí Minh
134	51M-203.11	Hồ Chí Minh	1734	51M-082.77	Hồ Chí Minh	3334	51M-101.55	Hồ Chí Minh
135	51M-213.14	Hồ Chí Minh	1735	51M-085.58	Hồ Chí Minh	3335	51M-102.33	Hồ Chí Minh
136	51M-216.16	Hồ Chí Minh	1736	51M-088.77	Hồ Chí Minh	3336	51M-107.01	Hồ Chí Minh
137	51M-217.12	Hồ Chí Minh	1737	51M-088.86	Hồ Chí Minh	3337	51M-120.69	Hồ Chí Minh
138	51M-222.99	Hồ Chí Minh	1738	51M-090.22	Hồ Chí Minh	3338	51M-120.77	Hồ Chí Minh
139	51M-226.62	Hồ Chí Minh	1739	51M-102.66	Hồ Chí Minh	3339	51M-122.12	Hồ Chí Minh
140	51M-226.88	Hồ Chí Minh	1740	51M-107.86	Hồ Chí Minh	3340	51M-124.89	Hồ Chí Minh
141	51M-230.31	Hồ Chí Minh	1741	51M-109.86	Hồ Chí Minh	3341	51M-125.88	Hồ Chí Minh
142	51M-243.77	Hồ Chí Minh	1742	51M-128.68	Hồ Chí Minh	3342	51M-127.00	Hồ Chí Minh
143	51M-249.11	Hồ Chí Minh	1743	51M-129.77	Hồ Chí Minh	3343	51M-129.88	Hồ Chí Minh
144	51M-253.00	Hồ Chí Minh	1744	51M-130.44	Hồ Chí Minh	3344	51M-147.41	Hồ Chí Minh
145	51M-257.33	Hồ Chí Minh	1745	51M-132.00	Hồ Chí Minh	3345	51M-150.68	Hồ Chí Minh
146	51M-257.55	Hồ Chí Minh	1746	51M-132.89	Hồ Chí Minh	3346	51M-157.79	Hồ Chí Minh
147	51M-263.68	Hồ Chí Minh	1747	51M-136.13	Hồ Chí Minh	3347	51M-170.69	Hồ Chí Minh
148	51M-265.22	Hồ Chí Minh	1748	51M-138.00	Hồ Chí Minh	3348	51M-174.00	Hồ Chí Minh
149	51M-266.69	Hồ Chí Minh	1749	51M-154.54	Hồ Chí Minh	3349	51M-180.00	Hồ Chí Minh
150	51M-267.33	Hồ Chí Minh	1750	51M-155.33	Hồ Chí Minh	3350	51M-181.39	Hồ Chí Minh
151	51M-272.22	Hồ Chí Minh	1751	51M-160.44	Hồ Chí Minh	3351	51M-182.82	Hồ Chí Minh
152	51M-277.39	Hồ Chí Minh	1752	51M-165.89	Hồ Chí Minh	3352	51M-184.11	Hồ Chí Minh
153	51M-278.79	Hồ Chí Minh	1753	51M-166.33	Hồ Chí Minh	3353	51M-194.22	Hồ Chí Minh
154	51M-283.28	Hồ Chí Minh	1754	51M-167.86	Hồ Chí Minh	3354	51M-194.68	Hồ Chí Minh
155	51M-284.88	Hồ Chí Minh	1755	51M-174.69	Hồ Chí Minh	3355	51M-198.86	Hồ Chí Minh
156	51M-285.00	Hồ Chí Minh	1756	51M-178.99	Hồ Chí Minh	3356	51M-203.99	Hồ Chí Minh
157	51M-286.00	Hồ Chí Minh	1757	51M-184.48	Hồ Chí Minh	3357	51M-214.88	Hồ Chí Minh
158	51M-288.69	Hồ Chí Minh	1758	51M-185.11	Hồ Chí Minh	3358	51M-219.69	Hồ Chí Minh
159	51M-291.29	Hồ Chí Minh	1759	51M-189.77	Hồ Chí Minh	3359	51M-222.37	Hồ Chí Minh
160	51M-294.77	Hồ Chí Minh	1760	51M-190.44	Hồ Chí Minh	3360	51M-225.86	Hồ Chí Minh
161	51M-295.89	Hồ Chí Minh	1761	51M-192.77	Hồ Chí Minh	3361	51M-233.68	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-296.39	Hồ Chí Minh	1762	51M-192.79	Hồ Chí Minh	3362	51M-236.33	Hồ Chí Minh
163	51M-301.22	Hồ Chí Minh	1763	51M-199.00	Hồ Chí Minh	3363	51M-245.68	Hồ Chí Minh
164	51M-306.79	Hồ Chí Minh	1764	51M-201.39	Hồ Chí Minh	3364	51M-250.33	Hồ Chí Minh
165	51M-310.55	Hồ Chí Minh	1765	51M-209.22	Hồ Chí Minh	3365	51M-254.52	Hồ Chí Minh
166	51M-311.13	Hồ Chí Minh	1766	51M-212.77	Hồ Chí Minh	3366	51M-255.00	Hồ Chí Minh
167	51N-000.15	Hồ Chí Minh	1767	51M-214.12	Hồ Chí Minh	3367	51M-260.62	Hồ Chí Minh
168	51N-004.04	Hồ Chí Minh	1768	51M-222.88	Hồ Chí Minh	3368	51M-261.11	Hồ Chí Minh
169	51N-009.55	Hồ Chí Minh	1769	51M-225.99	Hồ Chí Minh	3369	51M-268.77	Hồ Chí Minh
170	51N-017.10	Hồ Chí Minh	1770	51M-227.77	Hồ Chí Minh	3370	51M-269.33	Hồ Chí Minh
171	51N-027.22	Hồ Chí Minh	1771	51M-235.39	Hồ Chí Minh	3371	51M-275.22	Hồ Chí Minh
172	51N-030.44	Hồ Chí Minh	1772	51M-248.44	Hồ Chí Minh	3372	51M-277.55	Hồ Chí Minh
173	51N-036.39	Hồ Chí Minh	1773	51M-248.79	Hồ Chí Minh	3373	51M-278.66	Hồ Chí Minh
174	51N-048.33	Hồ Chí Minh	1774	51M-254.39	Hồ Chí Minh	3374	51M-283.38	Hồ Chí Minh
175	51N-053.53	Hồ Chí Minh	1775	51M-259.25	Hồ Chí Minh	3375	51M-288.98	Hồ Chí Minh
176	51N-056.50	Hồ Chí Minh	1776	51M-260.79	Hồ Chí Minh	3376	51M-290.39	Hồ Chí Minh
177	51N-068.00	Hồ Chí Minh	1777	51M-280.00	Hồ Chí Minh	3377	51M-290.90	Hồ Chí Minh
178	51N-072.44	Hồ Chí Minh	1778	51M-297.22	Hồ Chí Minh	3378	51M-294.55	Hồ Chí Minh
179	51N-080.77	Hồ Chí Minh	1779	51M-304.04	Hồ Chí Minh	3379	51M-295.79	Hồ Chí Minh
180	51N-081.86	Hồ Chí Minh	1780	51M-307.99	Hồ Chí Minh	3380	51M-301.11	Hồ Chí Minh
181	51N-083.77	Hồ Chí Minh	1781	51N-008.22	Hồ Chí Minh	3381	51M-301.66	Hồ Chí Minh
182	51N-088.08	Hồ Chí Minh	1782	51N-008.89	Hồ Chí Minh	3382	51M-302.55	Hồ Chí Minh
183	51N-092.55	Hồ Chí Minh	1783	51N-021.79	Hồ Chí Minh	3383	51M-302.89	Hồ Chí Minh
184	51N-095.66	Hồ Chí Minh	1784	51N-023.00	Hồ Chí Minh	3384	51M-303.04	Hồ Chí Minh
185	51N-100.39	Hồ Chí Minh	1785	51N-024.55	Hồ Chí Minh	3385	51M-307.77	Hồ Chí Minh
186	51N-101.69	Hồ Chí Minh	1786	51N-028.28	Hồ Chí Minh	3386	51M-307.79	Hồ Chí Minh
187	51N-102.89	Hồ Chí Minh	1787	51N-031.11	Hồ Chí Minh	3387	51N-004.40	Hồ Chí Minh
188	51N-113.99	Hồ Chí Minh	1788	51N-033.44	Hồ Chí Minh	3388	51N-009.00	Hồ Chí Minh
189	51N-118.44	Hồ Chí Minh	1789	51N-033.69	Hồ Chí Minh	3389	51N-009.86	Hồ Chí Minh
190	51N-119.55	Hồ Chí Minh	1790	51N-036.89	Hồ Chí Minh	3390	51N-010.10	Hồ Chí Minh
191	51N-126.44	Hồ Chí Minh	1791	51N-042.77	Hồ Chí Minh	3391	51N-011.68	Hồ Chí Minh
192	51N-133.44	Hồ Chí Minh	1792	51N-063.69	Hồ Chí Minh	3392	51N-015.44	Hồ Chí Minh
193	51N-133.99	Hồ Chí Minh	1793	51N-068.60	Hồ Chí Minh	3393	51N-021.12	Hồ Chí Minh
194	51N-136.11	Hồ Chí Minh	1794	51N-074.66	Hồ Chí Minh	3394	51N-024.66	Hồ Chí Minh
195	51N-138.68	Hồ Chí Minh	1795	51N-080.81	Hồ Chí Minh	3395	51N-025.00	Hồ Chí Minh
196	51N-141.39	Hồ Chí Minh	1796	51N-082.86	Hồ Chí Minh	3396	51N-029.68	Hồ Chí Minh
197	51N-144.33	Hồ Chí Minh	1797	51N-083.86	Hồ Chí Minh	3397	51N-039.69	Hồ Chí Minh
198	51N-145.41	Hồ Chí Minh	1798	51N-084.66	Hồ Chí Minh	3398	51N-041.79	Hồ Chí Minh
199	51N-146.14	Hồ Chí Minh	1799	51N-097.22	Hồ Chí Minh	3399	51N-041.86	Hồ Chí Minh
200	51N-149.88	Hồ Chí Minh	1800	51N-097.33	Hồ Chí Minh	3400	51N-046.11	Hồ Chí Minh
201	51N-150.50	Hồ Chí Minh	1801	51N-104.00	Hồ Chí Minh	3401	51N-050.77	Hồ Chí Minh
202	11A-137.79	Cao Bằng	1802	51N-109.10	Hồ Chí Minh	3402	51N-053.11	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
203	11A-140.40	Cao Bằng	1803	51N-111.45	Hồ Chí Minh	3403	51N-056.44	Hồ Chí Minh
204	11A-141.44	Cao Bằng	1804	51N-131.44	Hồ Chí Minh	3404	51N-060.11	Hồ Chí Minh
205	12A-268.11	Lạng Sơn	1805	51N-137.33	Hồ Chí Minh	3405	51N-063.77	Hồ Chí Minh
206	12C-141.89	Lạng Sơn	1806	51N-138.38	Hồ Chí Minh	3406	51N-068.11	Hồ Chí Minh
207	12D-010.11	Lạng Sơn	1807	51N-141.00	Hồ Chí Minh	3407	51N-075.33	Hồ Chí Minh
208	14A-995.89	Quảng Ninh	1808	51N-141.42	Hồ Chí Minh	3408	51N-078.11	Hồ Chí Minh
209	14A-996.77	Quảng Ninh	1809	51N-146.22	Hồ Chí Minh	3409	51N-089.96	Hồ Chí Minh
210	14A-997.55	Quảng Ninh	1810	11A-139.11	Cao Bằng	3410	51N-093.69	Hồ Chí Minh
211	14A-999.12	Quảng Ninh	1811	11B-015.11	Cao Bằng	3411	51N-093.79	Hồ Chí Minh
212	14B-053.39	Quảng Ninh	1812	11C-089.55	Cao Bằng	3412	51N-100.79	Hồ Chí Minh
213	14D-030.89	Quảng Ninh	1813	12A-265.44	Lạng Sơn	3413	51N-103.86	Hồ Chí Minh
214	14D-033.00	Quảng Ninh	1814	12C-142.42	Lạng Sơn	3414	51N-105.79	Hồ Chí Minh
215	14K-003.33	Quảng Ninh	1815	12C-143.11	Lạng Sơn	3415	51N-112.79	Hồ Chí Minh
216	14K-005.99	Quảng Ninh	1816	12D-008.86	Lạng Sơn	3416	51N-120.33	Hồ Chí Minh
217	14K-006.69	Quảng Ninh	1817	14A-995.68	Quảng Ninh	3417	51N-125.22	Hồ Chí Minh
218	14K-007.88	Quảng Ninh	1818	14A-999.45	Quảng Ninh	3418	51N-142.68	Hồ Chí Minh
219	14K-008.79	Quảng Ninh	1819	14B-055.00	Quảng Ninh	3419	51N-143.69	Hồ Chí Minh
220	14K-010.22	Quảng Ninh	1820	14B-056.00	Quảng Ninh	3420	51N-148.39	Hồ Chí Minh
221	14K-013.69	Quảng Ninh	1821	14C-450.44	Quảng Ninh	3421	51N-152.25	Hồ Chí Minh
222	14K-016.44	Quảng Ninh	1822	14C-458.00	Quảng Ninh	3422	11A-141.00	Cao Bằng
223	14K-018.01	Quảng Ninh	1823	14C-461.66	Quảng Ninh	3423	11A-141.22	Cao Bằng
224	14K-019.77	Quảng Ninh	1824	14C-464.11	Quảng Ninh	3424	11B-015.01	Cao Bằng
225	14K-023.55	Quảng Ninh	1825	14C-466.11	Quảng Ninh	3425	12A-263.11	Lạng Sơn
226	14K-024.77	Quảng Ninh	1826	14K-000.18	Quảng Ninh	3426	12A-270.77	Lạng Sơn
227	14K-027.88	Quảng Ninh	1827	14K-000.35	Quảng Ninh	3427	12B-015.51	Lạng Sơn
228	14K-030.86	Quảng Ninh	1828	14K-018.69	Quảng Ninh	3428	12B-016.89	Lạng Sơn
229	14K-034.79	Quảng Ninh	1829	14K-022.55	Quảng Ninh	3429	12B-019.33	Lạng Sơn
230	14K-037.69	Quảng Ninh	1830	14K-024.33	Quảng Ninh	3430	12C-141.39	Lạng Sơn
231	14K-039.03	Quảng Ninh	1831	14K-029.68	Quảng Ninh	3431	12C-143.88	Lạng Sơn
232	14K-043.34	Quảng Ninh	1832	14K-029.77	Quảng Ninh	3432	12C-144.68	Lạng Sơn
233	14K-047.11	Quảng Ninh	1833	14K-044.39	Quảng Ninh	3433	14A-988.87	Quảng Ninh
234	14K-049.33	Quảng Ninh	1834	14K-046.77	Quảng Ninh	3434	14A-995.77	Quảng Ninh
235	15B-056.69	Hải Phòng	1835	14K-047.66	Quảng Ninh	3435	14A-997.68	Quảng Ninh
236	15C-481.39	Hải Phòng	1836	15B-054.86	Hải Phòng	3436	14A-998.85	Quảng Ninh
237	15C-485.66	Hải Phòng	1837	15C-488.84	Hải Phòng	3437	14C-451.54	Quảng Ninh
238	15C-489.48	Hải Phòng	1838	15C-497.33	Hải Phòng	3438	14C-454.00	Quảng Ninh
239	15C-489.84	Hải Phòng	1839	15K-445.33	Hải Phòng	3439	14C-456.00	Quảng Ninh
240	15C-491.00	Hải Phòng	1840	15K-449.88	Hải Phòng	3440	14C-462.64	Quảng Ninh
241	15K-426.77	Hải Phòng	1841	15K-449.94	Hải Phòng	3441	14C-463.55	Quảng Ninh
242	15K-435.11	Hải Phòng	1842	15K-451.00	Hải Phòng	3442	14C-465.88	Quảng Ninh
243	15K-448.84	Hải Phòng	1843	15K-456.44	Hải Phòng	3443	14C-468.00	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	15K-452.00	Hải Phòng	1844	15K-458.39	Hải Phòng	3444	14K-000.23	Quảng Ninh
245	15K-453.22	Hải Phòng	1845	15K-463.36	Hải Phòng	3445	14K-009.68	Quảng Ninh
246	15K-455.22	Hải Phòng	1846	15K-471.39	Hải Phòng	3446	14K-009.96	Quảng Ninh
247	15K-461.88	Hải Phòng	1847	15K-474.33	Hải Phòng	3447	14K-017.17	Quảng Ninh
248	15K-464.86	Hải Phòng	1848	15K-477.99	Hải Phòng	3448	14K-026.44	Quảng Ninh
249	15K-476.44	Hải Phòng	1849	15K-484.33	Hải Phòng	3449	14K-031.88	Quảng Ninh
250	15K-496.33	Hải Phòng	1850	15K-488.55	Hải Phòng	3450	14K-042.39	Quảng Ninh
251	15K-499.49	Hải Phòng	1851	15K-492.49	Hải Phòng	3451	15C-488.77	Hải Phòng
252	15K-502.39	Hải Phòng	1852	17A-502.22	Thái Bình	3452	15K-428.79	Hải Phòng
253	15K-502.66	Hải Phòng	1853	17A-506.88	Thái Bình	3453	15K-442.00	Hải Phòng
254	15K-504.39	Hải Phòng	1854	17A-508.89	Thái Bình	3454	15K-442.24	Hải Phòng
255	15K-507.79	Hải Phòng	1855	17B-030.44	Thái Bình	3455	15K-443.39	Hải Phòng
256	15K-512.33	Hải Phòng	1856	17C-215.86	Thái Bình	3456	15K-448.55	Hải Phòng
257	17A-492.55	Thái Bình	1857	17C-222.13	Thái Bình	3457	15K-451.68	Hải Phòng
258	17A-493.49	Thái Bình	1858	17D-014.77	Thái Bình	3458	15K-460.64	Hải Phòng
259	17A-501.79	Thái Bình	1859	17D-016.61	Thái Bình	3459	15K-475.77	Hải Phòng
260	17B-032.55	Thái Bình	1860	18A-490.86	Nam Định	3460	15K-478.55	Hải Phòng
261	17B-032.77	Thái Bình	1861	18A-494.88	Nam Định	3461	15K-482.82	Hải Phòng
262	17C-217.11	Thái Bình	1862	18A-495.77	Nam Định	3462	15K-504.79	Hải Phòng
263	17C-220.86	Thái Bình	1863	18A-497.89	Nam Định	3463	17A-493.22	Thái Bình
264	17D-013.77	Thái Bình	1864	18A-501.01	Nam Định	3464	17A-494.55	Thái Bình
265	17D-013.79	Thái Bình	1865	18A-501.88	Nam Định	3465	17A-496.99	Thái Bình
266	18A-393.69	Nam Định	1866	18B-032.44	Nam Định	3466	17A-500.01	Thái Bình
267	18A-490.99	Nam Định	1867	18C-178.00	Nam Định	3467	17A-500.22	Thái Bình
268	18A-495.22	Nam Định	1868	19A-719.88	Phú Thọ	3468	17A-509.00	Thái Bình
269	18A-507.00	Nam Định	1869	19A-739.93	Phú Thọ	3469	17C-218.79	Thái Bình
270	18A-510.39	Nam Định	1870	19A-741.44	Phú Thọ	3470	17C-218.81	Thái Bình
271	18C-175.55	Nam Định	1871	19A-742.22	Phú Thọ	3471	17C-222.56	Thái Bình
272	18C-177.69	Nam Định	1872	19A-742.74	Phú Thọ	3472	18A-494.95	Nam Định
273	18D-015.22	Nam Định	1873	19A-748.48	Phú Thọ	3473	18A-502.11	Nam Định
274	18D-017.55	Nam Định	1874	19A-749.00	Phú Thọ	3474	18A-504.44	Nam Định
275	19A-715.99	Phú Thọ	1875	19A-754.22	Phú Thọ	3475	18A-506.39	Nam Định
276	19A-719.33	Phú Thọ	1876	19B-029.86	Phú Thọ	3476	18A-507.08	Nam Định
277	19A-722.27	Phú Thọ	1877	19B-031.22	Phú Thọ	3477	18B-031.32	Nam Định
278	19A-731.39	Phú Thọ	1878	19C-265.68	Phú Thọ	3478	18C-175.44	Nam Định
279	19A-734.55	Phú Thọ	1879	19C-268.69	Phú Thọ	3479	18C-176.69	Nam Định
280	19A-748.33	Phú Thọ	1880	19C-273.11	Phú Thọ	3480	18C-179.86	Nam Định
281	19A-751.00	Phú Thọ	1881	19C-273.37	Phú Thọ	3481	18D-015.77	Nam Định
282	19C-271.77	Phú Thọ	1882	19C-275.88	Phú Thọ	3482	18D-016.77	Nam Định
283	19C-274.33	Phú Thọ	1883	19C-278.79	Phú Thọ	3483	19A-717.55	Phú Thọ
284	19C-278.89	Phú Thọ	1884	20A-866.11	Thái Nguyên	3484	19A-735.88	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	19D-019.68	Phú Thọ	1885	20A-868.55	Thái Nguyên	3485	19A-736.77	Phú Thọ
286	20A-866.00	Thái Nguyên	1886	20A-870.07	Thái Nguyên	3486	19A-747.79	Phú Thọ
287	20A-872.66	Thái Nguyên	1887	20A-877.69	Thái Nguyên	3487	19A-750.88	Phú Thọ
288	20A-876.69	Thái Nguyên	1888	20A-877.78	Thái Nguyên	3488	19A-751.11	Phú Thọ
289	20A-878.39	Thái Nguyên	1889	20A-878.33	Thái Nguyên	3489	19A-754.68	Phú Thọ
290	20A-880.33	Thái Nguyên	1890	20A-878.89	Thái Nguyên	3490	19B-029.22	Phú Thọ
291	20A-881.55	Thái Nguyên	1891	20A-881.81	Thái Nguyên	3491	19C-271.66	Phú Thọ
292	20A-885.22	Thái Nguyên	1892	20A-893.22	Thái Nguyên	3492	19C-275.22	Phú Thọ
293	20A-886.44	Thái Nguyên	1893	20A-895.44	Thái Nguyên	3493	19C-280.08	Phú Thọ
294	20A-901.89	Thái Nguyên	1894	20A-896.88	Thái Nguyên	3494	20A-877.11	Thái Nguyên
295	20A-904.69	Thái Nguyên	1895	20A-903.22	Thái Nguyên	3495	20A-888.05	Thái Nguyên
296	20B-036.36	Thái Nguyên	1896	20B-037.44	Thái Nguyên	3496	20A-890.66	Thái Nguyên
297	20B-039.00	Thái Nguyên	1897	20B-038.11	Thái Nguyên	3497	20A-894.11	Thái Nguyên
298	20D-032.00	Thái Nguyên	1898	20C-321.32	Thái Nguyên	3498	20A-895.11	Thái Nguyên
299	20D-033.34	Thái Nguyên	1899	20D-033.69	Thái Nguyên	3499	20B-037.03	Thái Nguyên
300	20D-033.44	Thái Nguyên	1900	21A-229.68	Yên Bái	3500	20B-038.68	Thái Nguyên
301	20D-034.44	Thái Nguyên	1901	21A-231.89	Yên Bái	3501	20C-310.22	Thái Nguyên
302	21A-222.46	Yên Bái	1902	21B-014.66	Yên Bái	3502	20C-314.99	Thái Nguyên
303	21A-223.39	Yên Bái	1903	21C-111.29	Yên Bái	3503	20C-318.89	Thái Nguyên
304	21A-227.77	Yên Bái	1904	21C-112.00	Yên Bái	3504	20C-322.77	Thái Nguyên
305	21A-231.23	Yên Bái	1905	21D-007.89	Yên Bái	3505	21A-223.88	Yên Bái
306	21A-232.44	Yên Bái	1906	21D-009.00	Yên Bái	3506	21A-227.66	Yên Bái
307	21B-014.41	Yên Bái	1907	22A-271.11	Tuyên Quang	3507	21A-230.77	Yên Bái
308	21B-016.44	Yên Bái	1908	22A-274.68	Tuyên Quang	3508	21A-231.66	Yên Bái
309	22A-273.11	Tuyên Quang	1909	22B-019.69	Tuyên Quang	3509	21B-017.18	Yên Bái
310	22A-277.79	Tuyên Quang	1910	23B-012.21	Hà Giang	3510	22A-280.99	Tuyên Quang
311	22C-114.68	Tuyên Quang	1911	23B-013.79	Hà Giang	3511	22A-283.28	Tuyên Quang
312	22D-011.44	Tuyên Quang	1912	23C-091.77	Hà Giang	3512	22A-283.38	Tuyên Quang
313	22D-011.66	Tuyên Quang	1913	24A-322.89	Lào Cai	3513	22B-018.01	Tuyên Quang
314	23A-165.22	Hà Giang	1914	24A-324.44	Lào Cai	3514	22C-112.69	Tuyên Quang
315	23C-090.99	Hà Giang	1915	24C-169.00	Lào Cai	3515	22C-113.39	Tuyên Quang
316	23D-010.44	Hà Giang	1916	24D-010.99	Lào Cai	3516	23B-011.55	Hà Giang
317	24A-317.71	Lào Cai	1917	24D-012.13	Lào Cai	3517	23C-090.90	Hà Giang
318	24A-320.23	Lào Cai	1918	24D-012.66	Lào Cai	3518	23C-091.33	Hà Giang
319	24C-170.86	Lào Cai	1919	25B-007.86	Lai Châu	3519	24A-317.33	Lào Cai
320	24D-010.88	Lào Cai	1920	25C-061.16	Lai Châu	3520	24A-318.68	Lào Cai
321	25A-084.89	Lai Châu	1921	25C-062.39	Lai Châu	3521	24A-325.11	Lào Cai
322	25B-007.89	Lai Châu	1922	25D-008.33	Lai Châu	3522	24B-022.39	Lào Cai
323	25B-011.68	Lai Châu	1923	25D-008.80	Lai Châu	3523	25B-009.88	Lai Châu
324	26A-235.11	Sơn La	1924	25D-008.88	Lai Châu	3524	25B-010.00	Lai Châu
325	26C-167.79	Sơn La	1925	26A-235.22	Sơn La	3525	25B-010.01	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	27A-132.31	Điện Biên	1926	26A-237.55	Sơn La	3526	25B-010.89	Lai Châu
327	27A-133.11	Điện Biên	1927	26B-020.79	Sơn La	3527	25C-059.69	Lai Châu
328	27B-014.99	Điện Biên	1928	26C-165.55	Sơn La	3528	25C-062.26	Lai Châu
329	27C-074.89	Điện Biên	1929	26D-015.33	Sơn La	3529	25C-063.66	Lai Châu
330	27C-076.00	Điện Biên	1930	26D-016.00	Sơn La	3530	26A-241.77	Sơn La
331	27C-077.22	Điện Biên	1931	26D-016.69	Sơn La	3531	26A-243.34	Sơn La
332	28A-262.00	Hòa Bình	1932	27A-130.86	Điện Biên	3532	26D-015.44	Sơn La
333	28A-263.00	Hòa Bình	1933	27A-132.55	Điện Biên	3533	27A-131.79	Điện Biên
334	28A-263.86	Hòa Bình	1934	27B-014.77	Điện Biên	3534	27A-132.39	Điện Biên
335	28A-267.55	Hòa Bình	1935	27B-015.16	Điện Biên	3535	27C-075.70	Điện Biên
336	28C-122.86	Hòa Bình	1936	27B-017.66	Điện Biên	3536	28A-259.25	Hòa Bình
337	28D-014.41	Hòa Bình	1937	27D-010.66	Điện Biên	3537	28A-267.86	Hòa Bình
338	29D-626.99	Hà Nội	1938	28A-259.96	Hòa Bình	3538	28A-268.22	Hòa Bình
339	29D-636.22	Hà Nội	1939	28A-261.44	Hòa Bình	3539	28B-017.77	Hòa Bình
340	29D-637.86	Hà Nội	1940	28A-265.99	Hòa Bình	3540	29D-633.86	Hà Nội
341	29D-640.22	Hà Nội	1941	28C-124.39	Hòa Bình	3541	29D-641.55	Hà Nội
342	29K-332.32	Hà Nội	1942	28C-126.11	Hòa Bình	3542	29K-330.22	Hà Nội
343	29K-334.33	Hà Nội	1943	28C-126.22	Hòa Bình	3543	29K-343.33	Hà Nội
344	29K-335.33	Hà Nội	1944	28C-127.27	Hòa Bình	3544	29K-345.86	Hà Nội
345	29K-340.39	Hà Nội	1945	28D-011.10	Hòa Bình	3545	29K-347.79	Hà Nội
346	29K-344.33	Hà Nội	1946	28D-014.79	Hòa Bình	3546	29K-353.22	Hà Nội
347	29K-349.77	Hà Nội	1947	29D-627.55	Hà Nội	3547	29K-366.68	Hà Nội
348	29K-368.66	Hà Nội	1948	29D-634.99	Hà Nội	3548	29K-367.33	Hà Nội
349	29K-373.74	Hà Nội	1949	29D-638.83	Hà Nội	3549	29K-368.33	Hà Nội
350	29K-380.11	Hà Nội	1950	29D-641.77	Hà Nội	3550	29K-368.99	Hà Nội
351	29K-386.88	Hà Nội	1951	29K-335.00	Hà Nội	3551	29K-370.55	Hà Nội
352	29K-388.22	Hà Nội	1952	29K-336.77	Hà Nội	3552	29K-375.39	Hà Nội
353	29K-389.39	Hà Nội	1953	29K-339.96	Hà Nội	3553	29K-381.33	Hà Nội
354	29K-393.89	Hà Nội	1954	29K-342.24	Hà Nội	3554	29K-384.48	Hà Nội
355	29K-395.11	Hà Nội	1955	29K-343.34	Hà Nội	3555	29K-389.77	Hà Nội
356	29K-404.55	Hà Nội	1956	29K-348.69	Hà Nội	3556	29K-394.00	Hà Nội
357	29K-407.70	Hà Nội	1957	29K-349.34	Hà Nội	3557	29K-404.04	Hà Nội
358	29K-409.09	Hà Nội	1958	29K-349.68	Hà Nội	3558	29K-408.86	Hà Nội
359	29K-410.01	Hà Nội	1959	29K-353.11	Hà Nội	3559	29K-421.39	Hà Nội
360	29K-416.00	Hà Nội	1960	29K-367.22	Hà Nội	3560	29K-423.33	Hà Nội
361	29K-416.11	Hà Nội	1961	29K-370.39	Hà Nội	3561	29K-428.22	Hà Nội
362	29K-426.11	Hà Nội	1962	29K-370.86	Hà Nội	3562	29K-435.00	Hà Nội
363	29K-430.33	Hà Nội	1963	29K-372.79	Hà Nội	3563	29K-440.11	Hà Nội
364	29K-432.89	Hà Nội	1964	29K-374.11	Hà Nội	3564	29K-444.28	Hà Nội
365	29K-435.33	Hà Nội	1965	29K-376.11	Hà Nội	3565	29K-449.11	Hà Nội
366	29K-445.79	Hà Nội	1966	29K-376.22	Hà Nội	3566	29K-460.55	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-445.88	Hà Nội	1967	29K-381.39	Hà Nội	3567	29K-464.89	Hà Nội
368	29K-447.68	Hà Nội	1968	29K-386.39	Hà Nội	3568	29K-465.00	Hà Nội
369	29K-450.50	Hà Nội	1969	29K-388.44	Hà Nội	3569	29K-467.33	Hà Nội
370	29K-452.77	Hà Nội	1970	29K-391.77	Hà Nội	3570	29K-473.79	Hà Nội
371	29K-455.68	Hà Nội	1971	29K-405.05	Hà Nội	3571	29K-476.67	Hà Nội
372	29K-462.00	Hà Nội	1972	29K-418.86	Hà Nội	3572	29K-476.77	Hà Nội
373	29K-473.39	Hà Nội	1973	29K-422.11	Hà Nội	3573	34A-926.26	Hải Dương
374	34A-943.88	Hải Dương	1974	29K-427.44	Hà Nội	3574	34A-929.22	Hải Dương
375	34A-945.39	Hải Dương	1975	29K-430.31	Hà Nội	3575	34A-933.86	Hải Dương
376	34A-953.79	Hải Dương	1976	29K-436.63	Hà Nội	3576	34A-936.00	Hải Dương
377	34A-959.95	Hải Dương	1977	29K-436.89	Hà Nội	3577	34A-938.00	Hải Dương
378	34A-964.86	Hải Dương	1978	29K-451.22	Hà Nội	3578	34A-941.79	Hải Dương
379	34A-966.98	Hải Dương	1979	29K-453.11	Hà Nội	3579	34A-968.00	Hải Dương
380	34A-970.00	Hải Dương	1980	29K-457.99	Hà Nội	3580	34A-975.86	Hải Dương
381	34B-044.39	Hải Dương	1981	29K-459.44	Hà Nội	3581	34A-976.79	Hải Dương
382	34B-046.68	Hải Dương	1982	29K-462.88	Hà Nội	3582	34B-044.68	Hải Dương
383	34C-439.68	Hải Dương	1983	29K-463.11	Hà Nội	3583	34C-433.39	Hải Dương
384	34C-446.99	Hải Dương	1984	29K-464.77	Hà Nội	3584	34C-437.38	Hải Dương
385	35A-464.22	Ninh Bình	1985	29K-465.77	Hà Nội	3585	34C-444.18	Hải Dương
386	35A-476.68	Ninh Bình	1986	29K-465.79	Hà Nội	3586	34C-444.38	Hải Dương
387	35A-481.66	Ninh Bình	1987	34A-919.77	Hải Dương	3587	34C-451.88	Hải Dương
388	35C-180.80	Ninh Bình	1988	34A-925.52	Hải Dương	3588	34D-039.55	Hải Dương
389	35C-184.84	Ninh Bình	1989	34A-927.86	Hải Dương	3589	34D-040.40	Hải Dương
390	36B-049.86	Thanh Hóa	1990	34A-935.68	Hải Dương	3590	35A-464.64	Ninh Bình
391	36C-552.00	Thanh Hóa	1991	34A-936.77	Hải Dương	3591	35A-468.64	Ninh Bình
392	36C-552.79	Thanh Hóa	1992	34A-940.39	Hải Dương	3592	35A-472.55	Ninh Bình
393	36C-558.55	Thanh Hóa	1993	34A-941.55	Hải Dương	3593	35A-479.47	Ninh Bình
394	36C-562.77	Thanh Hóa	1994	34A-941.89	Hải Dương	3594	35A-479.97	Ninh Bình
395	36C-563.99	Thanh Hóa	1995	34A-945.69	Hải Dương	3595	35A-480.22	Ninh Bình
396	36C-564.11	Thanh Hóa	1996	34A-950.00	Hải Dương	3596	35A-480.84	Ninh Bình
397	36C-569.11	Thanh Hóa	1997	34A-955.98	Hải Dương	3597	35A-482.44	Ninh Bình
398	36C-572.55	Thanh Hóa	1998	34A-960.69	Hải Dương	3598	35A-482.55	Ninh Bình
399	36C-573.99	Thanh Hóa	1999	34A-960.99	Hải Dương	3599	35B-023.22	Ninh Bình
400	36K-250.33	Thanh Hóa	2000	34A-963.68	Hải Dương	3600	35B-024.22	Ninh Bình
401	36K-250.79	Thanh Hóa	2001	34A-963.99	Hải Dương	3601	35C-185.58	Ninh Bình
402	36K-254.88	Thanh Hóa	2002	34A-964.44	Hải Dương	3602	36B-048.88	Thanh Hóa
403	36K-256.88	Thanh Hóa	2003	34A-971.66	Hải Dương	3603	36C-551.89	Thanh Hóa
404	36K-259.52	Thanh Hóa	2004	34A-974.55	Hải Dương	3604	36C-554.86	Thanh Hóa
405	36K-261.77	Thanh Hóa	2005	34A-976.76	Hải Dương	3605	36C-562.89	Thanh Hóa
406	36K-271.22	Thanh Hóa	2006	34C-437.34	Hải Dương	3606	36C-577.11	Thanh Hóa
407	36K-279.11	Thanh Hóa	2007	34C-439.11	Hải Dương	3607	36C-581.86	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
408	36K-279.39	Thanh Hóa	2008	34C-447.55	Hải Dương	3608	36D-033.03	Thanh Hóa
409	36K-283.00	Thanh Hóa	2009	34C-447.68	Hải Dương	3609	36K-244.45	Thanh Hóa
410	36K-284.55	Thanh Hóa	2010	35A-470.47	Ninh Bình	3610	36K-245.33	Thanh Hóa
411	36K-289.82	Thanh Hóa	2011	35A-474.74	Ninh Bình	3611	36K-248.77	Thanh Hóa
412	36K-290.44	Thanh Hóa	2012	35A-477.39	Ninh Bình	3612	36K-260.88	Thanh Hóa
413	36K-292.77	Thanh Hóa	2013	35A-478.39	Ninh Bình	3613	36K-269.55	Thanh Hóa
414	36K-301.22	Thanh Hóa	2014	35A-478.55	Ninh Bình	3614	36K-274.89	Thanh Hóa
415	36K-303.88	Thanh Hóa	2015	35A-481.39	Ninh Bình	3615	36K-284.86	Thanh Hóa
416	37B-047.77	Nghệ An	2016	35A-482.48	Ninh Bình	3616	37C-568.66	Nghệ An
417	37B-048.79	Nghệ An	2017	35C-180.66	Ninh Bình	3617	37C-569.68	Nghệ An
418	37B-048.99	Nghệ An	2018	35D-017.33	Ninh Bình	3618	37C-571.72	Nghệ An
419	37C-574.88	Nghệ An	2019	35D-019.10	Ninh Bình	3619	37C-574.33	Nghệ An
420	37C-589.77	Nghệ An	2020	36C-547.99	Thanh Hóa	3620	37C-575.99	Nghệ An
421	37C-596.79	Nghệ An	2021	36C-549.55	Thanh Hóa	3621	37C-578.57	Nghệ An
422	37D-048.33	Nghệ An	2022	36C-549.88	Thanh Hóa	3622	37C-578.77	Nghệ An
423	37K-482.89	Nghệ An	2023	36C-552.55	Thanh Hóa	3623	37C-582.22	Nghệ An
424	37K-490.44	Nghệ An	2024	36C-553.22	Thanh Hóa	3624	37C-583.83	Nghệ An
425	37K-494.69	Nghệ An	2025	36C-557.79	Thanh Hóa	3625	37C-593.55	Nghệ An
426	37K-497.89	Nghệ An	2026	36C-558.22	Thanh Hóa	3626	37C-594.86	Nghệ An
427	37K-513.22	Nghệ An	2027	36C-560.00	Thanh Hóa	3627	37C-594.88	Nghệ An
428	37K-514.39	Nghệ An	2028	36C-561.00	Thanh Hóa	3628	37K-395.79	Nghệ An
429	37K-516.33	Nghệ An	2029	36C-561.86	Thanh Hóa	3629	37K-482.48	Nghệ An
430	37K-522.77	Nghệ An	2030	36C-564.65	Thanh Hóa	3630	37K-488.69	Nghệ An
431	37K-524.22	Nghệ An	2031	36C-576.57	Thanh Hóa	3631	37K-494.22	Nghệ An
432	37K-526.79	Nghệ An	2032	36C-580.86	Thanh Hóa	3632	37K-495.99	Nghệ An
433	37K-528.00	Nghệ An	2033	36D-032.30	Thanh Hóa	3633	37K-498.39	Nghệ An
434	37K-528.99	Nghệ An	2034	36K-234.43	Thanh Hóa	3634	37K-504.00	Nghệ An
435	37K-531.68	Nghệ An	2035	36K-235.69	Thanh Hóa	3635	37K-504.68	Nghệ An
436	37K-534.99	Nghệ An	2036	36K-242.22	Thanh Hóa	3636	37K-504.99	Nghệ An
437	37K-541.14	Nghệ An	2037	36K-242.33	Thanh Hóa	3637	37K-505.66	Nghệ An
438	37K-541.69	Nghệ An	2038	36K-249.79	Thanh Hóa	3638	37K-508.05	Nghệ An
439	37K-551.15	Nghệ An	2039	36K-251.88	Thanh Hóa	3639	37K-511.69	Nghệ An
440	37K-552.39	Nghệ An	2040	36K-256.77	Thanh Hóa	3640	37K-511.79	Nghệ An
441	37K-553.54	Nghệ An	2041	36K-265.79	Thanh Hóa	3641	37K-512.11	Nghệ An
442	37K-553.88	Nghệ An	2042	36K-269.68	Thanh Hóa	3642	37K-515.86	Nghệ An
443	37K-558.44	Nghệ An	2043	36K-270.89	Thanh Hóa	3643	37K-517.55	Nghệ An
444	37K-559.11	Nghệ An	2044	36K-275.75	Thanh Hóa	3644	37K-526.33	Nghệ An
445	38A-679.00	Hà Tĩnh	2045	36K-281.77	Thanh Hóa	3645	37K-528.29	Nghệ An
446	38A-679.96	Hà Tĩnh	2046	36K-284.69	Thanh Hóa	3646	37K-533.88	Nghệ An
447	38A-682.79	Hà Tĩnh	2047	36K-290.66	Thanh Hóa	3647	37K-538.55	Nghệ An
448	38A-705.50	Hà Tĩnh	2048	36K-290.77	Thanh Hóa	3648	37K-542.45	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	38A-708.11	Hà Tĩnh	2049	36K-294.49	Thanh Hóa	3649	37K-547.47	Nghệ An
450	38A-709.00	Hà Tĩnh	2050	36K-296.99	Thanh Hóa	3650	37K-548.49	Nghệ An
451	38A-709.68	Hà Tĩnh	2051	36K-300.79	Thanh Hóa	3651	37K-553.68	Nghệ An
452	38D-023.22	Hà Tĩnh	2052	37C-567.86	Nghệ An	3652	37K-564.22	Nghệ An
453	43A-944.39	Đà Nẵng	2053	37C-568.69	Nghệ An	3653	37K-564.69	Nghệ An
454	43A-948.11	Đà Nẵng	2054	37C-571.77	Nghệ An	3654	37K-565.79	Nghệ An
455	43A-951.15	Đà Nẵng	2055	37C-581.22	Nghệ An	3655	37K-571.66	Nghệ An
456	43A-951.89	Đà Nẵng	2056	37C-586.88	Nghệ An	3656	38A-691.99	Hà Tĩnh
457	43A-971.22	Đà Nẵng	2057	37K-485.79	Nghệ An	3657	38A-694.99	Hà Tĩnh
458	43A-975.75	Đà Nẵng	2058	37K-487.84	Nghệ An	3658	38A-705.79	Hà Tĩnh
459	43A-979.96	Đà Nẵng	2059	37K-491.77	Nghệ An	3659	38A-707.68	Hà Tĩnh
460	43B-063.89	Đà Nẵng	2060	37K-502.66	Nghệ An	3660	38A-707.70	Hà Tĩnh
461	43C-321.21	Đà Nẵng	2061	37K-503.66	Nghệ An	3661	38A-710.01	Hà Tĩnh
462	43D-013.01	Đà Nẵng	2062	37K-503.69	Nghệ An	3662	38A-711.00	Hà Tĩnh
463	43D-015.22	Đà Nẵng	2063	37K-510.10	Nghệ An	3663	38C-252.66	Hà Tĩnh
464	43D-015.44	Đà Nẵng	2064	37K-512.22	Nghệ An	3664	43A-946.99	Đà Nẵng
465	47A-815.33	Đắk Lắk	2065	37K-513.68	Nghệ An	3665	43A-956.86	Đà Nẵng
466	47A-817.18	Đắk Lắk	2066	37K-514.15	Nghệ An	3666	43A-962.66	Đà Nẵng
467	47A-818.44	Đắk Lắk	2067	37K-514.89	Nghệ An	3667	43A-966.22	Đà Nẵng
468	47A-835.88	Đắk Lắk	2068	37K-517.00	Nghệ An	3668	43A-970.79	Đà Nẵng
469	47A-848.55	Đắk Lắk	2069	37K-520.39	Nghệ An	3669	43A-977.55	Đà Nẵng
470	47A-860.68	Đắk Lắk	2070	37K-525.11	Nghệ An	3670	43B-065.66	Đà Nẵng
471	47A-863.11	Đắk Lắk	2071	37K-543.99	Nghệ An	3671	43B-066.86	Đà Nẵng
472	47B-045.55	Đắk Lắk	2072	37K-551.69	Nghệ An	3672	43C-314.66	Đà Nẵng
473	47C-403.68	Đắk Lắk	2073	37K-552.44	Nghệ An	3673	43C-316.11	Đà Nẵng
474	47C-407.70	Đắk Lắk	2074	37K-553.22	Nghệ An	3674	43C-321.33	Đà Nẵng
475	47C-409.44	Đắk Lắk	2075	37K-555.12	Nghệ An	3675	43C-321.88	Đà Nẵng
476	47C-410.77	Đắk Lắk	2076	37K-560.56	Nghệ An	3676	43D-013.00	Đà Nẵng
477	47C-412.21	Đắk Lắk	2077	37K-560.69	Nghệ An	3677	43D-013.44	Đà Nẵng
478	47C-412.79	Đắk Lắk	2078	37K-571.39	Nghệ An	3678	47A-820.79	Đắk Lắk
479	47C-415.77	Đắk Lắk	2079	38A-684.22	Hà Tĩnh	3679	47A-824.42	Đắk Lắk
480	47C-415.89	Đắk Lắk	2080	38A-685.66	Hà Tĩnh	3680	47A-833.86	Đắk Lắk
481	47C-420.88	Đắk Lắk	2081	38A-699.00	Hà Tĩnh	3681	47A-841.00	Đắk Lắk
482	48A-248.24	Đắk Nông	2082	38A-701.39	Hà Tĩnh	3682	47A-845.33	Đắk Lắk
483	48A-249.42	Đắk Nông	2083	38B-023.00	Hà Tĩnh	3683	47A-849.69	Đắk Lắk
484	48A-250.22	Đắk Nông	2084	38B-024.79	Hà Tĩnh	3684	47A-851.52	Đắk Lắk
485	48A-253.77	Đắk Nông	2085	38C-245.44	Hà Tĩnh	3685	47A-851.58	Đắk Lắk
486	48A-256.25	Đắk Nông	2086	38C-251.99	Hà Tĩnh	3686	47A-855.44	Đắk Lắk
487	49A-758.58	Lâm Đồng	2087	43A-942.22	Đà Nẵng	3687	47A-859.77	Đắk Lắk
488	49A-767.86	Lâm Đồng	2088	43A-948.33	Đà Nẵng	3688	47A-861.11	Đắk Lắk
489	49A-777.38	Lâm Đồng	2089	43A-950.79	Đà Nẵng	3689	47A-862.89	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	49A-779.33	Lâm Đồng	2090	43A-951.44	Đà Nẵng	3690	47A-862.99	Đắk Lắk
491	49A-780.00	Lâm Đồng	2091	43A-958.44	Đà Nẵng	3691	47A-863.68	Đắk Lắk
492	49B-034.11	Lâm Đồng	2092	43A-965.22	Đà Nẵng	3692	47B-042.44	Đắk Lắk
493	49C-393.39	Lâm Đồng	2093	43A-967.76	Đà Nẵng	3693	47B-043.11	Đắk Lắk
494	49C-393.86	Lâm Đồng	2094	43A-971.33	Đà Nẵng	3694	47B-045.04	Đắk Lắk
495	51E-341.34	Hồ Chí Minh	2095	43A-974.55	Đà Nẵng	3695	47B-045.33	Đắk Lắk
496	51E-353.00	Hồ Chí Minh	2096	43D-014.01	Đà Nẵng	3696	47C-398.33	Đắk Lắk
497	60C-757.68	Đồng Nai	2097	43D-014.69	Đà Nẵng	3697	47C-414.22	Đắk Lắk
498	60C-764.68	Đồng Nai	2098	47A-816.11	Đắk Lắk	3698	48A-250.79	Đắk Nông
499	60C-764.86	Đồng Nai	2099	47A-818.77	Đắk Lắk	3699	48A-256.79	Đắk Nông
500	60C-770.11	Đồng Nai	2100	47A-824.55	Đắk Lắk	3700	48A-259.66	Đắk Nông
501	60C-770.88	Đồng Nai	2101	47A-825.82	Đắk Lắk	3701	48B-014.00	Đắk Nông
502	60C-771.99	Đồng Nai	2102	47A-834.55	Đắk Lắk	3702	48B-015.16	Đắk Nông
503	60C-772.77	Đồng Nai	2103	47A-847.22	Đắk Lắk	3703	48C-121.11	Đắk Nông
504	60C-780.00	Đồng Nai	2104	47A-858.59	Đắk Lắk	3704	48D-006.33	Đắk Nông
505	60C-783.66	Đồng Nai	2105	47A-859.11	Đắk Lắk	3705	49A-729.79	Lâm Đồng
506	60C-793.33	Đồng Nai	2106	47A-865.11	Đắk Lắk	3706	49A-737.79	Lâm Đồng
507	60D-023.22	Đồng Nai	2107	47C-397.66	Đắk Lắk	3707	49A-751.33	Lâm Đồng
508	60K-619.44	Đồng Nai	2108	47C-401.66	Đắk Lắk	3708	49A-754.44	Lâm Đồng
509	60K-620.20	Đồng Nai	2109	47C-408.77	Đắk Lắk	3709	49A-757.57	Lâm Đồng
510	60K-623.68	Đồng Nai	2110	47C-417.88	Đắk Lắk	3710	49A-760.88	Lâm Đồng
511	60K-629.86	Đồng Nai	2111	47C-419.79	Đắk Lắk	3711	49A-763.36	Lâm Đồng
512	60K-656.57	Đồng Nai	2112	47C-419.86	Đắk Lắk	3712	49A-766.79	Lâm Đồng
513	60K-657.69	Đồng Nai	2113	48A-248.49	Đắk Nông	3713	49A-771.99	Lâm Đồng
514	60K-660.86	Đồng Nai	2114	48A-249.68	Đắk Nông	3714	49A-775.75	Lâm Đồng
515	60K-663.36	Đồng Nai	2115	48A-251.88	Đắk Nông	3715	49A-775.99	Lâm Đồng
516	60K-663.55	Đồng Nai	2116	48A-254.66	Đắk Nông	3716	49A-779.69	Lâm Đồng
517	60K-664.44	Đồng Nai	2117	48B-017.00	Đắk Nông	3717	49A-780.68	Lâm Đồng
518	60K-666.45	Đồng Nai	2118	48C-118.22	Đắk Nông	3718	49B-032.86	Lâm Đồng
519	60K-666.55	Đồng Nai	2119	48C-119.99	Đắk Nông	3719	49C-389.39	Lâm Đồng
520	60K-670.76	Đồng Nai	2120	48C-120.79	Đắk Nông	3720	49C-395.66	Lâm Đồng
521	60K-679.22	Đồng Nai	2121	48D-007.79	Đắk Nông	3721	51B-714.15	Hồ Chí Minh
522	60K-695.39	Đồng Nai	2122	48D-008.00	Đắk Nông	3722	51B-714.66	Hồ Chí Minh
523	60K-698.39	Đồng Nai	2123	49A-747.22	Lâm Đồng	3723	51E-345.55	Hồ Chí Minh
524	61B-047.33	Bình Dương	2124	49A-750.05	Lâm Đồng	3724	51E-349.66	Hồ Chí Minh
525	61B-048.04	Bình Dương	2125	49A-762.89	Lâm Đồng	3725	51E-353.33	Hồ Chí Minh
526	61C-620.33	Bình Dương	2126	49A-764.89	Lâm Đồng	3726	51E-354.88	Hồ Chí Minh
527	61C-621.88	Bình Dương	2127	49A-768.33	Lâm Đồng	3727	60C-762.00	Đồng Nai
528	61C-635.35	Bình Dương	2128	49B-032.32	Lâm Đồng	3728	60C-762.44	Đồng Nai
529	61C-639.22	Bình Dương	2129	49D-018.11	Lâm Đồng	3729	60C-772.99	Đồng Nai
530	61C-643.00	Bình Dương	2130	51B-712.44	Hồ Chí Minh	3730	60C-776.79	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	61K-522.25	Bình Dương	2131	51E-348.55	Hồ Chí Minh	3731	60C-783.87	Đồng Nai
532	61K-522.86	Bình Dương	2132	51E-354.89	Hồ Chí Minh	3732	60D-025.68	Đồng Nai
533	61K-529.33	Bình Dương	2133	60C-758.00	Đồng Nai	3733	60K-625.11	Đồng Nai
534	61K-535.99	Bình Dương	2134	60C-761.55	Đồng Nai	3734	60K-628.11	Đồng Nai
535	61K-536.00	Bình Dương	2135	60C-765.76	Đồng Nai	3735	60K-640.00	Đồng Nai
536	61K-536.22	Bình Dương	2136	60C-771.39	Đồng Nai	3736	60K-640.86	Đồng Nai
537	61K-540.86	Bình Dương	2137	60C-777.12	Đồng Nai	3737	60K-646.68	Đồng Nai
538	61K-546.22	Bình Dương	2138	60C-778.39	Đồng Nai	3738	60K-649.00	Đồng Nai
539	61K-546.47	Bình Dương	2139	60C-778.99	Đồng Nai	3739	60K-654.69	Đồng Nai
540	61K-548.89	Bình Dương	2140	60C-790.44	Đồng Nai	3740	60K-655.77	Đồng Nai
541	61K-553.54	Bình Dương	2141	60D-023.33	Đồng Nai	3741	60K-656.44	Đồng Nai
542	61K-554.86	Bình Dương	2142	60D-025.55	Đồng Nai	3742	60K-659.69	Đồng Nai
543	61K-555.78	Bình Dương	2143	60K-639.11	Đồng Nai	3743	60K-669.33	Đồng Nai
544	61K-565.99	Bình Dương	2144	60K-642.86	Đồng Nai	3744	60K-674.88	Đồng Nai
545	61K-596.77	Bình Dương	2145	60K-645.46	Đồng Nai	3745	60K-677.00	Đồng Nai
546	61K-597.11	Bình Dương	2146	60K-667.22	Đồng Nai	3746	60K-679.67	Đồng Nai
547	62A-470.22	Long An	2147	60K-669.68	Đồng Nai	3747	60K-680.08	Đồng Nai
548	62A-475.69	Long An	2148	60K-672.69	Đồng Nai	3748	60K-684.22	Đồng Nai
549	62A-478.77	Long An	2149	60K-677.69	Đồng Nai	3749	60K-684.66	Đồng Nai
550	62A-478.99	Long An	2150	60K-687.44	Đồng Nai	3750	60K-693.44	Đồng Nai
551	62A-480.69	Long An	2151	61B-045.22	Bình Dương	3751	61B-046.68	Bình Dương
552	62A-480.88	Long An	2152	61B-047.04	Bình Dương	3752	61C-611.68	Bình Dương
553	62A-481.39	Long An	2153	61C-610.77	Bình Dương	3753	61C-621.68	Bình Dương
554	62A-489.55	Long An	2154	61C-613.66	Bình Dương	3754	61C-630.31	Bình Dương
555	62A-494.44	Long An	2155	61C-614.22	Bình Dương	3755	61C-637.55	Bình Dương
556	62C-218.44	Long An	2156	61C-618.19	Bình Dương	3756	61C-638.39	Bình Dương
557	62C-222.13	Long An	2157	61C-631.44	Bình Dương	3757	61C-639.69	Bình Dương
558	62C-222.58	Long An	2158	61D-024.24	Bình Dương	3758	61D-026.44	Bình Dương
559	62D-016.68	Long An	2159	61K-519.98	Bình Dương	3759	61K-520.44	Bình Dương
560	63A-335.66	Tiền Giang	2160	61K-520.00	Bình Dương	3760	61K-533.34	Bình Dương
561	63A-336.69	Tiền Giang	2161	61K-520.20	Bình Dương	3761	61K-565.56	Bình Dương
562	63A-340.55	Tiền Giang	2162	61K-521.86	Bình Dương	3762	61K-565.65	Bình Dương
563	63C-222.66	Tiền Giang	2163	61K-526.86	Bình Dương	3763	61K-569.86	Bình Dương
564	63C-235.00	Tiền Giang	2164	61K-527.99	Bình Dương	3764	61K-569.89	Bình Dương
565	63C-236.33	Tiền Giang	2165	61K-528.00	Bình Dương	3765	61K-584.58	Bình Dương
566	63D-014.11	Tiền Giang	2166	61K-545.44	Bình Dương	3766	61K-584.77	Bình Dương
567	64A-204.40	Vĩnh Long	2167	61K-545.45	Bình Dương	3767	61K-587.11	Bình Dương
568	64A-205.50	Vĩnh Long	2168	61K-548.68	Bình Dương	3768	61K-587.85	Bình Dương
569	64A-210.66	Vĩnh Long	2169	61K-556.88	Bình Dương	3769	61K-590.79	Bình Dương
570	64C-134.77	Vĩnh Long	2170	61K-565.68	Bình Dương	3770	62A-477.22	Long An
571	65A-527.69	Cần Thơ	2171	61K-583.58	Bình Dương	3771	62A-484.66	Long An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	65B-025.44	Cần Thơ	2172	61K-584.86	Bình Dương	3772	62B-033.30	Long An
573	65B-026.33	Cần Thơ	2173	61K-587.78	Bình Dương	3773	62C-217.18	Long An
574	65C-250.00	Cần Thơ	2174	62A-478.86	Long An	3774	62C-222.21	Long An
575	65C-253.22	Cần Thơ	2175	62A-480.99	Long An	3775	62C-222.56	Long An
576	65C-261.86	Cần Thơ	2176	62A-483.86	Long An	3776	63A-327.72	Tiền Giang
577	65C-263.77	Cần Thơ	2177	62A-493.88	Long An	3777	63A-333.28	Tiền Giang
578	65C-268.69	Cần Thơ	2178	62C-222.16	Long An	3778	63A-333.88	Tiền Giang
579	65C-278.99	Cần Thơ	2179	62C-224.25	Long An	3779	63A-334.35	Tiền Giang
580	65D-014.41	Cần Thơ	2180	62D-015.89	Long An	3780	63A-335.00	Tiền Giang
581	66A-310.13	Đồng Tháp	2181	62D-016.89	Long An	3781	63B-035.68	Tiền Giang
582	66A-314.14	Đồng Tháp	2182	63A-329.89	Tiền Giang	3782	63C-232.77	Tiền Giang
583	66A-315.99	Đồng Tháp	2183	63A-329.96	Tiền Giang	3783	63C-233.69	Tiền Giang
584	66B-024.99	Đồng Tháp	2184	63A-331.44	Tiền Giang	3784	63C-234.43	Tiền Giang
585	66B-027.00	Đồng Tháp	2185	63B-035.11	Tiền Giang	3785	64A-206.44	Vĩnh Long
586	66C-189.68	Đồng Tháp	2186	63B-036.33	Tiền Giang	3786	64A-207.22	Vĩnh Long
587	67A-329.11	An Giang	2187	63C-236.36	Tiền Giang	3787	64A-214.39	Vĩnh Long
588	67A-343.55	An Giang	2188	63C-236.69	Tiền Giang	3788	64C-134.79	Vĩnh Long
589	67B-031.69	An Giang	2189	63C-236.79	Tiền Giang	3789	64C-136.37	Vĩnh Long
590	67C-190.00	An Giang	2190	63C-239.32	Tiền Giang	3790	64D-007.88	Vĩnh Long
591	67C-193.88	An Giang	2191	64A-205.88	Vĩnh Long	3791	65A-518.15	Cần Thơ
592	67C-194.77	An Giang	2192	64B-016.61	Vĩnh Long	3792	65A-521.68	Cần Thơ
593	67C-196.33	An Giang	2193	64B-019.95	Vĩnh Long	3793	65A-524.22	Cần Thơ
594	68A-365.44	Kiên Giang	2194	64C-140.44	Vĩnh Long	3794	65A-524.39	Cần Thơ
595	68A-369.66	Kiên Giang	2195	64D-008.80	Vĩnh Long	3795	65A-530.22	Cần Thơ
596	68A-375.00	Kiên Giang	2196	65A-524.00	Cần Thơ	3796	65B-025.66	Cần Thơ
597	68B-035.33	Kiên Giang	2197	65A-526.39	Cần Thơ	3797	65B-025.77	Cần Thơ
598	68C-178.00	Kiên Giang	2198	65B-026.22	Cần Thơ	3798	65B-028.44	Cần Thơ
599	68C-183.79	Kiên Giang	2199	65C-255.86	Cần Thơ	3799	65C-250.50	Cần Thơ
600	69A-171.88	Cà Mau	2200	65C-256.79	Cần Thơ	3800	65C-250.86	Cần Thơ
601	69A-174.00	Cà Mau	2201	65C-257.77	Cần Thơ	3801	65C-256.88	Cần Thơ
602	69B-013.77	Cà Mau	2202	65C-277.22	Cần Thơ	3802	65C-260.44	Cần Thơ
603	69C-106.88	Cà Mau	2203	65C-278.89	Cần Thơ	3803	65C-261.55	Cần Thơ
604	69D-008.08	Cà Mau	2204	65D-010.79	Cần Thơ	3804	65C-273.39	Cần Thơ
605	70A-588.39	Tây Ninh	2205	65D-011.00	Cần Thơ	3805	65C-277.33	Cần Thơ
606	70A-589.58	Tây Ninh	2206	66A-318.19	Đồng Tháp	3806	65C-279.86	Cần Thơ
607	70A-601.06	Tây Ninh	2207	66C-186.89	Đồng Tháp	3807	66B-026.55	Đồng Tháp
608	70A-609.06	Tây Ninh	2208	66D-015.44	Đồng Tháp	3808	66C-190.11	Đồng Tháp
609	70A-610.16	Tây Ninh	2209	67A-315.15	An Giang	3809	66D-013.01	Đồng Tháp
610	70A-610.66	Tây Ninh	2210	67A-329.79	An Giang	3810	66D-014.88	Đồng Tháp
611	70A-613.86	Tây Ninh	2211	67A-333.19	An Giang	3811	67A-332.88	An Giang
612	70A-614.55	Tây Ninh	2212	67A-337.37	An Giang	3812	67A-333.45	An Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	70C-214.14	Tây Ninh	2213	67A-339.77	An Giang	3813	67C-197.89	An Giang
614	70C-215.55	Tây Ninh	2214	67A-340.89	An Giang	3814	67D-008.79	An Giang
615	70C-216.39	Tây Ninh	2215	67A-341.00	An Giang	3815	67D-009.99	An Giang
616	70C-216.89	Tây Ninh	2216	67B-030.77	An Giang	3816	67D-010.79	An Giang
617	70D-012.79	Tây Ninh	2217	67B-033.39	An Giang	3817	68A-367.86	Kiên Giang
618	71A-215.99	Bến Tre	2218	67C-192.91	An Giang	3818	68A-378.39	Kiên Giang
619	71A-223.23	Bến Tre	2219	68A-369.79	Kiên Giang	3819	68A-379.11	Kiên Giang
620	71B-023.44	Bến Tre	2220	68A-379.77	Kiên Giang	3820	68C-183.38	Kiên Giang
621	71B-025.11	Bến Tre	2221	68B-034.30	Kiên Giang	3821	69B-014.11	Cà Mau
622	72A-828.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2222	68B-035.99	Kiên Giang	3822	69C-104.10	Cà Mau
623	72A-848.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2223	68C-180.08	Kiên Giang	3823	69C-107.55	Cà Mau
624	72A-851.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2224	69A-173.73	Cà Mau	3824	69D-005.69	Cà Mau
625	72A-857.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2225	69A-176.39	Cà Mau	3825	70A-585.44	Tây Ninh
626	72A-857.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2226	70A-586.44	Tây Ninh	3826	70A-586.69	Tây Ninh
627	72A-859.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2227	70A-596.86	Tây Ninh	3827	70A-595.00	Tây Ninh
628	72A-861.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2228	70A-600.33	Tây Ninh	3828	70A-595.39	Tây Ninh
629	72A-863.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2229	70A-602.68	Tây Ninh	3829	70A-602.69	Tây Ninh
630	72A-866.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2230	70A-604.04	Tây Ninh	3830	70D-012.21	Tây Ninh
631	72A-869.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2231	70C-216.68	Tây Ninh	3831	71A-214.79	Bến Tre
632	72A-877.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2232	71A-216.77	Bến Tre	3832	71A-217.33	Bến Tre
633	72A-879.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2233	71A-220.33	Bến Tre	3833	71A-217.68	Bến Tre
634	72B-048.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2234	71C-135.88	Bến Tre	3834	71A-220.68	Bến Tre
635	72C-273.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2235	71C-137.69	Bến Tre	3835	71A-221.00	Bến Tre
636	72C-276.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2236	71D-007.55	Bến Tre	3836	71A-222.56	Bến Tre
637	72C-277.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2237	71D-008.77	Bến Tre	3837	72A-846.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
638	72D-013.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2238	72A-855.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3838	72A-846.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
639	72D-014.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2239	72A-865.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3839	72A-851.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
640	72D-014.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2240	72A-882.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3840	72A-875.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
641	72D-016.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2241	72C-264.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3841	72A-876.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
642	73A-373.88	Quảng Bình	2242	72C-264.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3842	72C-264.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
643	73A-375.68	Quảng Bình	2243	72C-267.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3843	72C-265.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
644	73B-017.17	Quảng Bình	2244	72C-272.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3844	72C-267.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
645	73B-017.39	Quảng Bình	2245	72C-281.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3845	72C-271.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	73C-193.66	Quảng Bình	2246	72D-013.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3846	72C-275.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
647	74A-233.68	Quảng Trị	2247	72D-016.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3847	72C-276.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
648	74A-279.96	Quảng Trị	2248	73A-381.81	Quảng Bình	3848	72C-279.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
649	74A-283.22	Quảng Trị	2249	73C-196.39	Quảng Bình	3849	72C-282.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
650	74A-285.58	Quảng Trị	2250	73D-011.68	Quảng Bình	3850	72D-015.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
651	74B-019.89	Quảng Trị	2251	74A-278.87	Quảng Trị	3851	73A-381.77	Quảng Bình
652	74C-144.11	Quảng Trị	2252	74A-283.66	Quảng Trị	3852	73C-192.77	Quảng Bình
653	74C-145.68	Quảng Trị	2253	74B-018.66	Quảng Trị	3853	73C-196.22	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
654	74C-146.79	Quảng Trị	2254	74C-148.66	Quảng Trị	3854	73C-197.68	Quảng Bình
655	74D-012.01	Quảng Trị	2255	74C-149.55	Quảng Trị	3855	73D-008.88	Quảng Bình
656	75A-392.86	Thừa Thiên Huế	2256	74D-012.55	Quảng Trị	3856	74A-278.78	Quảng Trị
657	75C-161.66	Thừa Thiên Huế	2257	74D-012.69	Quảng Trị	3857	74C-147.55	Quảng Trị
658	76A-324.24	Quảng Ngãi	2258	75A-388.79	Thừa Thiên Huế	3858	75A-391.00	Thừa Thiên Huế
659	76A-325.25	Quảng Ngãi	2259	75A-390.44	Thừa Thiên Huế	3859	75A-394.49	Thừa Thiên Huế
660	76A-331.66	Quảng Ngãi	2260	75A-394.22	Thừa Thiên Huế	3860	75A-403.00	Thừa Thiên Huế
661	76C-179.97	Quảng Ngãi	2261	75A-396.77	Thừa Thiên Huế	3861	75B-030.66	Thừa Thiên Huế
662	76D-012.33	Quảng Ngãi	2262	75B-032.77	Thừa Thiên Huế	3862	75C-160.61	Thừa Thiên Huế
663	77A-357.88	Bình Định	2263	75C-157.00	Thừa Thiên Huế	3863	75C-162.00	Thừa Thiên Huế
664	77A-371.88	Bình Định	2264	75C-157.86	Thừa Thiên Huế	3864	75C-162.22	Thừa Thiên Huế
665	77B-040.22	Bình Định	2265	75D-010.55	Thừa Thiên Huế	3865	76A-328.66	Quảng Ngãi
666	77C-264.26	Bình Định	2266	75D-012.86	Thừa Thiên Huế	3866	76A-330.88	Quảng Ngãi
667	77C-264.77	Bình Định	2267	76A-323.99	Quảng Ngãi	3867	76A-331.39	Quảng Ngãi
668	77D-008.33	Bình Định	2268	76A-324.44	Quảng Ngãi	3868	76B-028.55	Quảng Ngãi
669	77D-010.22	Bình Định	2269	76A-325.26	Quảng Ngãi	3869	76B-030.39	Quảng Ngãi
670	78A-219.19	Phú Yên	2270	76A-333.25	Quảng Ngãi	3870	77A-356.77	Bình Định
671	78A-221.77	Phú Yên	2271	76A-334.66	Quảng Ngãi	3871	77A-365.69	Bình Định
672	78A-222.18	Phú Yên	2272	76A-337.22	Quảng Ngãi	3872	77A-371.00	Bình Định
673	78C-128.68	Phú Yên	2273	76B-029.29	Quảng Ngãi	3873	77B-038.11	Bình Định
674	79A-574.88	Khánh Hòa	2274	76B-030.30	Quảng Ngãi	3874	78A-216.17	Phú Yên
675	79A-580.55	Khánh Hòa	2275	76C-178.66	Quảng Ngãi	3875	78A-217.86	Phú Yên
676	79A-580.89	Khánh Hòa	2276	76C-179.99	Quảng Ngãi	3876	78A-218.33	Phú Yên
677	79A-584.33	Khánh Hòa	2277	76D-014.00	Quảng Ngãi	3877	78A-218.66	Phú Yên
678	79A-587.69	Khánh Hòa	2278	76D-016.00	Quảng Ngãi	3878	78A-221.22	Phú Yên
679	79B-043.86	Khánh Hòa	2279	77A-360.69	Bình Định	3879	78B-020.55	Phú Yên
680	79B-044.77	Khánh Hòa	2280	77A-362.00	Bình Định	3880	78B-020.89	Phú Yên
681	79C-229.68	Khánh Hòa	2281	77A-362.68	Bình Định	3881	78C-126.88	Phú Yên
682	79C-234.77	Khánh Hòa	2282	77A-369.66	Bình Định	3882	78C-129.89	Phú Yên
683	79D-013.55	Khánh Hòa	2283	77B-037.88	Bình Định	3883	78D-010.33	Phú Yên
684	79D-014.14	Khánh Hòa	2284	77C-261.55	Bình Định	3884	79A-579.33	Khánh Hòa
685	81A-455.69	Gia Lai	2285	77C-265.99	Bình Định	3885	79A-583.11	Khánh Hòa
686	81A-461.46	Gia Lai	2286	77C-266.44	Bình Định	3886	79A-588.11	Khánh Hòa
687	81A-462.77	Gia Lai	2287	77D-008.66	Bình Định	3887	79A-589.66	Khánh Hòa
688	81A-463.77	Gia Lai	2288	77D-008.99	Bình Định	3888	79C-232.69	Khánh Hòa
689	81A-465.64	Gia Lai	2289	78A-219.22	Phú Yên	3889	81A-462.88	Gia Lai
690	81A-476.44	Gia Lai	2290	78A-220.55	Phú Yên	3890	81A-468.89	Gia Lai
691	81A-477.22	Gia Lai	2291	78A-222.38	Phú Yên	3891	81A-469.68	Gia Lai
692	81D-014.00	Gia Lai	2292	78A-224.55	Phú Yên	3892	81A-476.76	Gia Lai
693	82B-023.22	Kon Tum	2293	78C-128.29	Phú Yên	3893	81C-285.55	Gia Lai
694	82B-024.24	Kon Tum	2294	78C-129.77	Phú Yên	3894	81C-286.11	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
695	82C-095.89	Kon Tum	2295	79A-574.47	Khánh Hòa	3895	81C-293.22	Gia Lai
696	82D-011.77	Kon Tum	2296	79A-590.86	Khánh Hòa	3896	81C-297.68	Gia Lai
697	83A-193.88	Sóc Trăng	2297	79A-590.89	Khánh Hòa	3897	81C-298.86	Gia Lai
698	83C-137.55	Sóc Trăng	2298	79A-590.95	Khánh Hòa	3898	82A-159.96	Kon Tum
699	83C-138.38	Sóc Trăng	2299	81A-462.22	Gia Lai	3899	82A-165.69	Kon Tum
700	83D-009.09	Sóc Trăng	2300	81A-462.44	Gia Lai	3900	82B-022.39	Kon Tum
701	84A-150.33	Trà Vinh	2301	81A-467.22	Gia Lai	3901	82C-096.44	Kon Tum
702	84D-005.88	Trà Vinh	2302	81A-477.68	Gia Lai	3902	82D-014.55	Kon Tum
703	84D-008.79	Trà Vinh	2303	81C-288.00	Gia Lai	3903	83A-200.01	Sóc Trăng
704	85A-148.49	Ninh Thuận	2304	81C-288.22	Gia Lai	3904	83B-024.55	Sóc Trăng
705	85A-149.00	Ninh Thuận	2305	81C-292.79	Gia Lai	3905	83C-132.88	Sóc Trăng
706	85A-152.39	Ninh Thuận	2306	82A-165.22	Kon Tum	3906	83C-139.00	Sóc Trăng
707	85D-007.69	Ninh Thuận	2307	82B-024.02	Kon Tum	3907	84A-151.55	Trà Vinh
708	86A-321.44	Bình Thuận	2308	83A-193.86	Sóc Trăng	3908	84B-023.11	Trà Vinh
709	86A-321.68	Bình Thuận	2309	83B-025.79	Sóc Trăng	3909	85A-150.89	Ninh Thuận
710	86A-325.23	Bình Thuận	2310	83C-133.66	Sóc Trăng	3910	85A-152.69	Ninh Thuận
711	86A-326.86	Bình Thuận	2311	83C-136.99	Sóc Trăng	3911	85B-014.69	Ninh Thuận
712	86A-331.11	Bình Thuận	2312	83D-008.55	Sóc Trăng	3912	86A-320.66	Bình Thuận
713	86A-331.79	Bình Thuận	2313	83D-008.66	Sóc Trăng	3913	86A-326.22	Bình Thuận
714	86A-332.11	Bình Thuận	2314	84A-148.84	Trà Vinh	3914	86A-329.33	Bình Thuận
715	86A-333.18	Bình Thuận	2315	84A-152.99	Trà Vinh	3915	86A-330.68	Bình Thuận
716	86A-334.35	Bình Thuận	2316	84B-019.79	Trà Vinh	3916	86B-025.22	Bình Thuận
717	86C-211.86	Bình Thuận	2317	84D-007.39	Trà Vinh	3917	88A-790.90	Vĩnh Phúc
718	86D-006.55	Bình Thuận	2318	84D-007.44	Trà Vinh	3918	88A-796.55	Vĩnh Phúc
719	86D-007.33	Bình Thuận	2319	85C-085.88	Ninh Thuận	3919	88A-813.14	Vĩnh Phúc
720	86D-009.00	Bình Thuận	2320	86B-024.86	Bình Thuận	3920	88A-814.89	Vĩnh Phúc
721	88A-790.86	Vĩnh Phúc	2321	86B-025.66	Bình Thuận	3921	88A-817.99	Vĩnh Phúc
722	88A-795.88	Vĩnh Phúc	2322	86C-212.79	Bình Thuận	3922	88A-819.19	Vĩnh Phúc
723	88A-801.77	Vĩnh Phúc	2323	88A-794.99	Vĩnh Phúc	3923	88A-828.39	Vĩnh Phúc
724	88A-802.88	Vĩnh Phúc	2324	88A-796.11	Vĩnh Phúc	3924	88B-021.66	Vĩnh Phúc
725	88A-806.79	Vĩnh Phúc	2325	88A-796.99	Vĩnh Phúc	3925	88B-022.69	Vĩnh Phúc
726	88A-809.96	Vĩnh Phúc	2326	88A-803.86	Vĩnh Phúc	3926	88B-025.22	Vĩnh Phúc
727	88A-817.71	Vĩnh Phúc	2327	88A-804.04	Vĩnh Phúc	3927	89A-535.36	Hưng Yên
728	88A-823.44	Vĩnh Phúc	2328	88A-824.88	Vĩnh Phúc	3928	89A-543.69	Hưng Yên
729	88A-824.66	Vĩnh Phúc	2329	88C-312.31	Vĩnh Phúc	3929	89A-549.68	Hưng Yên
730	88A-826.89	Vĩnh Phúc	2330	88D-022.88	Vĩnh Phúc	3930	89A-552.11	Hưng Yên
731	88B-023.22	Vĩnh Phúc	2331	88D-024.55	Vĩnh Phúc	3931	89A-555.13	Hưng Yên
732	88C-311.31	Vĩnh Phúc	2332	89A-543.89	Hưng Yên	3932	89A-558.58	Hưng Yên
733	88C-314.33	Vĩnh Phúc	2333	89A-545.79	Hưng Yên	3933	89A-561.79	Hưng Yên
734	88C-317.33	Vĩnh Phúc	2334	89A-546.00	Hưng Yên	3934	89A-566.22	Hưng Yên
735	88C-320.23	Vĩnh Phúc	2335	89A-550.00	Hưng Yên	3935	89B-027.33	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
736	88C-320.33	Vĩnh Phúc	2336	89A-567.39	Hưng Yên	3936	89C-346.22	Hưng Yên
737	88C-322.11	Vĩnh Phúc	2337	89A-567.67	Hưng Yên	3937	89C-347.00	Hưng Yên
738	88D-024.22	Vĩnh Phúc	2338	89C-345.22	Hưng Yên	3938	89C-348.86	Hưng Yên
739	89A-542.68	Hưng Yên	2339	89C-347.11	Hưng Yên	3939	89C-350.44	Hưng Yên
740	89A-544.89	Hưng Yên	2340	89D-023.99	Hưng Yên	3940	89C-358.85	Hưng Yên
741	89A-547.68	Hưng Yên	2341	89D-024.25	Hưng Yên	3941	90A-263.66	Hà Nam
742	89A-562.55	Hưng Yên	2342	90A-287.66	Hà Nam	3942	90A-295.77	Hà Nam
743	89A-563.55	Hưng Yên	2343	90A-288.69	Hà Nam	3943	90A-296.39	Hà Nam
744	89C-348.77	Hưng Yên	2344	90A-294.77	Hà Nam	3944	90C-154.77	Hà Nam
745	89C-352.66	Hưng Yên	2345	90A-300.11	Hà Nam	3945	92A-434.43	Quảng Nam
746	89D-023.20	Hưng Yên	2346	90A-300.30	Hà Nam	3946	92A-434.86	Quảng Nam
747	90A-232.66	Hà Nam	2347	90D-012.55	Hà Nam	3947	92A-441.22	Quảng Nam
748	90A-288.77	Hà Nam	2348	92A-437.73	Quảng Nam	3948	92A-444.28	Quảng Nam
749	90A-289.82	Hà Nam	2349	92A-439.96	Quảng Nam	3949	92B-039.30	Quảng Nam
750	90A-292.68	Hà Nam	2350	92A-440.79	Quảng Nam	3950	92B-040.39	Quảng Nam
751	90A-296.79	Hà Nam	2351	92C-258.77	Quảng Nam	3951	92C-259.99	Quảng Nam
752	90A-297.97	Hà Nam	2352	92C-263.63	Quảng Nam	3952	92C-265.26	Quảng Nam
753	90A-299.55	Hà Nam	2353	92C-264.62	Quảng Nam	3953	92C-266.00	Quảng Nam
754	90A-301.22	Hà Nam	2354	92D-013.22	Quảng Nam	3954	93A-505.68	Bình Phước
755	90C-154.55	Hà Nam	2355	92D-013.55	Quảng Nam	3955	93A-506.33	Bình Phước
756	90D-013.00	Hà Nam	2356	93A-510.51	Bình Phước	3956	93A-512.55	Bình Phước
757	92A-439.66	Quảng Nam	2357	93A-513.13	Bình Phước	3957	93A-514.33	Bình Phước
758	92A-441.42	Quảng Nam	2358	93A-524.25	Bình Phước	3958	93A-519.00	Bình Phước
759	92A-445.66	Quảng Nam	2359	93B-023.39	Bình Phước	3959	93A-520.20	Bình Phước
760	92A-445.79	Quảng Nam	2360	93C-202.88	Bình Phước	3960	93A-520.39	Bình Phước
761	92A-449.69	Quảng Nam	2361	93C-206.07	Bình Phước	3961	93A-521.21	Bình Phước
762	92B-040.04	Quảng Nam	2362	93C-206.11	Bình Phước	3962	93A-524.42	Bình Phước
763	92C-262.55	Quảng Nam	2363	94B-016.77	Bạc Liêu	3963	93B-024.33	Bình Phước
764	93A-510.33	Bình Phước	2364	94B-017.77	Bạc Liêu	3964	93B-024.88	Bình Phước
765	93A-523.39	Bình Phước	2365	94B-018.11	Bạc Liêu	3965	93C-205.50	Bình Phước
766	93A-524.68	Bình Phước	2366	94C-083.99	Bạc Liêu	3966	93D-008.39	Bình Phước
767	93B-024.22	Bình Phước	2367	94D-008.77	Bạc Liêu	3967	94B-017.68	Bạc Liêu
768	93C-200.68	Bình Phước	2368	95A-136.44	Hậu Giang	3968	94C-084.00	Bạc Liêu
769	93C-203.44	Bình Phước	2369	95B-016.68	Hậu Giang	3969	94D-008.86	Bạc Liêu
770	93C-205.99	Bình Phước	2370	95C-091.44	Hậu Giang	3970	95A-136.79	Hậu Giang
771	93D-010.01	Bình Phước	2371	95D-024.55	Hậu Giang	3971	95A-143.22	Hậu Giang
772	93D-010.79	Bình Phước	2372	97A-095.33	Bắc Kạn	3972	95A-143.68	Hậu Giang
773	94A-111.01	Bạc Liêu	2373	97A-096.00	Bắc Kạn	3973	97B-019.22	Bắc Kạn
774	94D-008.39	Bạc Liêu	2374	97A-099.09	Bắc Kạn	3974	97C-051.11	Bắc Kạn
775	95A-138.68	Hậu Giang	2375	97B-017.88	Bắc Kạn	3975	97D-010.88	Bắc Kạn
776	95A-138.69	Hậu Giang	2376	97B-018.19	Bắc Kạn	3976	98A-859.77	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
777	95A-144.00	Hậu Giang	2377	97B-019.39	Bắc Kạn	3977	98A-861.11	Bắc Giang
778	95B-018.39	Hậu Giang	2378	98A-859.85	Bắc Giang	3978	98A-870.55	Bắc Giang
779	97B-016.00	Bắc Kạn	2379	98A-870.89	Bắc Giang	3979	98A-881.22	Bắc Giang
780	97C-049.89	Bắc Kạn	2380	98A-873.87	Bắc Giang	3980	98A-882.39	Bắc Giang
781	97C-050.05	Bắc Kạn	2381	98A-876.88	Bắc Giang	3981	98A-891.91	Bắc Giang
782	97C-051.77	Bắc Kạn	2382	98A-877.00	Bắc Giang	3982	98A-894.95	Bắc Giang
783	97D-008.79	Bắc Kạn	2383	98A-877.86	Bắc Giang	3983	98A-898.69	Bắc Giang
784	98A-863.11	Bắc Giang	2384	98A-882.28	Bắc Giang	3984	98A-911.55	Bắc Giang
785	98A-875.76	Bắc Giang	2385	98A-885.69	Bắc Giang	3985	98B-045.77	Bắc Giang
786	98A-876.78	Bắc Giang	2386	98A-886.87	Bắc Giang	3986	98B-047.89	Bắc Giang
787	98A-877.78	Bắc Giang	2387	98A-891.19	Bắc Giang	3987	98C-376.67	Bắc Giang
788	98A-881.39	Bắc Giang	2388	98A-895.11	Bắc Giang	3988	98C-382.55	Bắc Giang
789	98A-881.44	Bắc Giang	2389	98A-898.66	Bắc Giang	3989	98C-394.95	Bắc Giang
790	98A-886.33	Bắc Giang	2390	98A-901.33	Bắc Giang	3990	98C-396.39	Bắc Giang
791	98A-889.22	Bắc Giang	2391	98A-903.03	Bắc Giang	3991	98D-021.12	Bắc Giang
792	98A-891.22	Bắc Giang	2392	98B-045.45	Bắc Giang	3992	98D-023.00	Bắc Giang
793	98A-894.00	Bắc Giang	2393	98C-377.44	Bắc Giang	3993	98D-023.44	Bắc Giang
794	98A-897.33	Bắc Giang	2394	98C-380.33	Bắc Giang	3994	99A-857.33	Bắc Ninh
795	98A-898.55	Bắc Giang	2395	98C-381.68	Bắc Giang	3995	99A-860.66	Bắc Ninh
796	98A-901.10	Bắc Giang	2396	98C-383.69	Bắc Giang	3996	99A-867.86	Bắc Ninh
797	98B-044.77	Bắc Giang	2397	98C-393.93	Bắc Giang	3997	99A-871.17	Bắc Ninh
798	98C-377.37	Bắc Giang	2398	98C-394.33	Bắc Giang	3998	99A-872.79	Bắc Ninh
799	98C-380.79	Bắc Giang	2399	98C-397.33	Bắc Giang	3999	99A-883.69	Bắc Ninh
800	98C-381.18	Bắc Giang	2400	98D-022.00	Bắc Giang	4000	99A-884.48	Bắc Ninh
801	98C-390.44	Bắc Giang	2401	98D-024.25	Bắc Giang	4001	99A-887.78	Bắc Ninh
802	98D-023.77	Bắc Giang	2402	99A-852.69	Bắc Ninh	4002	99A-888.59	Bắc Ninh
803	99A-855.11	Bắc Ninh	2403	99A-870.07	Bắc Ninh	4003	99A-892.22	Bắc Ninh
804	99A-860.60	Bắc Ninh	2404	99A-880.00	Bắc Ninh	4004	99A-892.44	Bắc Ninh
805	99A-865.86	Bắc Ninh	2405	99A-894.79	Bắc Ninh	4005	99A-892.88	Bắc Ninh
806	99A-884.77	Bắc Ninh	2406	99A-896.00	Bắc Ninh	4006	99B-031.66	Bắc Ninh
807	99A-895.33	Bắc Ninh	2407	99B-030.69	Bắc Ninh	4007	99C-333.02	Bắc Ninh
808	99B-033.99	Bắc Ninh	2408	99B-031.00	Bắc Ninh	4008	99C-338.55	Bắc Ninh
809	99C-333.56	Bắc Ninh	2409	99C-332.66	Bắc Ninh	4009	99C-340.41	Bắc Ninh
810	99C-334.55	Bắc Ninh	2410	99C-333.26	Bắc Ninh	4010	99C-341.44	Bắc Ninh
811	99C-340.55	Bắc Ninh	2411	99C-338.86	Bắc Ninh	4011	99C-342.44	Bắc Ninh
812	99C-341.34	Bắc Ninh	2412	99C-341.14	Bắc Ninh	4012	99C-346.43	Bắc Ninh
813	99D-027.33	Bắc Ninh	2413	99D-027.27	Bắc Ninh	4013	99D-025.20	Bắc Ninh
814	11C-088.36	Cao Bằng	2414	11A-138.09	Cao Bằng	4014	11A-139.35	Cao Bằng
815	12A-265.63	Lạng Sơn	2415	12A-265.95	Lạng Sơn	4015	11B-015.65	Cao Bằng
816	12A-268.59	Lạng Sơn	2416	12A-266.36	Lạng Sơn	4016	11C-090.19	Cao Bằng
817	12A-271.63	Lạng Sơn	2417	12B-017.36	Lạng Sơn	4017	11D-010.65	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	12B-016.35	Lạng Sơn	2418	12C-142.16	Lạng Sơn	4018	12A-269.16	Lạng Sơn
819	12D-011.16	Lạng Sơn	2419	12C-143.38	Lạng Sơn	4019	12B-016.15	Lạng Sơn
820	14B-054.15	Quảng Ninh	2420	12C-144.16	Lạng Sơn	4020	12C-140.08	Lạng Sơn
821	14B-055.98	Quảng Ninh	2421	12D-007.85	Lạng Sơn	4021	12C-140.29	Lạng Sơn
822	14C-452.56	Quảng Ninh	2422	12D-008.29	Lạng Sơn	4022	12C-141.09	Lạng Sơn
823	14C-461.38	Quảng Ninh	2423	12D-010.26	Lạng Sơn	4023	14A-991.15	Quảng Ninh
824	14C-462.85	Quảng Ninh	2424	14A-994.56	Quảng Ninh	4024	14A-991.56	Quảng Ninh
825	14D-032.15	Quảng Ninh	2425	14A-994.98	Quảng Ninh	4025	14A-998.28	Quảng Ninh
826	14K-004.29	Quảng Ninh	2426	14A-996.09	Quảng Ninh	4026	14B-053.09	Quảng Ninh
827	14K-010.29	Quảng Ninh	2427	14C-450.18	Quảng Ninh	4027	14B-056.15	Quảng Ninh
828	14K-025.28	Quảng Ninh	2428	14C-459.28	Quảng Ninh	4028	14C-449.35	Quảng Ninh
829	14K-032.96	Quảng Ninh	2429	14C-468.83	Quảng Ninh	4029	14C-450.56	Quảng Ninh
830	14K-033.16	Quảng Ninh	2430	14C-470.09	Quảng Ninh	4030	14C-453.16	Quảng Ninh
831	14K-040.35	Quảng Ninh	2431	14K-006.36	Quảng Ninh	4031	14C-454.15	Quảng Ninh
832	14K-042.08	Quảng Ninh	2432	14K-013.63	Quảng Ninh	4032	14D-031.09	Quảng Ninh
833	14K-044.96	Quảng Ninh	2433	14K-017.63	Quảng Ninh	4033	14D-032.65	Quảng Ninh
834	15B-057.98	Hải Phòng	2434	14K-024.83	Quảng Ninh	4034	14K-005.09	Quảng Ninh
835	15B-058.18	Hải Phòng	2435	14K-029.35	Quảng Ninh	4035	14K-013.15	Quảng Ninh
836	15C-483.15	Hải Phòng	2436	14K-031.19	Quảng Ninh	4036	14K-016.83	Quảng Ninh
837	15C-489.19	Hải Phòng	2437	14K-031.29	Quảng Ninh	4037	14K-019.25	Quảng Ninh
838	15C-489.63	Hải Phòng	2438	14K-031.65	Quảng Ninh	4038	14K-023.15	Quảng Ninh
839	15C-494.36	Hải Phòng	2439	14K-031.95	Quảng Ninh	4039	14K-026.63	Quảng Ninh
840	15D-055.18	Hải Phòng	2440	14K-037.16	Quảng Ninh	4040	14K-035.85	Quảng Ninh
841	15K-426.58	Hải Phòng	2441	14K-040.63	Quảng Ninh	4041	14K-041.56	Quảng Ninh
842	15K-433.83	Hải Phòng	2442	14K-042.38	Quảng Ninh	4042	14K-049.29	Quảng Ninh
843	15K-447.09	Hải Phòng	2443	15B-055.38	Hải Phòng	4043	15B-058.19	Hải Phòng
844	15K-450.18	Hải Phòng	2444	15C-484.18	Hải Phòng	4044	15C-481.29	Hải Phòng
845	15K-451.16	Hải Phòng	2445	15C-485.38	Hải Phòng	4045	15C-484.59	Hải Phòng
846	15K-454.15	Hải Phòng	2446	15C-492.85	Hải Phòng	4046	15C-488.28	Hải Phòng
847	15K-476.36	Hải Phòng	2447	15C-493.95	Hải Phòng	4047	15C-488.85	Hải Phòng
848	15K-480.96	Hải Phòng	2448	15C-496.98	Hải Phòng	4048	15C-489.26	Hải Phòng
849	15K-491.18	Hải Phòng	2449	15K-428.35	Hải Phòng	4049	15C-497.25	Hải Phòng
850	15K-498.29	Hải Phòng	2450	15K-433.09	Hải Phòng	4050	15K-426.59	Hải Phòng
851	15K-508.29	Hải Phòng	2451	15K-433.95	Hải Phòng	4051	15K-436.38	Hải Phòng
852	15K-508.95	Hải Phòng	2452	15K-434.08	Hải Phòng	4052	15K-438.26	Hải Phòng
853	15K-509.06	Hải Phòng	2453	15K-445.08	Hải Phòng	4053	15K-440.96	Hải Phòng
854	15K-510.98	Hải Phòng	2454	15K-446.98	Hải Phòng	4054	15K-447.83	Hải Phòng
855	17A-499.65	Thái Bình	2455	15K-447.25	Hải Phòng	4055	15K-450.16	Hải Phòng
856	17A-501.85	Thái Bình	2456	15K-454.29	Hải Phòng	4056	15K-454.98	Hải Phòng
857	17A-502.19	Thái Bình	2457	15K-457.35	Hải Phòng	4057	15K-457.38	Hải Phòng
858	17A-503.38	Thái Bình	2458	15K-461.25	Hải Phòng	4058	15K-463.06	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	17A-503.98	Thái Bình	2459	15K-463.58	Hải Phòng	4059	15K-470.08	Hải Phòng
860	17A-507.85	Thái Bình	2460	15K-464.38	Hải Phòng	4060	15K-482.25	Hải Phòng
861	17A-510.83	Thái Bình	2461	15K-465.38	Hải Phòng	4061	15K-494.08	Hải Phòng
862	17C-221.09	Thái Bình	2462	15K-476.35	Hải Phòng	4062	15K-502.06	Hải Phòng
863	17C-222.83	Thái Bình	2463	15K-476.96	Hải Phòng	4063	15K-508.06	Hải Phòng
864	17D-015.08	Thái Bình	2464	15K-477.06	Hải Phòng	4064	15K-509.19	Hải Phòng
865	17D-016.08	Thái Bình	2465	15K-478.29	Hải Phòng	4065	15K-511.19	Hải Phòng
866	18A-499.06	Nam Định	2466	15K-479.65	Hải Phòng	4066	17A-494.15	Thái Bình
867	18A-501.26	Nam Định	2467	15K-483.09	Hải Phòng	4067	17A-502.15	Thái Bình
868	18A-511.38	Nam Định	2468	15K-485.29	Hải Phòng	4068	17A-508.19	Thái Bình
869	18C-176.16	Nam Định	2469	15K-487.36	Hải Phòng	4069	17B-030.08	Thái Bình
870	18D-018.36	Nam Định	2470	15K-497.35	Hải Phòng	4070	18A-495.58	Nam Định
871	19A-716.09	Phú Thọ	2471	15K-499.09	Hải Phòng	4071	18A-496.58	Nam Định
872	19A-718.06	Phú Thọ	2472	15K-506.85	Hải Phòng	4072	18A-498.58	Nam Định
873	19A-721.96	Phú Thọ	2473	15K-508.83	Hải Phòng	4073	18A-503.38	Nam Định
874	19A-721.98	Phú Thọ	2474	17A-495.19	Thái Bình	4074	18A-507.59	Nam Định
875	19A-724.56	Phú Thọ	2475	17A-495.28	Thái Bình	4075	18A-509.15	Nam Định
876	19A-730.96	Phú Thọ	2476	17A-497.26	Thái Bình	4076	18A-510.09	Nam Định
877	19A-731.26	Phú Thọ	2477	17A-513.35	Thái Bình	4077	18B-031.25	Nam Định
878	19A-736.16	Phú Thọ	2478	17B-029.58	Thái Bình	4078	18B-032.58	Nam Định
879	19A-740.16	Phú Thọ	2479	17B-031.36	Thái Bình	4079	18C-178.96	Nam Định
880	19A-742.83	Phú Thọ	2480	17D-013.95	Thái Bình	4080	18C-179.56	Nam Định
881	19A-743.29	Phú Thọ	2481	17D-016.65	Thái Bình	4081	18C-182.85	Nam Định
882	19A-749.29	Phú Thọ	2482	18A-491.16	Nam Định	4082	19A-726.09	Phú Thọ
883	19A-750.29	Phú Thọ	2483	18A-496.15	Nam Định	4083	19A-732.95	Phú Thọ
884	19A-751.98	Phú Thọ	2484	18C-176.65	Nam Định	4084	19A-734.63	Phú Thọ
885	19A-752.63	Phú Thọ	2485	18C-180.25	Nam Định	4085	19A-753.58	Phú Thọ
886	19C-263.96	Phú Thọ	2486	18D-017.16	Nam Định	4086	19A-755.29	Phú Thọ
887	19C-267.36	Phú Thọ	2487	18D-018.63	Nam Định	4087	19A-756.19	Phú Thọ
888	19C-270.98	Phú Thọ	2488	18D-018.98	Nam Định	4088	19B-031.28	Phú Thọ
889	19C-272.65	Phú Thọ	2489	19A-732.38	Phú Thọ	4089	19C-264.09	Phú Thọ
890	19C-276.18	Phú Thọ	2490	19A-733.36	Phú Thọ	4090	19C-271.95	Phú Thọ
891	19D-021.15	Phú Thọ	2491	19A-740.56	Phú Thọ	4091	19D-019.63	Phú Thọ
892	19D-022.15	Phú Thọ	2492	19A-754.96	Phú Thọ	4092	19D-020.36	Phú Thọ
893	20A-862.06	Thái Nguyên	2493	19B-031.08	Phú Thọ	4093	20A-866.63	Thái Nguyên
894	20A-862.28	Thái Nguyên	2494	19C-264.15	Phú Thọ	4094	20A-871.65	Thái Nguyên
895	20A-870.98	Thái Nguyên	2495	19C-272.26	Phú Thọ	4095	20A-875.26	Thái Nguyên
896	20A-872.29	Thái Nguyên	2496	19C-278.26	Phú Thọ	4096	20A-897.16	Thái Nguyên
897	20A-887.56	Thái Nguyên	2497	20A-861.08	Thái Nguyên	4097	20A-898.26	Thái Nguyên
898	20A-900.16	Thái Nguyên	2498	20A-862.56	Thái Nguyên	4098	20A-906.83	Thái Nguyên
899	20A-904.08	Thái Nguyên	2499	20A-864.58	Thái Nguyên	4099	20B-037.06	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	21A-224.36	Yên Bái	2500	20A-866.18	Thái Nguyên	4100	20B-037.63	Thái Nguyên
901	21A-224.58	Yên Bái	2501	20A-872.16	Thái Nguyên	4101	20C-320.08	Thái Nguyên
902	21A-226.08	Yên Bái	2502	20A-874.38	Thái Nguyên	4102	21A-226.83	Yên Bái
903	21A-227.29	Yên Bái	2503	20A-881.08	Thái Nguyên	4103	21A-229.36	Yên Bái
904	21A-230.08	Yên Bái	2504	20A-887.06	Thái Nguyên	4104	21B-014.63	Yên Bái
905	22A-272.16	Tuyên Quang	2505	20A-887.96	Thái Nguyên	4105	21B-015.08	Yên Bái
906	22A-276.25	Tuyên Quang	2506	20A-905.36	Thái Nguyên	4106	21C-113.06	Yên Bái
907	22A-276.36	Tuyên Quang	2507	20C-311.26	Thái Nguyên	4107	21D-009.08	Yên Bái
908	23A-171.36	Hà Giang	2508	20C-318.06	Thái Nguyên	4108	22A-275.38	Tuyên Quang
909	23C-091.58	Hà Giang	2509	20C-321.38	Thái Nguyên	4109	22B-017.28	Tuyên Quang
910	23C-093.65	Hà Giang	2510	20C-324.16	Thái Nguyên	4110	22B-019.15	Tuyên Quang
911	23D-008.06	Hà Giang	2511	21A-227.09	Yên Bái	4111	23A-168.63	Hà Giang
912	23D-009.36	Hà Giang	2512	21C-112.06	Yên Bái	4112	23A-170.28	Hà Giang
913	24A-325.85	Lào Cai	2513	21C-113.28	Yên Bái	4113	23A-171.16	Hà Giang
914	25A-087.59	Lai Châu	2514	21C-113.65	Yên Bái	4114	23B-013.59	Hà Giang
915	25A-087.96	Lai Châu	2515	21C-113.98	Yên Bái	4115	23D-008.38	Hà Giang
916	25B-010.08	Lai Châu	2516	21C-115.08	Yên Bái	4116	24A-322.58	Lào Cai
917	25C-062.19	Lai Châu	2517	21D-007.58	Yên Bái	4117	24A-325.09	Lào Cai
918	25D-009.85	Lai Châu	2518	22A-272.15	Tuyên Quang	4118	24D-010.65	Lào Cai
919	26A-239.08	Sơn La	2519	22A-272.19	Tuyên Quang	4119	25A-087.18	Lai Châu
920	26A-241.63	Sơn La	2520	22A-280.16	Tuyên Quang	4120	25A-088.18	Lai Châu
921	26B-020.18	Sơn La	2521	22B-017.83	Tuyên Quang	4121	25B-008.38	Lai Châu
922	26B-020.63	Sơn La	2522	22B-019.09	Tuyên Quang	4122	25B-009.15	Lai Châu
923	26B-021.26	Sơn La	2523	22C-118.36	Tuyên Quang	4123	25B-010.19	Lai Châu
924	26B-021.98	Sơn La	2524	22D-011.38	Tuyên Quang	4124	25C-062.59	Lai Châu
925	26C-164.98	Sơn La	2525	23B-012.26	Hà Giang	4125	25D-007.16	Lai Châu
926	26D-014.28	Sơn La	2526	23C-089.95	Hà Giang	4126	26A-239.36	Sơn La
927	26D-014.98	Sơn La	2527	23C-092.26	Hà Giang	4127	26A-242.25	Sơn La
928	26D-015.28	Sơn La	2528	23D-008.96	Hà Giang	4128	26A-244.59	Sơn La
929	26D-017.09	Sơn La	2529	24A-318.95	Lào Cai	4129	26A-245.85	Sơn La
930	27B-014.56	Điện Biên	2530	24A-322.25	Lào Cai	4130	26B-021.18	Sơn La
931	28A-264.56	Hòa Bình	2531	24A-326.25	Lào Cai	4131	26C-164.85	Sơn La
932	28A-265.38	Hòa Bình	2532	25A-085.83	Lai Châu	4132	26C-165.29	Sơn La
933	28A-266.56	Hòa Bình	2533	25B-010.85	Lai Châu	4133	26C-167.08	Sơn La
934	28A-267.98	Hòa Bình	2534	25B-011.65	Lai Châu	4134	26D-016.56	Sơn La
935	28B-018.59	Hòa Bình	2535	25C-061.28	Lai Châu	4135	27A-134.83	Điện Biên
936	28B-021.19	Hòa Bình	2536	25C-063.58	Lai Châu	4136	27B-014.59	Điện Biên
937	28C-122.59	Hòa Bình	2537	26A-242.18	Sơn La	4137	27D-010.83	Điện Biên
938	28C-124.18	Hòa Bình	2538	26A-242.95	Sơn La	4138	28A-260.63	Hòa Bình
939	28D-013.09	Hòa Bình	2539	26C-163.59	Sơn La	4139	28A-261.15	Hòa Bình
940	28D-014.38	Hòa Bình	2540	27A-131.29	Điện Biên	4140	28A-261.28	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	29B-659.09	Hà Nội	2541	27A-131.65	Điện Biên	4141	28A-262.18	Hòa Bình
942	29B-661.59	Hà Nội	2542	27B-016.59	Điện Biên	4142	28A-263.38	Hòa Bình
943	29D-632.29	Hà Nội	2543	27C-078.09	Điện Biên	4143	28A-265.35	Hòa Bình
944	29D-633.09	Hà Nội	2544	28A-259.28	Hòa Bình	4144	28A-269.09	Hòa Bình
945	29D-636.95	Hà Nội	2545	28A-270.36	Hòa Bình	4145	28B-018.63	Hòa Bình
946	29K-330.83	Hà Nội	2546	28C-123.16	Hòa Bình	4146	29D-630.16	Hà Nội
947	29K-332.25	Hà Nội	2547	28C-123.26	Hòa Bình	4147	29D-632.95	Hà Nội
948	29K-339.25	Hà Nội	2548	28C-124.59	Hòa Bình	4148	29D-634.58	Hà Nội
949	29K-346.26	Hà Nội	2549	28D-013.56	Hòa Bình	4149	29D-640.06	Hà Nội
950	29K-348.25	Hà Nội	2550	29B-661.98	Hà Nội	4150	29K-328.18	Hà Nội
951	29K-353.25	Hà Nội	2551	29D-630.06	Hà Nội	4151	29K-330.59	Hà Nội
952	29K-354.38	Hà Nội	2552	29D-630.65	Hà Nội	4152	29K-337.83	Hà Nội
953	29K-356.26	Hà Nội	2553	29D-634.25	Hà Nội	4153	29K-344.85	Hà Nội
954	29K-364.56	Hà Nội	2554	29D-635.96	Hà Nội	4154	29K-345.36	Hà Nội
955	29K-368.58	Hà Nội	2555	29K-337.09	Hà Nội	4155	29K-345.98	Hà Nội
956	29K-376.38	Hà Nội	2556	29K-337.58	Hà Nội	4156	29K-349.06	Hà Nội
957	29K-377.98	Hà Nội	2557	29K-342.38	Hà Nội	4157	29K-356.38	Hà Nội
958	29K-385.56	Hà Nội	2558	29K-344.38	Hà Nội	4158	29K-360.29	Hà Nội
959	29K-397.08	Hà Nội	2559	29K-352.58	Hà Nội	4159	29K-364.28	Hà Nội
960	29K-403.18	Hà Nội	2560	29K-360.25	Hà Nội	4160	29K-377.19	Hà Nội
961	29K-407.58	Hà Nội	2561	29K-361.09	Hà Nội	4161	29K-378.15	Hà Nội
962	29K-408.29	Hà Nội	2562	29K-362.18	Hà Nội	4162	29K-382.98	Hà Nội
963	29K-408.38	Hà Nội	2563	29K-362.96	Hà Nội	4163	29K-383.09	Hà Nội
964	29K-412.08	Hà Nội	2564	29K-378.36	Hà Nội	4164	29K-386.58	Hà Nội
965	29K-413.19	Hà Nội	2565	29K-381.16	Hà Nội	4165	29K-388.56	Hà Nội
966	29K-421.06	Hà Nội	2566	29K-393.28	Hà Nội	4166	29K-400.65	Hà Nội
967	29K-423.85	Hà Nội	2567	29K-394.56	Hà Nội	4167	29K-403.56	Hà Nội
968	29K-428.25	Hà Nội	2568	29K-395.35	Hà Nội	4168	29K-408.96	Hà Nội
969	29K-429.06	Hà Nội	2569	29K-395.58	Hà Nội	4169	29K-410.35	Hà Nội
970	29K-430.15	Hà Nội	2570	29K-395.65	Hà Nội	4170	29K-412.28	Hà Nội
971	29K-439.28	Hà Nội	2571	29K-398.06	Hà Nội	4171	29K-413.98	Hà Nội
972	29K-441.06	Hà Nội	2572	29K-417.63	Hà Nội	4172	29K-417.35	Hà Nội
973	29K-444.95	Hà Nội	2573	29K-419.85	Hà Nội	4173	29K-421.26	Hà Nội
974	29K-451.16	Hà Nội	2574	29K-439.98	Hà Nội	4174	29K-423.16	Hà Nội
975	29K-451.18	Hà Nội	2575	29K-441.19	Hà Nội	4175	29K-430.85	Hà Nội
976	29K-464.28	Hà Nội	2576	29K-445.26	Hà Nội	4176	29K-438.58	Hà Nội
977	29K-468.06	Hà Nội	2577	29K-445.59	Hà Nội	4177	29K-440.25	Hà Nội
978	29K-469.25	Hà Nội	2578	29K-448.65	Hà Nội	4178	29K-442.36	Hà Nội
979	29K-473.25	Hà Nội	2579	29K-448.96	Hà Nội	4179	29K-442.56	Hà Nội
980	29K-477.19	Hà Nội	2580	29K-450.09	Hà Nội	4180	29K-444.63	Hà Nội
981	30M-029.59	Hà Nội	2581	29K-455.29	Hà Nội	4181	29K-450.83	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	30M-038.65	Hà Nội	2582	29K-461.59	Hà Nội	4182	29K-455.16	Hà Nội
983	30M-042.83	Hà Nội	2583	29K-477.29	Hà Nội	4183	29K-455.38	Hà Nội
984	30M-045.25	Hà Nội	2584	30M-029.95	Hà Nội	4184	29K-456.36	Hà Nội
985	30M-053.98	Hà Nội	2585	30M-037.25	Hà Nội	4185	29K-476.09	Hà Nội
986	30M-055.28	Hà Nội	2586	30M-039.29	Hà Nội	4186	30M-042.06	Hà Nội
987	30M-055.95	Hà Nội	2587	30M-039.58	Hà Nội	4187	30M-042.63	Hà Nội
988	30M-058.16	Hà Nội	2588	30M-043.98	Hà Nội	4188	30M-048.06	Hà Nội
989	30M-066.83	Hà Nội	2589	30M-049.25	Hà Nội	4189	30M-049.06	Hà Nội
990	30M-067.16	Hà Nội	2590	30M-061.15	Hà Nội	4190	30M-049.65	Hà Nội
991	30M-067.83	Hà Nội	2591	30M-071.58	Hà Nội	4191	30M-052.28	Hà Nội
992	30M-071.06	Hà Nội	2592	30M-084.18	Hà Nội	4192	30M-053.28	Hà Nội
993	30M-073.98	Hà Nội	2593	30M-086.29	Hà Nội	4193	30M-055.25	Hà Nội
994	30M-082.96	Hà Nội	2594	30M-086.63	Hà Nội	4194	30M-079.15	Hà Nội
995	30M-086.19	Hà Nội	2595	30M-088.28	Hà Nội	4195	30M-083.59	Hà Nội
996	30M-101.35	Hà Nội	2596	30M-090.28	Hà Nội	4196	30M-095.85	Hà Nội
997	30M-104.08	Hà Nội	2597	30M-093.18	Hà Nội	4197	30M-103.08	Hà Nội
998	30M-109.58	Hà Nội	2598	30M-095.15	Hà Nội	4198	30M-106.83	Hà Nội
999	30M-113.59	Hà Nội	2599	30M-099.08	Hà Nội	4199	30M-106.96	Hà Nội
1000	30M-115.95	Hà Nội	2600	30M-100.59	Hà Nội	4200	30M-107.35	Hà Nội
1001	30M-115.96	Hà Nội	2601	30M-102.09	Hà Nội	4201	30M-109.85	Hà Nội
1002	30M-124.36	Hà Nội	2602	30M-120.15	Hà Nội	4202	30M-114.63	Hà Nội
1003	30M-129.16	Hà Nội	2603	30M-121.85	Hà Nội	4203	30M-115.19	Hà Nội
1004	30M-132.26	Hà Nội	2604	30M-124.65	Hà Nội	4204	30M-117.16	Hà Nội
1005	30M-138.65	Hà Nội	2605	30M-145.26	Hà Nội	4205	30M-119.06	Hà Nội
1006	30M-143.25	Hà Nội	2606	30M-153.16	Hà Nội	4206	30M-125.08	Hà Nội
1007	30M-146.83	Hà Nội	2607	30M-158.56	Hà Nội	4207	30M-127.19	Hà Nội
1008	30M-146.85	Hà Nội	2608	30M-162.29	Hà Nội	4208	30M-129.18	Hà Nội
1009	30M-160.96	Hà Nội	2609	30M-163.28	Hà Nội	4209	30M-135.59	Hà Nội
1010	30M-162.28	Hà Nội	2610	30M-165.09	Hà Nội	4210	30M-139.15	Hà Nội
1011	30M-163.59	Hà Nội	2611	30M-166.26	Hà Nội	4211	30M-139.26	Hà Nội
1012	30M-168.35	Hà Nội	2612	30M-167.83	Hà Nội	4212	30M-142.59	Hà Nội
1013	30M-168.98	Hà Nội	2613	30M-168.95	Hà Nội	4213	30M-143.09	Hà Nội
1014	30M-171.29	Hà Nội	2614	30M-170.18	Hà Nội	4214	30M-149.65	Hà Nội
1015	30M-186.85	Hà Nội	2615	30M-199.36	Hà Nội	4215	30M-151.08	Hà Nội
1016	30M-188.96	Hà Nội	2616	30M-201.36	Hà Nội	4216	30M-155.29	Hà Nội
1017	30M-193.63	Hà Nội	2617	30M-202.59	Hà Nội	4217	30M-157.96	Hà Nội
1018	30M-197.25	Hà Nội	2618	30M-209.36	Hà Nội	4218	30M-176.38	Hà Nội
1019	30M-200.15	Hà Nội	2619	30M-210.08	Hà Nội	4219	30M-177.25	Hà Nội
1020	30M-202.18	Hà Nội	2620	30M-211.15	Hà Nội	4220	30M-179.15	Hà Nội
1021	30M-206.29	Hà Nội	2621	30M-215.95	Hà Nội	4221	30M-182.25	Hà Nội
1022	30M-209.98	Hà Nội	2622	30M-218.28	Hà Nội	4222	30M-204.36	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-211.28	Hà Nội	2623	30M-219.38	Hà Nội	4223	30M-211.59	Hà Nội
1024	30M-224.06	Hà Nội	2624	30M-221.98	Hà Nội	4224	30M-211.96	Hà Nội
1025	30M-226.35	Hà Nội	2625	30M-229.06	Hà Nội	4225	30M-215.56	Hà Nội
1026	30M-227.09	Hà Nội	2626	30M-233.06	Hà Nội	4226	30M-216.35	Hà Nội
1027	30M-227.58	Hà Nội	2627	30M-234.95	Hà Nội	4227	30M-220.26	Hà Nội
1028	30M-228.19	Hà Nội	2628	30M-236.08	Hà Nội	4228	30M-224.98	Hà Nội
1029	30M-231.36	Hà Nội	2629	30M-238.28	Hà Nội	4229	30M-231.08	Hà Nội
1030	30M-243.63	Hà Nội	2630	30M-243.59	Hà Nội	4230	30M-233.58	Hà Nội
1031	30M-244.18	Hà Nội	2631	30M-245.36	Hà Nội	4231	30M-237.65	Hà Nội
1032	30M-245.56	Hà Nội	2632	30M-256.95	Hà Nội	4232	30M-254.38	Hà Nội
1033	30M-246.08	Hà Nội	2633	30M-260.95	Hà Nội	4233	30M-257.95	Hà Nội
1034	30M-246.18	Hà Nội	2634	30M-265.59	Hà Nội	4234	30M-258.06	Hà Nội
1035	30M-247.85	Hà Nội	2635	30M-267.06	Hà Nội	4235	30M-260.15	Hà Nội
1036	30M-247.95	Hà Nội	2636	30M-268.35	Hà Nội	4236	30M-274.65	Hà Nội
1037	30M-248.95	Hà Nội	2637	30M-269.18	Hà Nội	4237	30M-277.59	Hà Nội
1038	30M-251.06	Hà Nội	2638	30M-278.09	Hà Nội	4238	30M-281.16	Hà Nội
1039	30M-251.16	Hà Nội	2639	30M-291.16	Hà Nội	4239	30M-288.95	Hà Nội
1040	30M-253.58	Hà Nội	2640	30M-291.65	Hà Nội	4240	30M-307.15	Hà Nội
1041	30M-259.56	Hà Nội	2641	30M-292.36	Hà Nội	4241	30M-307.98	Hà Nội
1042	30M-265.95	Hà Nội	2642	30M-312.28	Hà Nội	4242	30M-308.18	Hà Nội
1043	30M-274.19	Hà Nội	2643	30M-315.65	Hà Nội	4243	30M-310.35	Hà Nội
1044	30M-277.38	Hà Nội	2644	30M-319.06	Hà Nội	4244	30M-320.96	Hà Nội
1045	30M-284.63	Hà Nội	2645	30M-331.19	Hà Nội	4245	30M-327.85	Hà Nội
1046	30M-285.09	Hà Nội	2646	30M-335.09	Hà Nội	4246	30M-342.25	Hà Nội
1047	30M-289.09	Hà Nội	2647	30M-335.95	Hà Nội	4247	30M-343.15	Hà Nội
1048	30M-304.15	Hà Nội	2648	30M-339.08	Hà Nội	4248	30M-343.35	Hà Nội
1049	30M-306.36	Hà Nội	2649	30M-339.36	Hà Nội	4249	30M-352.59	Hà Nội
1050	30M-312.59	Hà Nội	2650	30M-350.18	Hà Nội	4250	30M-352.95	Hà Nội
1051	30M-312.98	Hà Nội	2651	30M-353.28	Hà Nội	4251	30M-354.95	Hà Nội
1052	30M-313.19	Hà Nội	2652	30M-353.36	Hà Nội	4252	30M-357.56	Hà Nội
1053	30M-314.16	Hà Nội	2653	30M-357.83	Hà Nội	4253	30M-360.26	Hà Nội
1054	30M-320.26	Hà Nội	2654	30M-362.09	Hà Nội	4254	30M-360.28	Hà Nội
1055	30M-326.36	Hà Nội	2655	30M-362.56	Hà Nội	4255	30M-360.38	Hà Nội
1056	30M-326.98	Hà Nội	2656	30M-363.85	Hà Nội	4256	30M-362.96	Hà Nội
1057	30M-332.08	Hà Nội	2657	30M-364.56	Hà Nội	4257	30M-365.95	Hà Nội
1058	30M-333.65	Hà Nội	2658	30M-373.38	Hà Nội	4258	30M-367.06	Hà Nội
1059	30M-334.63	Hà Nội	2659	30M-374.06	Hà Nội	4259	30M-368.29	Hà Nội
1060	30M-337.18	Hà Nội	2660	30M-377.35	Hà Nội	4260	30M-373.59	Hà Nội
1061	30M-344.83	Hà Nội	2661	30M-381.35	Hà Nội	4261	30M-376.06	Hà Nội
1062	30M-344.95	Hà Nội	2662	30M-382.85	Hà Nội	4262	30M-378.63	Hà Nội
1063	30M-355.29	Hà Nội	2663	30M-394.25	Hà Nội	4263	30M-382.36	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1064	30M-358.19	Hà Nội	2664	30M-399.36	Hà Nội	4264	30M-393.18	Hà Nội
1065	30M-361.15	Hà Nội	2665	30M-406.29	Hà Nội	4265	30M-396.28	Hà Nội
1066	30M-364.26	Hà Nội	2666	30M-406.35	Hà Nội	4266	30M-404.29	Hà Nội
1067	30M-366.09	Hà Nội	2667	30M-407.83	Hà Nội	4267	30M-404.38	Hà Nội
1068	30M-388.09	Hà Nội	2668	30M-412.25	Hà Nội	4268	30M-406.56	Hà Nội
1069	30M-407.09	Hà Nội	2669	30M-414.96	Hà Nội	4269	30M-414.58	Hà Nội
1070	30M-409.59	Hà Nội	2670	30M-418.06	Hà Nội	4270	34A-919.59	Hải Dương
1071	30M-415.65	Hà Nội	2671	34A-922.09	Hải Dương	4271	34A-922.85	Hải Dương
1072	34A-920.36	Hải Dương	2672	34A-926.36	Hải Dương	4272	34A-926.63	Hải Dương
1073	34A-922.06	Hải Dương	2673	34A-927.96	Hải Dương	4273	34A-929.19	Hải Dương
1074	34A-923.65	Hải Dương	2674	34A-931.19	Hải Dương	4274	34A-933.59	Hải Dương
1075	34A-925.18	Hải Dương	2675	34A-932.63	Hải Dương	4275	34A-935.98	Hải Dương
1076	34A-929.98	Hải Dương	2676	34A-946.83	Hải Dương	4276	34A-941.29	Hải Dương
1077	34A-944.59	Hải Dương	2677	34A-952.18	Hải Dương	4277	34A-951.85	Hải Dương
1078	34A-946.56	Hải Dương	2678	34A-953.56	Hải Dương	4278	34A-956.19	Hải Dương
1079	34A-952.85	Hải Dương	2679	34A-963.06	Hải Dương	4279	34A-958.18	Hải Dương
1080	34A-953.83	Hải Dương	2680	34A-966.85	Hải Dương	4280	34A-961.09	Hải Dương
1081	34A-961.25	Hải Dương	2681	34A-967.38	Hải Dương	4281	34A-961.56	Hải Dương
1082	34A-970.19	Hải Dương	2682	34A-969.59	Hải Dương	4282	34C-437.98	Hải Dương
1083	34A-971.56	Hải Dương	2683	34A-970.63	Hải Dương	4283	34C-440.95	Hải Dương
1084	34A-973.98	Hải Dương	2684	34A-971.96	Hải Dương	4284	34C-449.19	Hải Dương
1085	34B-045.58	Hải Dương	2685	34A-976.29	Hải Dương	4285	35A-464.08	Ninh Bình
1086	34C-442.29	Hải Dương	2686	34A-976.95	Hải Dương	4286	35A-477.35	Ninh Bình
1087	34C-450.95	Hải Dương	2687	34B-043.96	Hải Dương	4287	35A-480.19	Ninh Bình
1088	35A-469.16	Ninh Bình	2688	34C-440.26	Hải Dương	4288	35A-484.58	Ninh Bình
1089	35A-469.25	Ninh Bình	2689	34C-441.58	Hải Dương	4289	35D-017.29	Ninh Bình
1090	35A-473.18	Ninh Bình	2690	34C-443.83	Hải Dương	4290	36B-049.98	Thanh Hóa
1091	35A-475.85	Ninh Bình	2691	35A-463.96	Ninh Bình	4291	36C-547.38	Thanh Hóa
1092	35A-479.28	Ninh Bình	2692	35A-467.16	Ninh Bình	4292	36C-557.09	Thanh Hóa
1093	35A-483.18	Ninh Bình	2693	35A-472.65	Ninh Bình	4293	36C-562.59	Thanh Hóa
1094	35B-024.63	Ninh Bình	2694	35A-475.26	Ninh Bình	4294	36C-564.19	Thanh Hóa
1095	35B-024.98	Ninh Bình	2695	35A-477.96	Ninh Bình	4295	36C-567.06	Thanh Hóa
1096	35C-182.19	Ninh Bình	2696	35A-479.83	Ninh Bình	4296	36C-578.63	Thanh Hóa
1097	35C-184.59	Ninh Bình	2697	35A-481.26	Ninh Bình	4297	36C-581.95	Thanh Hóa
1098	35D-016.15	Ninh Bình	2698	35B-026.06	Ninh Bình	4298	36K-235.06	Thanh Hóa
1099	36B-049.63	Thanh Hóa	2699	35D-018.56	Ninh Bình	4299	36K-235.16	Thanh Hóa
1100	36C-552.38	Thanh Hóa	2700	36C-549.28	Thanh Hóa	4300	36K-246.16	Thanh Hóa
1101	36C-554.58	Thanh Hóa	2701	36C-550.16	Thanh Hóa	4301	36K-259.06	Thanh Hóa
1102	36C-554.96	Thanh Hóa	2702	36C-551.65	Thanh Hóa	4302	36K-262.85	Thanh Hóa
1103	36C-560.59	Thanh Hóa	2703	36C-553.59	Thanh Hóa	4303	36K-266.56	Thanh Hóa
1104	36C-564.29	Thanh Hóa	2704	36C-555.96	Thanh Hóa	4304	36K-267.38	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	36C-565.15	Thanh Hóa	2705	36C-558.56	Thanh Hóa	4305	36K-269.58	Thanh Hóa
1106	36C-570.28	Thanh Hóa	2706	36C-561.98	Thanh Hóa	4306	36K-271.18	Thanh Hóa
1107	36C-571.28	Thanh Hóa	2707	36C-562.09	Thanh Hóa	4307	36K-273.35	Thanh Hóa
1108	36D-030.18	Thanh Hóa	2708	36C-565.19	Thanh Hóa	4308	36K-274.29	Thanh Hóa
1109	36K-230.19	Thanh Hóa	2709	36C-571.95	Thanh Hóa	4309	36K-280.15	Thanh Hóa
1110	36K-247.95	Thanh Hóa	2710	36C-572.25	Thanh Hóa	4310	36K-294.56	Thanh Hóa
1111	36K-255.59	Thanh Hóa	2711	36C-577.95	Thanh Hóa	4311	36K-303.08	Thanh Hóa
1112	36K-256.19	Thanh Hóa	2712	36C-580.35	Thanh Hóa	4312	36K-303.59	Thanh Hóa
1113	36K-257.08	Thanh Hóa	2713	36D-033.28	Thanh Hóa	4313	36K-304.63	Thanh Hóa
1114	36K-257.96	Thanh Hóa	2714	36K-244.09	Thanh Hóa	4314	37C-573.85	Nghệ An
1115	36K-261.96	Thanh Hóa	2715	36K-256.38	Thanh Hóa	4315	37C-574.96	Nghệ An
1116	36K-266.28	Thanh Hóa	2716	36K-266.08	Thanh Hóa	4316	37C-586.38	Nghệ An
1117	36K-268.06	Thanh Hóa	2717	36K-277.25	Thanh Hóa	4317	37C-587.59	Nghệ An
1118	36K-286.29	Thanh Hóa	2718	36K-278.35	Thanh Hóa	4318	37C-592.65	Nghệ An
1119	36K-302.18	Thanh Hóa	2719	36K-287.83	Thanh Hóa	4319	37D-047.08	Nghệ An
1120	36K-303.16	Thanh Hóa	2720	36K-290.85	Thanh Hóa	4320	37D-050.08	Nghệ An
1121	36K-304.09	Thanh Hóa	2721	37B-049.28	Nghệ An	4321	37K-484.59	Nghệ An
1122	37C-578.19	Nghệ An	2722	37C-569.06	Nghệ An	4322	37K-489.15	Nghệ An
1123	37C-586.26	Nghệ An	2723	37C-572.26	Nghệ An	4323	37K-492.98	Nghệ An
1124	37C-587.09	Nghệ An	2724	37C-576.83	Nghệ An	4324	37K-501.65	Nghệ An
1125	37C-592.25	Nghệ An	2725	37C-580.35	Nghệ An	4325	37K-502.65	Nghệ An
1126	37C-595.63	Nghệ An	2726	37C-583.29	Nghệ An	4326	37K-504.98	Nghệ An
1127	37D-048.59	Nghệ An	2727	37C-590.38	Nghệ An	4327	37K-508.98	Nghệ An
1128	37K-483.59	Nghệ An	2728	37C-592.06	Nghệ An	4328	37K-509.25	Nghệ An
1129	37K-498.08	Nghệ An	2729	37C-594.15	Nghệ An	4329	37K-514.38	Nghệ An
1130	37K-500.35	Nghệ An	2730	37K-485.83	Nghệ An	4330	37K-523.85	Nghệ An
1131	37K-508.96	Nghệ An	2731	37K-497.96	Nghệ An	4331	37K-532.85	Nghệ An
1132	37K-514.85	Nghệ An	2732	37K-498.28	Nghệ An	4332	37K-539.36	Nghệ An
1133	37K-514.95	Nghệ An	2733	37K-511.38	Nghệ An	4333	37K-543.95	Nghệ An
1134	37K-515.36	Nghệ An	2734	37K-518.98	Nghệ An	4334	37K-549.26	Nghệ An
1135	37K-521.65	Nghệ An	2735	37K-520.19	Nghệ An	4335	37K-552.19	Nghệ An
1136	37K-524.98	Nghệ An	2736	37K-522.15	Nghệ An	4336	37K-562.08	Nghệ An
1137	37K-529.65	Nghệ An	2737	37K-524.19	Nghệ An	4337	37K-564.06	Nghệ An
1138	37K-531.96	Nghệ An	2738	37K-526.56	Nghệ An	4338	38A-693.83	Hà Tĩnh
1139	37K-544.06	Nghệ An	2739	37K-542.25	Nghệ An	4339	38A-694.09	Hà Tĩnh
1140	37K-546.85	Nghệ An	2740	37K-546.58	Nghệ An	4340	38A-701.83	Hà Tĩnh
1141	37K-551.06	Nghệ An	2741	37K-550.85	Nghệ An	4341	38A-710.85	Hà Tĩnh
1142	37K-563.96	Nghệ An	2742	37K-551.19	Nghệ An	4342	38C-245.36	Hà Tĩnh
1143	37K-565.63	Nghệ An	2743	37K-552.85	Nghệ An	4343	38C-252.58	Hà Tĩnh
1144	38A-693.06	Hà Tĩnh	2744	37K-560.96	Nghệ An	4344	43A-945.18	Đà Nẵng
1145	38A-694.56	Hà Tĩnh	2745	37K-567.36	Nghệ An	4345	43A-950.25	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1146	38A-694.58	Hà Tĩnh	2746	37K-569.63	Nghệ An	4346	43A-953.15	Đà Nẵng
1147	38A-699.26	Hà Tĩnh	2747	37K-570.08	Nghệ An	4347	43A-957.83	Đà Nẵng
1148	38A-699.28	Hà Tĩnh	2748	37K-575.25	Nghệ An	4348	43A-959.56	Đà Nẵng
1149	38A-709.16	Hà Tĩnh	2749	38A-682.63	Hà Tĩnh	4349	43A-960.08	Đà Nẵng
1150	38A-710.28	Hà Tĩnh	2750	38A-700.38	Hà Tĩnh	4350	43A-960.98	Đà Nẵng
1151	38B-024.63	Hà Tĩnh	2751	38A-706.26	Hà Tĩnh	4351	43A-962.98	Đà Nẵng
1152	38B-025.59	Hà Tĩnh	2752	38A-707.19	Hà Tĩnh	4352	43A-965.15	Đà Nẵng
1153	38C-246.36	Hà Tĩnh	2753	38A-707.25	Hà Tĩnh	4353	43A-970.26	Đà Nẵng
1154	38C-247.25	Hà Tĩnh	2754	38B-026.83	Hà Tĩnh	4354	43A-976.09	Đà Nẵng
1155	38C-247.36	Hà Tĩnh	2755	38C-246.08	Hà Tĩnh	4355	43C-316.65	Đà Nẵng
1156	38C-248.26	Hà Tĩnh	2756	38C-250.95	Hà Tĩnh	4356	43C-317.26	Đà Nẵng
1157	38C-250.36	Hà Tĩnh	2757	38D-021.63	Hà Tĩnh	4357	43C-319.18	Đà Nẵng
1158	43A-943.85	Đà Nẵng	2758	43A-942.96	Đà Nẵng	4358	43C-322.56	Đà Nẵng
1159	43A-956.09	Đà Nẵng	2759	43A-949.63	Đà Nẵng	4359	43D-013.25	Đà Nẵng
1160	43A-956.29	Đà Nẵng	2760	43A-954.63	Đà Nẵng	4360	47A-820.96	Đắk Lắk
1161	43A-957.98	Đà Nẵng	2761	43A-955.83	Đà Nẵng	4361	47A-824.16	Đắk Lắk
1162	43A-959.19	Đà Nẵng	2762	43A-956.26	Đà Nẵng	4362	47A-825.16	Đắk Lắk
1163	43A-959.25	Đà Nẵng	2763	43A-957.18	Đà Nẵng	4363	47A-831.25	Đắk Lắk
1164	43A-963.83	Đà Nẵng	2764	43A-960.95	Đà Nẵng	4364	47A-835.96	Đắk Lắk
1165	43A-972.35	Đà Nẵng	2765	43A-964.19	Đà Nẵng	4365	47A-838.26	Đắk Lắk
1166	43A-972.96	Đà Nẵng	2766	43A-965.38	Đà Nẵng	4366	47A-842.85	Đắk Lắk
1167	43A-975.95	Đà Nẵng	2767	43A-977.63	Đà Nẵng	4367	47A-843.28	Đắk Lắk
1168	43B-064.09	Đà Nẵng	2768	43A-978.28	Đà Nẵng	4368	47A-853.96	Đắk Lắk
1169	43C-324.15	Đà Nẵng	2769	43C-323.29	Đà Nẵng	4369	47A-855.96	Đắk Lắk
1170	43D-012.63	Đà Nẵng	2770	43C-324.26	Đà Nẵng	4370	47A-861.28	Đắk Lắk
1171	43D-014.09	Đà Nẵng	2771	43D-012.96	Đà Nẵng	4371	47A-864.36	Đắk Lắk
1172	43D-015.83	Đà Nẵng	2772	47A-815.85	Đắk Lắk	4372	47B-045.18	Đắk Lắk
1173	47A-816.98	Đắk Lắk	2773	47A-817.06	Đắk Lắk	4373	48A-256.95	Đắk Nông
1174	47A-823.38	Đắk Lắk	2774	47A-820.56	Đắk Lắk	4374	48A-257.06	Đắk Nông
1175	47A-831.58	Đắk Lắk	2775	47A-823.16	Đắk Lắk	4375	48A-258.83	Đắk Nông
1176	47A-837.06	Đắk Lắk	2776	47A-825.95	Đắk Lắk	4376	48A-260.56	Đắk Nông
1177	47A-840.56	Đắk Lắk	2777	47A-827.38	Đắk Lắk	4377	48B-013.28	Đắk Nông
1178	47A-841.65	Đắk Lắk	2778	47A-850.63	Đắk Lắk	4378	48C-116.38	Đắk Nông
1179	47A-848.95	Đắk Lắk	2779	47A-855.15	Đắk Lắk	4379	48D-010.18	Đắk Nông
1180	47A-855.83	Đắk Lắk	2780	47A-864.96	Đắk Lắk	4380	49A-748.96	Lâm Đồng
1181	47A-860.56	Đắk Lắk	2781	47B-045.96	Đắk Lắk	4381	49A-751.58	Lâm Đồng
1182	47B-044.18	Đắk Lắk	2782	47C-401.83	Đắk Lắk	4382	49A-757.35	Lâm Đồng
1183	47C-399.85	Đắk Lắk	2783	47C-406.65	Đắk Lắk	4383	49A-759.08	Lâm Đồng
1184	47C-402.15	Đắk Lắk	2784	47C-408.35	Đắk Lắk	4384	49A-765.15	Lâm Đồng
1185	47C-406.08	Đắk Lắk	2785	47C-412.85	Đắk Lắk	4385	49A-766.19	Lâm Đồng
1186	47C-406.36	Đắk Lắk	2786	47C-419.16	Đắk Lắk	4386	49C-387.63	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	47C-412.98	Đắk Lắk	2787	47D-020.29	Đắk Lắk	4387	49C-394.25	Lâm Đồng
1188	47C-420.96	Đắk Lắk	2788	47D-021.38	Đắk Lắk	4388	49C-395.28	Lâm Đồng
1189	47C-421.38	Đắk Lắk	2789	47D-022.25	Đắk Lắk	4389	49C-396.65	Lâm Đồng
1190	47C-421.83	Đắk Lắk	2790	48A-247.95	Đắk Nông	4390	51B-713.85	Hồ Chí Minh
1191	47C-423.06	Đắk Lắk	2791	48A-258.26	Đắk Nông	4391	51E-342.06	Hồ Chí Minh
1192	47D-024.96	Đắk Lắk	2792	48A-260.58	Đắk Nông	4392	51E-342.96	Hồ Chí Minh
1193	48A-248.26	Đắk Nông	2793	48B-013.26	Đắk Nông	4393	51E-344.06	Hồ Chí Minh
1194	48A-249.59	Đắk Nông	2794	48C-120.98	Đắk Nông	4394	51E-345.63	Hồ Chí Minh
1195	48A-252.56	Đắk Nông	2795	49A-746.38	Lâm Đồng	4395	51L-900.95	Hồ Chí Minh
1196	48A-255.63	Đắk Nông	2796	49A-749.28	Lâm Đồng	4396	51L-901.35	Hồ Chí Minh
1197	48A-258.09	Đắk Nông	2797	49A-758.08	Lâm Đồng	4397	51L-908.06	Hồ Chí Minh
1198	48A-258.96	Đắk Nông	2798	49A-761.29	Lâm Đồng	4398	51L-909.83	Hồ Chí Minh
1199	48A-260.16	Đắk Nông	2799	49A-772.09	Lâm Đồng	4399	51L-910.18	Hồ Chí Minh
1200	48C-117.83	Đắk Nông	2800	49A-772.19	Lâm Đồng	4400	51L-912.25	Hồ Chí Minh
1201	48D-007.06	Đắk Nông	2801	49A-772.36	Lâm Đồng	4401	51L-913.35	Hồ Chí Minh
1202	48D-007.63	Đắk Nông	2802	49A-772.83	Lâm Đồng	4402	51L-932.63	Hồ Chí Minh
1203	49A-753.65	Lâm Đồng	2803	49B-035.16	Lâm Đồng	4403	51L-933.56	Hồ Chí Minh
1204	49A-756.06	Lâm Đồng	2804	49B-035.56	Lâm Đồng	4404	51L-933.95	Hồ Chí Minh
1205	49A-757.96	Lâm Đồng	2805	49C-384.15	Lâm Đồng	4405	51L-935.06	Hồ Chí Minh
1206	49A-761.19	Lâm Đồng	2806	51E-347.15	Hồ Chí Minh	4406	51L-941.35	Hồ Chí Minh
1207	49A-762.15	Lâm Đồng	2807	51E-351.08	Hồ Chí Minh	4407	51L-944.56	Hồ Chí Minh
1208	49A-771.09	Lâm Đồng	2808	51L-904.58	Hồ Chí Minh	4408	51L-945.59	Hồ Chí Minh
1209	49A-774.19	Lâm Đồng	2809	51L-904.65	Hồ Chí Minh	4409	51L-949.25	Hồ Chí Minh
1210	49B-035.25	Lâm Đồng	2810	51L-907.56	Hồ Chí Minh	4410	51L-950.06	Hồ Chí Minh
1211	49C-387.65	Lâm Đồng	2811	51L-909.06	Hồ Chí Minh	4411	51L-953.18	Hồ Chí Minh
1212	49C-390.98	Lâm Đồng	2812	51L-909.19	Hồ Chí Minh	4412	51L-960.35	Hồ Chí Minh
1213	49C-395.15	Lâm Đồng	2813	51L-929.26	Hồ Chí Minh	4413	51L-961.83	Hồ Chí Minh
1214	51E-341.65	Hồ Chí Minh	2814	51L-933.29	Hồ Chí Minh	4414	51L-965.36	Hồ Chí Minh
1215	51E-341.83	Hồ Chí Minh	2815	51L-933.65	Hồ Chí Minh	4415	51L-976.09	Hồ Chí Minh
1216	51E-344.16	Hồ Chí Minh	2816	51L-940.08	Hồ Chí Minh	4416	51L-984.25	Hồ Chí Minh
1217	51E-347.38	Hồ Chí Minh	2817	51L-942.83	Hồ Chí Minh	4417	51L-985.06	Hồ Chí Minh
1218	51E-351.09	Hồ Chí Minh	2818	51L-946.63	Hồ Chí Minh	4418	51L-992.18	Hồ Chí Minh
1219	51E-352.95	Hồ Chí Minh	2819	51L-949.58	Hồ Chí Minh	4419	51M-052.36	Hồ Chí Minh
1220	51L-900.08	Hồ Chí Minh	2820	51L-956.06	Hồ Chí Minh	4420	51M-057.18	Hồ Chí Minh
1221	51L-901.19	Hồ Chí Minh	2821	51L-967.29	Hồ Chí Minh	4421	51M-059.25	Hồ Chí Minh
1222	51L-901.63	Hồ Chí Minh	2822	51L-968.19	Hồ Chí Minh	4422	51M-061.83	Hồ Chí Minh
1223	51L-905.18	Hồ Chí Minh	2823	51L-973.36	Hồ Chí Minh	4423	51M-063.28	Hồ Chí Minh
1224	51L-906.25	Hồ Chí Minh	2824	51L-980.35	Hồ Chí Minh	4424	51M-070.06	Hồ Chí Minh
1225	51L-908.19	Hồ Chí Minh	2825	51L-981.58	Hồ Chí Minh	4425	51M-075.65	Hồ Chí Minh
1226	51L-914.63	Hồ Chí Minh	2826	51L-998.09	Hồ Chí Minh	4426	51M-076.56	Hồ Chí Minh
1227	51L-915.18	Hồ Chí Minh	2827	51M-063.25	Hồ Chí Minh	4427	51M-082.09	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51L-915.59	Hồ Chí Minh	2828	51M-067.83	Hồ Chí Minh	4428	51M-084.83	Hồ Chí Minh
1229	51L-926.58	Hồ Chí Minh	2829	51M-072.09	Hồ Chí Minh	4429	51M-087.06	Hồ Chí Minh
1230	51L-931.56	Hồ Chí Minh	2830	51M-076.09	Hồ Chí Minh	4430	51M-092.65	Hồ Chí Minh
1231	51L-936.59	Hồ Chí Minh	2831	51M-082.35	Hồ Chí Minh	4431	51M-093.63	Hồ Chí Minh
1232	51L-940.09	Hồ Chí Minh	2832	51M-085.25	Hồ Chí Minh	4432	51M-096.95	Hồ Chí Minh
1233	51L-943.28	Hồ Chí Minh	2833	51M-086.36	Hồ Chí Minh	4433	51M-097.85	Hồ Chí Minh
1234	51L-957.28	Hồ Chí Minh	2834	51M-086.56	Hồ Chí Minh	4434	51M-105.85	Hồ Chí Minh
1235	51L-959.29	Hồ Chí Minh	2835	51M-093.38	Hồ Chí Minh	4435	51M-113.98	Hồ Chí Minh
1236	51L-960.08	Hồ Chí Minh	2836	51M-094.18	Hồ Chí Minh	4436	51M-121.38	Hồ Chí Minh
1237	51L-962.85	Hồ Chí Minh	2837	51M-107.19	Hồ Chí Minh	4437	51M-124.35	Hồ Chí Minh
1238	51L-980.56	Hồ Chí Minh	2838	51M-113.56	Hồ Chí Minh	4438	51M-140.35	Hồ Chí Minh
1239	51L-984.26	Hồ Chí Minh	2839	51M-126.19	Hồ Chí Minh	4439	51M-142.56	Hồ Chí Minh
1240	51L-984.58	Hồ Chí Minh	2840	51M-132.35	Hồ Chí Minh	4440	51M-142.95	Hồ Chí Minh
1241	51L-985.19	Hồ Chí Minh	2841	51M-136.65	Hồ Chí Minh	4441	51M-148.25	Hồ Chí Minh
1242	51L-985.26	Hồ Chí Minh	2842	51M-142.65	Hồ Chí Minh	4442	51M-149.83	Hồ Chí Minh
1243	51L-996.19	Hồ Chí Minh	2843	51M-145.36	Hồ Chí Minh	4443	51M-159.98	Hồ Chí Minh
1244	51M-055.36	Hồ Chí Minh	2844	51M-150.36	Hồ Chí Minh	4444	51M-169.83	Hồ Chí Minh
1245	51M-066.63	Hồ Chí Minh	2845	51M-151.29	Hồ Chí Minh	4445	51M-171.16	Hồ Chí Minh
1246	51M-082.15	Hồ Chí Minh	2846	51M-155.28	Hồ Chí Minh	4446	51M-171.26	Hồ Chí Minh
1247	51M-086.16	Hồ Chí Minh	2847	51M-170.65	Hồ Chí Minh	4447	51M-173.06	Hồ Chí Minh
1248	51M-092.28	Hồ Chí Minh	2848	51M-177.56	Hồ Chí Minh	4448	51M-173.58	Hồ Chí Minh
1249	51M-093.16	Hồ Chí Minh	2849	51M-180.59	Hồ Chí Minh	4449	51M-173.63	Hồ Chí Minh
1250	51M-106.38	Hồ Chí Minh	2850	51M-181.83	Hồ Chí Minh	4450	51M-177.85	Hồ Chí Minh
1251	51M-110.58	Hồ Chí Minh	2851	51M-185.59	Hồ Chí Minh	4451	51M-179.09	Hồ Chí Minh
1252	51M-112.58	Hồ Chí Minh	2852	51M-186.95	Hồ Chí Minh	4452	51M-187.15	Hồ Chí Minh
1253	51M-117.36	Hồ Chí Minh	2853	51M-189.26	Hồ Chí Minh	4453	51M-189.63	Hồ Chí Minh
1254	51M-122.18	Hồ Chí Minh	2854	51M-192.59	Hồ Chí Minh	4454	51M-191.65	Hồ Chí Minh
1255	51M-126.56	Hồ Chí Minh	2855	51M-196.35	Hồ Chí Minh	4455	51M-192.96	Hồ Chí Minh
1256	51M-129.19	Hồ Chí Minh	2856	51M-199.15	Hồ Chí Minh	4456	51M-194.59	Hồ Chí Minh
1257	51M-145.95	Hồ Chí Minh	2857	51M-199.65	Hồ Chí Minh	4457	51M-194.98	Hồ Chí Minh
1258	51M-155.96	Hồ Chí Minh	2858	51M-200.28	Hồ Chí Minh	4458	51M-195.08	Hồ Chí Minh
1259	51M-178.29	Hồ Chí Minh	2859	51M-201.25	Hồ Chí Minh	4459	51M-207.38	Hồ Chí Minh
1260	51M-188.63	Hồ Chí Minh	2860	51M-210.26	Hồ Chí Minh	4460	51M-213.26	Hồ Chí Minh
1261	51M-195.26	Hồ Chí Minh	2861	51M-212.98	Hồ Chí Minh	4461	51M-217.63	Hồ Chí Minh
1262	51M-199.09	Hồ Chí Minh	2862	51M-213.18	Hồ Chí Minh	4462	51M-226.09	Hồ Chí Minh
1263	51M-212.26	Hồ Chí Minh	2863	51M-230.98	Hồ Chí Minh	4463	51M-229.58	Hồ Chí Minh
1264	51M-223.58	Hồ Chí Minh	2864	51M-238.36	Hồ Chí Minh	4464	51M-244.26	Hồ Chí Minh
1265	51M-227.38	Hồ Chí Minh	2865	51M-241.15	Hồ Chí Minh	4465	51M-248.26	Hồ Chí Minh
1266	51M-233.83	Hồ Chí Minh	2866	51M-241.96	Hồ Chí Minh	4466	51M-251.63	Hồ Chí Minh
1267	51M-240.08	Hồ Chí Minh	2867	51M-245.96	Hồ Chí Minh	4467	51M-256.83	Hồ Chí Minh
1268	51M-240.63	Hồ Chí Minh	2868	51M-248.06	Hồ Chí Minh	4468	51M-264.83	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1269	51M-242.36	Hồ Chí Minh	2869	51M-252.08	Hồ Chí Minh	4469	51M-273.83	Hồ Chí Minh
1270	51M-242.83	Hồ Chí Minh	2870	51M-257.26	Hồ Chí Minh	4470	51M-281.25	Hồ Chí Minh
1271	51M-252.38	Hồ Chí Minh	2871	51M-261.85	Hồ Chí Minh	4471	51M-286.18	Hồ Chí Minh
1272	51M-256.16	Hồ Chí Minh	2872	51M-262.09	Hồ Chí Minh	4472	51M-287.95	Hồ Chí Minh
1273	51M-258.96	Hồ Chí Minh	2873	51M-274.65	Hồ Chí Minh	4473	51M-293.26	Hồ Chí Minh
1274	51M-259.56	Hồ Chí Minh	2874	51M-277.56	Hồ Chí Minh	4474	51M-294.83	Hồ Chí Minh
1275	51M-267.38	Hồ Chí Minh	2875	51M-280.35	Hồ Chí Minh	4475	51M-310.56	Hồ Chí Minh
1276	51M-277.58	Hồ Chí Minh	2876	51M-299.83	Hồ Chí Minh	4476	51N-005.18	Hồ Chí Minh
1277	51M-293.83	Hồ Chí Minh	2877	51M-304.85	Hồ Chí Minh	4477	51N-006.96	Hồ Chí Minh
1278	51M-305.25	Hồ Chí Minh	2878	51M-305.59	Hồ Chí Minh	4478	51N-008.06	Hồ Chí Minh
1279	51M-309.36	Hồ Chí Minh	2879	51N-012.25	Hồ Chí Minh	4479	51N-010.59	Hồ Chí Minh
1280	51N-024.06	Hồ Chí Minh	2880	51N-013.65	Hồ Chí Minh	4480	51N-017.08	Hồ Chí Minh
1281	51N-029.38	Hồ Chí Minh	2881	51N-019.28	Hồ Chí Minh	4481	51N-018.29	Hồ Chí Minh
1282	51N-033.85	Hồ Chí Minh	2882	51N-020.25	Hồ Chí Minh	4482	51N-028.58	Hồ Chí Minh
1283	51N-037.58	Hồ Chí Minh	2883	51N-021.98	Hồ Chí Minh	4483	51N-028.63	Hồ Chí Minh
1284	51N-051.58	Hồ Chí Minh	2884	51N-023.98	Hồ Chí Minh	4484	51N-037.16	Hồ Chí Minh
1285	51N-055.36	Hồ Chí Minh	2885	51N-026.95	Hồ Chí Minh	4485	51N-039.06	Hồ Chí Minh
1286	51N-056.98	Hồ Chí Minh	2886	51N-029.56	Hồ Chí Minh	4486	51N-043.63	Hồ Chí Minh
1287	51N-058.65	Hồ Chí Minh	2887	51N-031.38	Hồ Chí Minh	4487	51N-044.09	Hồ Chí Minh
1288	51N-071.16	Hồ Chí Minh	2888	51N-033.19	Hồ Chí Minh	4488	51N-046.36	Hồ Chí Minh
1289	51N-081.38	Hồ Chí Minh	2889	51N-041.28	Hồ Chí Minh	4489	51N-049.95	Hồ Chí Minh
1290	51N-083.56	Hồ Chí Minh	2890	51N-048.98	Hồ Chí Minh	4490	51N-052.56	Hồ Chí Minh
1291	51N-092.98	Hồ Chí Minh	2891	51N-053.59	Hồ Chí Minh	4491	51N-058.36	Hồ Chí Minh
1292	51N-099.63	Hồ Chí Minh	2892	51N-056.63	Hồ Chí Minh	4492	51N-063.96	Hồ Chí Minh
1293	51N-108.85	Hồ Chí Minh	2893	51N-060.18	Hồ Chí Minh	4493	51N-064.98	Hồ Chí Minh
1294	51N-119.06	Hồ Chí Minh	2894	51N-063.56	Hồ Chí Minh	4494	51N-073.28	Hồ Chí Minh
1295	51N-123.18	Hồ Chí Minh	2895	51N-070.25	Hồ Chí Minh	4495	51N-073.58	Hồ Chí Minh
1296	51N-126.18	Hồ Chí Minh	2896	51N-070.98	Hồ Chí Minh	4496	51N-074.85	Hồ Chí Minh
1297	51N-138.35	Hồ Chí Minh	2897	51N-073.63	Hồ Chí Minh	4497	51N-076.36	Hồ Chí Minh
1298	51N-144.95	Hồ Chí Minh	2898	51N-077.35	Hồ Chí Minh	4498	51N-080.96	Hồ Chí Minh
1299	51N-148.63	Hồ Chí Minh	2899	51N-088.28	Hồ Chí Minh	4499	51N-081.28	Hồ Chí Minh
1300	60C-758.95	Đồng Nai	2900	51N-090.08	Hồ Chí Minh	4500	51N-082.15	Hồ Chí Minh
1301	60C-761.95	Đồng Nai	2901	51N-101.25	Hồ Chí Minh	4501	51N-090.26	Hồ Chí Minh
1302	60C-780.15	Đồng Nai	2902	51N-102.59	Hồ Chí Minh	4502	51N-091.06	Hồ Chí Minh
1303	60C-787.95	Đồng Nai	2903	51N-106.28	Hồ Chí Minh	4503	51N-093.58	Hồ Chí Minh
1304	60K-633.26	Đồng Nai	2904	51N-107.09	Hồ Chí Minh	4504	51N-105.19	Hồ Chí Minh
1305	60K-634.98	Đồng Nai	2905	51N-112.18	Hồ Chí Minh	4505	51N-106.29	Hồ Chí Minh
1306	60K-640.36	Đồng Nai	2906	51N-117.28	Hồ Chí Minh	4506	51N-106.36	Hồ Chí Minh
1307	60K-644.56	Đồng Nai	2907	51N-127.58	Hồ Chí Minh	4507	51N-109.29	Hồ Chí Minh
1308	60K-648.28	Đồng Nai	2908	51N-128.36	Hồ Chí Minh	4508	51N-119.26	Hồ Chí Minh
1309	60K-674.08	Đồng Nai	2909	51N-131.63	Hồ Chí Minh	4509	51N-129.15	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1310	60K-682.65	Đồng Nai	2910	51N-133.06	Hồ Chí Minh	4510	51N-131.96	Hồ Chí Minh
1311	60K-688.09	Đồng Nai	2911	51N-134.65	Hồ Chí Minh	4511	51N-143.28	Hồ Chí Minh
1312	60K-690.63	Đồng Nai	2912	51N-142.35	Hồ Chí Minh	4512	51N-151.38	Hồ Chí Minh
1313	60K-692.08	Đồng Nai	2913	51N-146.18	Hồ Chí Minh	4513	60C-763.06	Đồng Nai
1314	60K-693.28	Đồng Nai	2914	51N-146.29	Hồ Chí Minh	4514	60C-769.19	Đồng Nai
1315	60K-693.85	Đồng Nai	2915	51N-152.85	Hồ Chí Minh	4515	60C-771.15	Đồng Nai
1316	60K-694.36	Đồng Nai	2916	51N-156.19	Hồ Chí Minh	4516	60C-781.08	Đồng Nai
1317	61C-611.85	Bình Dương	2917	60B-079.35	Đồng Nai	4517	60C-784.58	Đồng Nai
1318	61C-631.08	Bình Dương	2918	60C-763.58	Đồng Nai	4518	60C-786.83	Đồng Nai
1319	61C-635.83	Bình Dương	2919	60C-763.98	Đồng Nai	4519	60C-789.38	Đồng Nai
1320	61C-640.83	Bình Dương	2920	60C-772.15	Đồng Nai	4520	60D-023.26	Đồng Nai
1321	61C-642.96	Bình Dương	2921	60C-775.98	Đồng Nai	4521	60K-621.56	Đồng Nai
1322	61K-526.63	Bình Dương	2922	60C-776.85	Đồng Nai	4522	60K-639.16	Đồng Nai
1323	61K-528.85	Bình Dương	2923	60C-779.19	Đồng Nai	4523	60K-640.85	Đồng Nai
1324	61K-529.95	Bình Dương	2924	60C-782.56	Đồng Nai	4524	60K-651.06	Đồng Nai
1325	61K-530.25	Bình Dương	2925	60C-782.95	Đồng Nai	4525	60K-652.19	Đồng Nai
1326	61K-533.26	Bình Dương	2926	60D-023.09	Đồng Nai	4526	60K-663.16	Đồng Nai
1327	61K-546.65	Bình Dương	2927	60D-024.26	Đồng Nai	4527	60K-665.19	Đồng Nai
1328	61K-547.16	Bình Dương	2928	60D-025.06	Đồng Nai	4528	60K-665.96	Đồng Nai
1329	61K-547.35	Bình Dương	2929	60K-623.08	Đồng Nai	4529	60K-670.16	Đồng Nai
1330	61K-551.35	Bình Dương	2930	60K-625.08	Đồng Nai	4530	60K-670.59	Đồng Nai
1331	61K-572.26	Bình Dương	2931	60K-626.28	Đồng Nai	4531	60K-678.85	Đồng Nai
1332	61K-575.18	Bình Dương	2932	60K-632.16	Đồng Nai	4532	60K-683.35	Đồng Nai
1333	61K-577.15	Bình Dương	2933	60K-633.09	Đồng Nai	4533	60K-683.36	Đồng Nai
1334	61K-583.36	Bình Dương	2934	60K-640.18	Đồng Nai	4534	61B-044.95	Bình Dương
1335	61K-587.83	Bình Dương	2935	60K-641.06	Đồng Nai	4535	61C-623.16	Bình Dương
1336	61K-598.56	Bình Dương	2936	60K-647.36	Đồng Nai	4536	61C-635.85	Bình Dương
1337	62A-473.35	Long An	2937	60K-653.16	Đồng Nai	4537	61D-024.08	Bình Dương
1338	62A-473.98	Long An	2938	60K-654.59	Đồng Nai	4538	61D-025.09	Bình Dương
1339	62A-476.16	Long An	2939	60K-662.16	Đồng Nai	4539	61D-025.63	Bình Dương
1340	62A-477.29	Long An	2940	60K-668.59	Đồng Nai	4540	61K-521.09	Bình Dương
1341	62A-483.95	Long An	2941	60K-672.06	Đồng Nai	4541	61K-528.19	Bình Dương
1342	62A-483.98	Long An	2942	60K-677.26	Đồng Nai	4542	61K-532.08	Bình Dương
1343	62A-491.58	Long An	2943	60K-677.83	Đồng Nai	4543	61K-533.36	Bình Dương
1344	62A-491.85	Long An	2944	60K-678.25	Đồng Nai	4544	61K-537.95	Bình Dương
1345	62B-034.06	Long An	2945	60K-680.65	Đồng Nai	4545	61K-544.28	Bình Dương
1346	62C-217.29	Long An	2946	60K-696.15	Đồng Nai	4546	61K-548.15	Bình Dương
1347	62C-218.56	Long An	2947	60K-697.36	Đồng Nai	4547	61K-562.09	Bình Dương
1348	62C-220.83	Long An	2948	61C-610.98	Bình Dương	4548	61K-562.95	Bình Dương
1349	62C-221.83	Long An	2949	61C-617.28	Bình Dương	4549	61K-563.38	Bình Dương
1350	62C-223.18	Long An	2950	61C-619.59	Bình Dương	4550	61K-563.83	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	62C-225.08	Long An	2951	61C-620.08	Bình Dương	4551	61K-572.96	Bình Dương
1352	62D-015.25	Long An	2952	61C-626.63	Bình Dương	4552	61K-575.15	Bình Dương
1353	63A-324.36	Tiền Giang	2953	61C-628.83	Bình Dương	4553	61K-580.65	Bình Dương
1354	63A-324.56	Tiền Giang	2954	61C-635.08	Bình Dương	4554	61K-587.63	Bình Dương
1355	63A-324.96	Tiền Giang	2955	61C-640.58	Bình Dương	4555	61K-589.25	Bình Dương
1356	63A-325.16	Tiền Giang	2956	61K-531.65	Bình Dương	4556	61K-592.65	Bình Dương
1357	63A-334.28	Tiền Giang	2957	61K-538.08	Bình Dương	4557	62A-475.58	Long An
1358	63A-337.85	Tiền Giang	2958	61K-539.63	Bình Dương	4558	62A-478.59	Long An
1359	63C-232.36	Tiền Giang	2959	61K-540.63	Bình Dương	4559	62A-486.25	Long An
1360	63D-014.19	Tiền Giang	2960	61K-545.29	Bình Dương	4560	62A-494.16	Long An
1361	64A-206.85	Vĩnh Long	2961	61K-548.19	Bình Dương	4561	62C-216.63	Long An
1362	64A-208.36	Vĩnh Long	2962	61K-548.25	Bình Dương	4562	62C-223.09	Long An
1363	64A-211.16	Vĩnh Long	2963	61K-548.83	Bình Dương	4563	62C-225.38	Long An
1364	64B-018.15	Vĩnh Long	2964	61K-560.29	Bình Dương	4564	63A-327.36	Tiền Giang
1365	64C-138.35	Vĩnh Long	2965	61K-581.35	Bình Dương	4565	63A-327.83	Tiền Giang
1366	65A-521.08	Cần Thơ	2966	61K-582.06	Bình Dương	4566	63A-329.08	Tiền Giang
1367	65C-262.09	Cần Thơ	2967	61K-584.56	Bình Dương	4567	63A-336.29	Tiền Giang
1368	65C-272.56	Cần Thơ	2968	62A-473.09	Long An	4568	63A-340.59	Tiền Giang
1369	65D-010.65	Cần Thơ	2969	62A-475.85	Long An	4569	63B-035.08	Tiền Giang
1370	66A-303.16	Đồng Tháp	2970	62A-476.96	Long An	4570	63C-236.09	Tiền Giang
1371	66A-307.35	Đồng Tháp	2971	62A-481.38	Long An	4571	63C-239.85	Tiền Giang
1372	66A-307.36	Đồng Tháp	2972	62A-481.56	Long An	4572	64A-207.25	Vĩnh Long
1373	66A-309.28	Đồng Tháp	2973	62A-486.26	Long An	4573	64A-211.18	Vĩnh Long
1374	66C-189.59	Đồng Tháp	2974	62A-487.25	Long An	4574	64B-019.15	Vĩnh Long
1375	67A-329.26	An Giang	2975	62A-489.35	Long An	4575	64D-007.56	Vĩnh Long
1376	67A-335.95	An Giang	2976	62C-221.95	Long An	4576	65A-519.36	Cần Thơ
1377	67A-336.15	An Giang	2977	62C-223.38	Long An	4577	65A-532.26	Cần Thơ
1378	67C-193.06	An Giang	2978	62C-224.83	Long An	4578	65A-534.65	Cần Thơ
1379	67D-009.16	An Giang	2979	62C-225.35	Long An	4579	65B-028.15	Cần Thơ
1380	67D-010.36	An Giang	2980	63A-330.15	Tiền Giang	4580	65C-257.16	Cần Thơ
1381	68A-370.56	Kiên Giang	2981	63A-330.63	Tiền Giang	4581	65D-010.85	Cần Thơ
1382	68A-373.63	Kiên Giang	2982	63A-338.18	Tiền Giang	4582	66A-304.96	Đồng Tháp
1383	68A-378.15	Kiên Giang	2983	63A-339.25	Tiền Giang	4583	66A-306.56	Đồng Tháp
1384	68A-381.85	Kiên Giang	2984	63B-034.25	Tiền Giang	4584	66A-312.19	Đồng Tháp
1385	68B-037.28	Kiên Giang	2985	63B-035.65	Tiền Giang	4585	67B-031.56	An Giang
1386	68C-179.85	Kiên Giang	2986	63C-236.96	Tiền Giang	4586	67C-191.25	An Giang
1387	69A-168.85	Cà Mau	2987	63C-237.35	Tiền Giang	4587	67C-196.15	An Giang
1388	69A-174.98	Cà Mau	2988	63C-239.95	Tiền Giang	4588	67C-197.95	An Giang
1389	69C-105.96	Cà Mau	2989	63C-240.08	Tiền Giang	4589	68A-365.35	Kiên Giang
1390	69C-106.09	Cà Mau	2990	63D-014.16	Tiền Giang	4590	68A-369.09	Kiên Giang
1391	69D-007.98	Cà Mau	2991	64A-203.58	Vĩnh Long	4591	68A-372.38	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	70A-587.83	Tây Ninh	2992	64A-203.65	Vĩnh Long	4592	68A-375.25	Kiên Giang
1393	70A-589.25	Tây Ninh	2993	64A-213.56	Vĩnh Long	4593	68A-380.26	Kiên Giang
1394	70A-594.25	Tây Ninh	2994	65A-515.35	Cần Thơ	4594	68B-034.16	Kiên Giang
1395	70A-594.98	Tây Ninh	2995	65A-521.56	Cần Thơ	4595	68B-036.29	Kiên Giang
1396	70A-595.25	Tây Ninh	2996	65A-522.26	Cần Thơ	4596	68D-008.56	Kiên Giang
1397	70A-596.06	Tây Ninh	2997	65A-523.28	Cần Thơ	4597	69A-174.59	Cà Mau
1398	70A-599.15	Tây Ninh	2998	65A-530.63	Cần Thơ	4598	69A-175.65	Cà Mau
1399	70A-599.63	Tây Ninh	2999	65A-531.58	Cần Thơ	4599	69B-016.25	Cà Mau
1400	70A-603.65	Tây Ninh	3000	65B-027.65	Cần Thơ	4600	69B-016.83	Cà Mau
1401	70A-608.85	Tây Ninh	3001	65B-028.59	Cần Thơ	4601	69C-107.16	Cà Mau
1402	70A-610.83	Tây Ninh	3002	65C-254.09	Cần Thơ	4602	70A-593.83	Tây Ninh
1403	70A-615.26	Tây Ninh	3003	65C-275.18	Cần Thơ	4603	70A-599.98	Tây Ninh
1404	70B-035.09	Tây Ninh	3004	65D-012.35	Cần Thơ	4604	70A-605.63	Tây Ninh
1405	70B-036.35	Tây Ninh	3005	66A-303.96	Đồng Tháp	4605	70A-606.38	Tây Ninh
1406	70B-036.98	Tây Ninh	3006	66A-313.96	Đồng Tháp	4606	70A-609.16	Tây Ninh
1407	71A-214.16	Bến Tre	3007	66C-184.35	Đồng Tháp	4607	70A-609.26	Tây Ninh
1408	71A-216.59	Bến Tre	3008	66C-188.65	Đồng Tháp	4608	70A-611.58	Tây Ninh
1409	71A-221.29	Bến Tre	3009	66C-189.63	Đồng Tháp	4609	70A-612.56	Tây Ninh
1410	71C-133.96	Bến Tre	3010	67A-332.38	An Giang	4610	70C-212.98	Tây Ninh
1411	71C-135.19	Bến Tre	3011	67A-343.83	An Giang	4611	70C-217.16	Tây Ninh
1412	71C-137.06	Bến Tre	3012	68A-366.38	Kiên Giang	4612	70C-219.29	Tây Ninh
1413	72A-844.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3013	68A-368.56	Kiên Giang	4613	70D-012.29	Tây Ninh
1414	72A-847.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3014	68A-377.63	Kiên Giang	4614	71A-223.18	Bến Tre
1415	72A-848.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	3015	68B-034.26	Kiên Giang	4615	71C-138.56	Bến Tre
1416	72A-854.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3016	68B-038.09	Kiên Giang	4616	72A-845.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1417	72A-855.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3017	68D-009.35	Kiên Giang	4617	72A-852.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1418	72A-859.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3018	69A-171.98	Cà Mau	4618	72A-854.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
1419	72A-860.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3019	69A-173.65	Cà Mau	4619	72A-856.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1420	72A-862.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3020	69A-174.15	Cà Mau	4620	72A-866.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1421	72A-879.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3021	69C-107.09	Cà Mau	4621	72A-872.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1422	72A-882.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3022	70A-586.25	Tây Ninh	4622	72A-872.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1423	72B-046.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3023	70A-593.29	Tây Ninh	4623	72A-873.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1424	72C-266.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3024	70A-602.56	Tây Ninh	4624	72A-884.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1425	72C-268.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	70A-609.63	Tây Ninh	4625	72B-046.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
1426	72C-270.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	70C-213.18	Tây Ninh	4626	72B-047.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
1427	72C-279.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3027	70C-217.63	Tây Ninh	4627	72C-270.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
1428	72C-282.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3028	70C-218.06	Tây Ninh	4628	72C-273.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1429	73A-371.29	Quảng Bình	3029	70D-013.09	Tây Ninh	4629	72C-277.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1430	73A-382.09	Quảng Bình	3030	70D-013.35	Tây Ninh	4630	72C-278.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
1431	73C-191.85	Quảng Bình	3031	71A-221.38	Bến Tre	4631	72D-014.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1432	73C-196.95	Quảng Bình	3032	71B-024.38	Bến Tre	4632	72D-016.58	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	74A-279.16	Quảng Trị	3033	71D-008.96	Bến Tre	4633	73A-371.28	Quảng Bình
1434	74A-280.63	Quảng Trị	3034	72A-843.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4634	73A-372.36	Quảng Bình
1435	74B-017.15	Quảng Trị	3035	72A-850.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4635	73A-373.35	Quảng Bình
1436	74C-144.36	Quảng Trị	3036	72A-854.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4636	73A-379.15	Quảng Bình
1437	74C-146.56	Quảng Trị	3037	72A-855.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4637	73C-193.65	Quảng Bình
1438	74D-014.58	Quảng Trị	3038	72A-857.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4638	73C-194.16	Quảng Bình
1439	75A-391.56	Thừa Thiên Huế	3039	72A-857.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4639	74A-280.25	Quảng Trị
1440	75A-400.95	Thừa Thiên Huế	3040	72A-859.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4640	74A-281.63	Quảng Trị
1441	75A-402.15	Thừa Thiên Huế	3041	72A-863.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4641	74A-282.19	Quảng Trị
1442	75B-029.65	Thừa Thiên Huế	3042	72A-864.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4642	74A-285.63	Quảng Trị
1443	75B-030.85	Thừa Thiên Huế	3043	72A-865.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4643	74A-286.16	Quảng Trị
1444	75C-159.63	Thừa Thiên Huế	3044	72A-882.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4644	74B-018.95	Quảng Trị
1445	75C-162.09	Thừa Thiên Huế	3045	72B-047.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4645	74B-020.28	Quảng Trị
1446	75D-010.19	Thừa Thiên Huế	3046	72C-276.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4646	74C-145.83	Quảng Trị
1447	76A-328.85	Quảng Ngãi	3047	72D-013.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4647	74D-014.85	Quảng Trị
1448	76A-329.25	Quảng Ngãi	3048	72D-014.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4648	75A-388.25	Thừa Thiên Huế
1449	76A-331.28	Quảng Ngãi	3049	73A-376.56	Quảng Bình	4649	75A-396.56	Thừa Thiên Huế
1450	76A-335.56	Quảng Ngãi	3050	73A-381.95	Quảng Bình	4650	75A-397.16	Thừa Thiên Huế
1451	76B-028.63	Quảng Ngãi	3051	73C-194.85	Quảng Bình	4651	75A-398.35	Thừa Thiên Huế
1452	77A-367.83	Bình Định	3052	74A-279.36	Quảng Trị	4652	75A-399.56	Thừa Thiên Huế
1453	77B-041.36	Bình Định	3053	74A-284.19	Quảng Trị	4653	75C-157.19	Thừa Thiên Huế
1454	77C-262.16	Bình Định	3054	74C-143.98	Quảng Trị	4654	75C-160.26	Thừa Thiên Huế
1455	77C-266.36	Bình Định	3055	74C-145.29	Quảng Trị	4655	75D-010.15	Thừa Thiên Huế
1456	78A-223.26	Phú Yên	3056	74C-145.63	Quảng Trị	4656	75D-012.65	Thừa Thiên Huế
1457	78B-018.83	Phú Yên	3057	74D-013.16	Quảng Trị	4657	76A-327.83	Quảng Ngãi
1458	78C-128.09	Phú Yên	3058	74D-014.56	Quảng Trị	4658	76A-329.63	Quảng Ngãi
1459	79A-570.09	Khánh Hòa	3059	75A-390.16	Thừa Thiên Huế	4659	76C-180.63	Quảng Ngãi
1460	79A-570.96	Khánh Hòa	3060	75A-397.59	Thừa Thiên Huế	4660	76D-013.18	Quảng Ngãi
1461	79A-571.38	Khánh Hòa	3061	75B-031.06	Thừa Thiên Huế	4661	76D-015.25	Quảng Ngãi
1462	79A-575.09	Khánh Hòa	3062	75C-157.38	Thừa Thiên Huế	4662	77A-361.19	Bình Định
1463	79A-578.98	Khánh Hòa	3063	75C-164.58	Thừa Thiên Huế	4663	77A-362.35	Bình Định
1464	79A-582.18	Khánh Hòa	3064	75D-009.83	Thừa Thiên Huế	4664	77A-370.26	Bình Định
1465	79A-583.26	Khánh Hòa	3065	76A-329.09	Quảng Ngãi	4665	77B-037.58	Bình Định
1466	79A-587.98	Khánh Hòa	3066	76B-030.59	Quảng Ngãi	4666	77B-039.26	Bình Định
1467	79A-594.58	Khánh Hòa	3067	76C-181.96	Quảng Ngãi	4667	77C-261.85	Bình Định
1468	79B-044.83	Khánh Hòa	3068	76D-012.38	Quảng Ngãi	4668	77D-009.25	Bình Định
1469	79C-229.63	Khánh Hòa	3069	77A-364.16	Bình Định	4669	77D-010.15	Bình Định
1470	79C-230.29	Khánh Hòa	3070	77B-040.85	Bình Định	4670	78A-218.85	Phú Yên
1471	79C-233.83	Khánh Hòa	3071	77D-010.29	Bình Định	4671	78A-221.09	Phú Yên
1472	79D-012.36	Khánh Hòa	3072	78A-218.35	Phú Yên	4672	78A-224.58	Phú Yên
1473	79D-013.35	Khánh Hòa	3073	78A-219.06	Phú Yên	4673	78A-225.19	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	81A-467.29	Gia Lai	3074	78A-219.38	Phú Yên	4674	78C-128.15	Phú Yên
1475	81A-467.85	Gia Lai	3075	78A-221.65	Phú Yên	4675	79A-568.96	Khánh Hòa
1476	81A-471.83	Gia Lai	3076	78A-225.85	Phú Yên	4676	79A-569.38	Khánh Hòa
1477	81A-474.96	Gia Lai	3077	78A-225.98	Phú Yên	4677	79A-570.35	Khánh Hòa
1478	81A-476.96	Gia Lai	3078	78B-018.85	Phú Yên	4678	79A-572.36	Khánh Hòa
1479	81A-478.06	Gia Lai	3079	78B-021.15	Phú Yên	4679	79A-582.56	Khánh Hòa
1480	81A-479.58	Gia Lai	3080	78B-021.56	Phú Yên	4680	79A-585.96	Khánh Hòa
1481	81B-030.18	Gia Lai	3081	79A-576.06	Khánh Hòa	4681	79A-586.95	Khánh Hòa
1482	81B-031.95	Gia Lai	3082	79A-576.18	Khánh Hòa	4682	79A-588.15	Khánh Hòa
1483	81C-291.35	Gia Lai	3083	79A-577.15	Khánh Hòa	4683	79A-593.19	Khánh Hòa
1484	81C-291.98	Gia Lai	3084	79A-580.16	Khánh Hòa	4684	79A-594.09	Khánh Hòa
1485	82A-163.26	Kon Tum	3085	79A-582.98	Khánh Hòa	4685	79B-046.29	Khánh Hòa
1486	82C-098.29	Kon Tum	3086	79A-585.56	Khánh Hòa	4686	79C-228.15	Khánh Hòa
1487	83A-194.06	Sóc Trăng	3087	79A-587.18	Khánh Hòa	4687	81A-455.58	Gia Lai
1488	83A-195.06	Sóc Trăng	3088	79B-045.29	Khánh Hòa	4688	81A-455.65	Gia Lai
1489	83A-197.65	Sóc Trăng	3089	79B-047.06	Khánh Hòa	4689	81A-463.98	Gia Lai
1490	83B-024.83	Sóc Trăng	3090	79C-228.85	Khánh Hòa	4690	81A-466.18	Gia Lai
1491	83B-025.36	Sóc Trăng	3091	79C-230.09	Khánh Hòa	4691	81A-472.25	Gia Lai
1492	83C-136.29	Sóc Trăng	3092	79C-232.26	Khánh Hòa	4692	81A-477.06	Gia Lai
1493	84A-152.28	Trà Vinh	3093	81A-456.63	Gia Lai	4693	81B-031.19	Gia Lai
1494	84A-152.36	Trà Vinh	3094	81A-458.15	Gia Lai	4694	81C-286.26	Gia Lai
1495	84A-153.09	Trà Vinh	3095	81A-459.83	Gia Lai	4695	81C-292.98	Gia Lai
1496	84A-153.58	Trà Vinh	3096	81A-460.28	Gia Lai	4696	81C-297.25	Gia Lai
1497	84C-126.06	Trà Vinh	3097	81A-465.98	Gia Lai	4697	81C-299.08	Gia Lai
1498	84C-128.96	Trà Vinh	3098	81A-466.29	Gia Lai	4698	82A-163.56	Kon Tum
1499	85A-148.08	Ninh Thuận	3099	81A-467.16	Gia Lai	4699	82B-024.06	Kon Tum
1500	85A-149.09	Ninh Thuận	3100	81A-469.38	Gia Lai	4700	82C-095.28	Kon Tum
1501	86A-320.59	Bình Thuận	3101	81A-470.18	Gia Lai	4701	82D-013.56	Kon Tum
1502	86A-327.08	Bình Thuận	3102	81A-475.26	Gia Lai	4702	83A-198.63	Sóc Trăng
1503	86A-331.15	Bình Thuận	3103	81A-477.15	Gia Lai	4703	83A-200.36	Sóc Trăng
1504	86C-215.36	Bình Thuận	3104	81A-477.58	Gia Lai	4704	83C-132.38	Sóc Trăng
1505	88A-797.85	Vĩnh Phúc	3105	81C-284.56	Gia Lai	4705	83C-137.18	Sóc Trăng
1506	88A-800.26	Vĩnh Phúc	3106	81C-284.58	Gia Lai	4706	84A-147.35	Trà Vinh
1507	88A-801.28	Vĩnh Phúc	3107	81C-287.59	Gia Lai	4707	84A-147.59	Trà Vinh
1508	88A-813.58	Vĩnh Phúc	3108	81D-016.18	Gia Lai	4708	84B-021.16	Trà Vinh
1509	88A-817.98	Vĩnh Phúc	3109	82A-162.28	Kon Tum	4709	84C-127.98	Trà Vinh
1510	88A-824.29	Vĩnh Phúc	3110	82A-165.63	Kon Tum	4710	85B-015.38	Ninh Thuận
1511	88C-309.98	Vĩnh Phúc	3111	82D-013.09	Kon Tum	4711	85C-086.15	Ninh Thuận
1512	88C-312.06	Vĩnh Phúc	3112	83A-194.08	Sóc Trăng	4712	85C-088.29	Ninh Thuận
1513	88C-314.16	Vĩnh Phúc	3113	83A-195.16	Sóc Trăng	4713	85D-006.58	Ninh Thuận
1514	88C-317.06	Vĩnh Phúc	3114	83A-200.08	Sóc Trăng	4714	86A-322.83	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	88C-320.63	Vĩnh Phúc	3115	83B-026.09	Sóc Trăng	4715	86A-323.98	Bình Thuận
1516	88C-320.85	Vĩnh Phúc	3116	83D-009.28	Sóc Trăng	4716	86A-329.59	Bình Thuận
1517	88C-324.19	Vĩnh Phúc	3117	84B-022.16	Trà Vinh	4717	86C-214.28	Bình Thuận
1518	89A-534.25	Hưng Yên	3118	85A-152.85	Ninh Thuận	4718	86D-008.28	Bình Thuận
1519	89A-537.16	Hưng Yên	3119	85D-008.25	Ninh Thuận	4719	88A-790.28	Vĩnh Phúc
1520	89A-538.16	Hưng Yên	3120	86A-320.19	Bình Thuận	4720	88A-792.15	Vĩnh Phúc
1521	89A-543.63	Hưng Yên	3121	86A-326.56	Bình Thuận	4721	88A-824.58	Vĩnh Phúc
1522	89A-545.16	Hưng Yên	3122	86C-212.29	Bình Thuận	4722	88A-827.95	Vĩnh Phúc
1523	89A-551.36	Hưng Yên	3123	86D-009.29	Bình Thuận	4723	88A-828.25	Vĩnh Phúc
1524	89A-553.95	Hưng Yên	3124	88A-800.59	Vĩnh Phúc	4724	88B-022.96	Vĩnh Phúc
1525	89A-558.83	Hưng Yên	3125	88A-802.63	Vĩnh Phúc	4725	88C-310.85	Vĩnh Phúc
1526	89A-560.28	Hưng Yên	3126	88A-808.06	Vĩnh Phúc	4726	88C-315.98	Vĩnh Phúc
1527	89A-561.58	Hưng Yên	3127	88A-816.26	Vĩnh Phúc	4727	88C-316.83	Vĩnh Phúc
1528	89A-566.09	Hưng Yên	3128	88A-818.36	Vĩnh Phúc	4728	88C-317.26	Vĩnh Phúc
1529	89C-347.63	Hưng Yên	3129	88A-820.18	Vĩnh Phúc	4729	88C-324.96	Vĩnh Phúc
1530	89C-348.26	Hưng Yên	3130	88A-824.26	Vĩnh Phúc	4730	88C-325.06	Vĩnh Phúc
1531	89C-349.36	Hưng Yên	3131	88B-023.08	Vĩnh Phúc	4731	89A-536.83	Hưng Yên
1532	89C-352.85	Hưng Yên	3132	88C-315.96	Vĩnh Phúc	4732	89A-537.15	Hưng Yên
1533	89C-354.58	Hưng Yên	3133	88C-317.25	Vĩnh Phúc	4733	89A-538.09	Hưng Yên
1534	89C-358.65	Hưng Yên	3134	88C-321.85	Vĩnh Phúc	4734	89A-538.85	Hưng Yên
1535	89D-024.36	Hưng Yên	3135	88C-325.58	Vĩnh Phúc	4735	89A-540.09	Hưng Yên
1536	89D-025.59	Hưng Yên	3136	88D-022.65	Vĩnh Phúc	4736	89A-548.38	Hưng Yên
1537	90A-290.25	Hà Nam	3137	88D-022.98	Vĩnh Phúc	4737	89B-028.26	Hưng Yên
1538	90A-291.96	Hà Nam	3138	88D-023.18	Vĩnh Phúc	4738	89C-345.38	Hưng Yên
1539	90A-295.85	Hà Nam	3139	89A-537.98	Hưng Yên	4739	89C-347.58	Hưng Yên
1540	90B-014.18	Hà Nam	3140	89A-547.18	Hưng Yên	4740	89C-348.28	Hưng Yên
1541	90D-011.16	Hà Nam	3141	89A-547.28	Hưng Yên	4741	89C-354.63	Hưng Yên
1542	92A-439.35	Quảng Nam	3142	89A-547.98	Hưng Yên	4742	89C-358.26	Hưng Yên
1543	92A-449.15	Quảng Nam	3143	89A-554.29	Hưng Yên	4743	90A-295.28	Hà Nam
1544	92D-015.28	Quảng Nam	3144	89B-026.18	Hưng Yên	4744	90A-297.15	Hà Nam
1545	93A-508.26	Bình Phước	3145	89C-357.65	Hưng Yên	4745	90B-013.15	Hà Nam
1546	93A-513.16	Bình Phước	3146	90A-302.25	Hà Nam	4746	90C-155.63	Hà Nam
1547	93A-515.65	Bình Phước	3147	90C-159.65	Hà Nam	4747	90C-156.18	Hà Nam
1548	93A-515.96	Bình Phước	3148	90D-010.63	Hà Nam	4748	90C-157.96	Hà Nam
1549	93B-022.85	Bình Phước	3149	90D-011.38	Hà Nam	4749	90D-010.35	Hà Nam
1550	93C-202.58	Bình Phước	3150	92A-437.18	Quảng Nam	4750	92A-437.85	Quảng Nam
1551	93C-203.16	Bình Phước	3151	92A-438.58	Quảng Nam	4751	92A-438.28	Quảng Nam
1552	93D-009.28	Bình Phước	3152	92A-438.95	Quảng Nam	4752	92B-040.35	Quảng Nam
1553	94B-015.18	Bạc Liêu	3153	92A-442.63	Quảng Nam	4753	92B-040.65	Quảng Nam
1554	94B-015.35	Bạc Liêu	3154	92A-448.28	Quảng Nam	4754	92C-261.15	Quảng Nam
1555	94B-015.59	Bạc Liêu	3155	93A-507.56	Bình Phước	4755	92C-265.29	Quảng Nam

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	94B-017.63	Bạc Liêu	3156	93A-518.26	Bình Phước	4756	93A-511.56	Bình Phước
1557	94C-084.38	Bạc Liêu	3157	93A-525.19	Bình Phước	4757	93A-518.28	Bình Phước
1558	94C-085.65	Bạc Liêu	3158	93C-200.95	Bình Phước	4758	93A-521.65	Bình Phước
1559	94D-005.95	Bạc Liêu	3159	95A-136.95	Hậu Giang	4759	93A-522.85	Bình Phước
1560	95A-136.35	Hậu Giang	3160	95A-138.95	Hậu Giang	4760	93A-525.65	Bình Phước
1561	95A-137.18	Hậu Giang	3161	95B-018.65	Hậu Giang	4761	93C-204.58	Bình Phước
1562	95A-137.63	Hậu Giang	3162	95C-089.63	Hậu Giang	4762	93C-205.25	Bình Phước
1563	95B-016.15	Hậu Giang	3163	95D-025.18	Hậu Giang	4763	93D-008.36	Bình Phước
1564	95B-017.38	Hậu Giang	3164	97A-096.63	Bắc Kạn	4764	94A-111.96	Bạc Liêu
1565	95D-025.96	Hậu Giang	3165	97C-051.59	Bắc Kạn	4765	94A-112.83	Bạc Liêu
1566	97A-099.26	Bắc Kạn	3166	97C-051.63	Bắc Kạn	4766	94C-084.28	Bạc Liêu
1567	97B-016.56	Bắc Kạn	3167	97D-007.65	Bắc Kạn	4767	94D-006.25	Bạc Liêu
1568	97B-016.96	Bắc Kạn	3168	98A-860.08	Bắc Giang	4768	95A-139.98	Hậu Giang
1569	97C-050.38	Bắc Kạn	3169	98A-863.18	Bắc Giang	4769	95B-019.25	Hậu Giang
1570	97C-050.63	Bắc Kạn	3170	98A-865.16	Bắc Giang	4770	95D-025.63	Hậu Giang
1571	97C-052.38	Bắc Kạn	3171	98A-868.06	Bắc Giang	4771	95D-026.98	Hậu Giang
1572	97D-011.35	Bắc Kạn	3172	98A-872.95	Bắc Giang	4772	97D-009.35	Bắc Kạn
1573	98A-861.63	Bắc Giang	3173	98A-873.08	Bắc Giang	4773	98A-862.15	Bắc Giang
1574	98A-887.28	Bắc Giang	3174	98A-884.08	Bắc Giang	4774	98A-871.26	Bắc Giang
1575	98A-895.26	Bắc Giang	3175	98A-885.59	Bắc Giang	4775	98A-874.56	Bắc Giang
1576	98A-896.29	Bắc Giang	3176	98A-891.28	Bắc Giang	4776	98A-879.95	Bắc Giang
1577	98A-897.06	Bắc Giang	3177	98A-896.63	Bắc Giang	4777	98A-880.63	Bắc Giang
1578	98A-900.06	Bắc Giang	3178	98A-897.09	Bắc Giang	4778	98A-881.96	Bắc Giang
1579	98A-902.59	Bắc Giang	3179	98A-897.16	Bắc Giang	4779	98A-901.19	Bắc Giang
1580	98A-905.96	Bắc Giang	3180	98A-900.95	Bắc Giang	4780	98A-912.15	Bắc Giang
1581	98C-382.65	Bắc Giang	3181	98A-903.56	Bắc Giang	4781	98B-045.98	Bắc Giang
1582	98C-397.16	Bắc Giang	3182	98A-911.63	Bắc Giang	4782	98C-376.58	Bắc Giang
1583	98D-020.65	Bắc Giang	3183	98B-045.19	Bắc Giang	4783	98C-376.95	Bắc Giang
1584	98D-021.63	Bắc Giang	3184	98B-046.58	Bắc Giang	4784	98C-379.26	Bắc Giang
1585	99A-855.25	Bắc Ninh	3185	98C-379.18	Bắc Giang	4785	98C-389.08	Bắc Giang
1586	99A-855.59	Bắc Ninh	3186	98C-385.35	Bắc Giang	4786	98C-390.16	Bắc Giang
1587	99A-856.06	Bắc Ninh	3187	99A-858.28	Bắc Ninh	4787	98D-024.08	Bắc Giang
1588	99A-856.59	Bắc Ninh	3188	99A-865.26	Bắc Ninh	4788	99A-851.28	Bắc Ninh
1589	99A-863.95	Bắc Ninh	3189	99A-870.09	Bắc Ninh	4789	99A-856.36	Bắc Ninh
1590	99A-865.29	Bắc Ninh	3190	99A-872.25	Bắc Ninh	4790	99A-859.83	Bắc Ninh
1591	99A-867.63	Bắc Ninh	3191	99A-872.29	Bắc Ninh	4791	99A-877.19	Bắc Ninh
1592	99A-873.06	Bắc Ninh	3192	99A-882.29	Bắc Ninh	4792	99A-893.06	Bắc Ninh
1593	99A-878.19	Bắc Ninh	3193	99A-891.96	Bắc Ninh	4793	99B-030.09	Bắc Ninh
1594	99A-890.15	Bắc Ninh	3194	99A-896.35	Bắc Ninh	4794	99B-033.85	Bắc Ninh
1595	99A-896.09	Bắc Ninh	3195	99B-030.28	Bắc Ninh	4795	99C-332.35	Bắc Ninh
1596	99B-030.65	Bắc Ninh	3196	99C-330.95	Bắc Ninh	4796	99C-332.65	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			**Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'**			**Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'**		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1597	99B-031.29	Bắc Ninh	3197	99C-339.29	Bắc Ninh	4797	99C-343.29	Bắc Ninh
1598	99C-332.25	Bắc Ninh	3198	99C-341.35	Bắc Ninh	4798	99C-343.96	Bắc Ninh
1599	99C-332.63	Bắc Ninh	3199	99C-341.56	Bắc Ninh	4799	99D-024.98	Bắc Ninh
1600	99C-345.85	Bắc Ninh	3200	99C-344.06	Bắc Ninh	4800	99D-027.83	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4801	30M-393.96	Hà Nội	6401	30L-779.99	Hà Nội			
4802	36K-266.66	Thanh Hóa	6402	63C-222.22	Tiền Giang			
4803	17C-222.23	Thái Bình	6403	14A-996.66	Quảng Ninh			
4804	30M-233.33	Hà Nội	6404	15B-055.55	Hải Phòng			
4805	34A-967.77	Hải Dương	6405	25B-011.11	Lai Châu			
4806	37K-518.88	Nghệ An	6406	29K-333.39	Hà Nội			
4807	48A-222.25	Đắk Nông	6407	29K-399.79	Hà Nội			
4808	51L-906.66	Hồ Chí Minh	6408	29K-409.99	Hà Nội			
4809	51L-997.99	Hồ Chí Minh	6409	30L-999.93	Hà Nội			
4810	51M-058.88	Hồ Chí Minh	6410	30M-097.77	Hà Nội			
4811	51M-285.55	Hồ Chí Minh	6411	30M-222.27	Hà Nội			
4812	51M-299.92	Hồ Chí Minh	6412	30M-236.66	Hà Nội			
4813	62A-479.79	Long An	6413	30M-355.53	Hà Nội			
4814	62A-488.66	Long An	6414	36C-555.54	Thanh Hóa			
4815	70A-611.11	Tây Ninh	6415	49C-388.66	Lâm Đồng			
4816	75A-395.55	Thừa Thiên Huế	6416	51L-949.99	Hồ Chí Minh			
4817	79A-595.55	Khánh Hòa	6417	51N-006.66	Hồ Chí Minh			
4818	81A-479.79	Gia Lai	6418	60B-077.77	Đồng Nai			
4819	81C-286.66	Gia Lai	6419	68A-378.88	Kiên Giang			
4820	90A-300.00	Hà Nam	6420	68C-179.99	Kiên Giang			
4821	93B-022.22	Bình Phước	6421	72A-859.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4822	30L-381.69	Hà Nội	6422	76A-333.31	Quảng Ngãi			
4823	30L-686.93	Hà Nội	6423	92B-039.39	Quảng Nam			
4824	30L-911.00	Hà Nội	6424	97A-099.90	Bắc Kạn			
4825	30M-038.89	Hà Nội	6425	98A-908.88	Bắc Giang			
4826	30M-043.55	Hà Nội	6426	30L-626.83	Hà Nội			
4827	30M-046.77	Hà Nội	6427	30M-031.68	Hà Nội			
4828	30M-052.11	Hà Nội	6428	30M-032.44	Hà Nội			
4829	30M-060.33	Hà Nội	6429	30M-040.88	Hà Nội			
4830	30M-062.86	Hà Nội	6430	30M-049.39	Hà Nội			
4831	30M-065.60	Hà Nội	6431	30M-051.66	Hà Nội			
4832	30M-068.22	Hà Nội	6432	30M-055.56	Hà Nội			
4833	30M-070.44	Hà Nội	6433	30M-058.22	Hà Nội			
4834	30M-094.99	Hà Nội	6434	30M-063.44	Hà Nội			
4835	30M-095.39	Hà Nội	6435	30M-063.77	Hà Nội			
4836	30M-097.69	Hà Nội	6436	30M-069.39	Hà Nội			
4837	30M-098.86	Hà Nội	6437	30M-069.86	Hà Nội			
4838	30M-105.01	Hà Nội	6438	30M-071.99	Hà Nội			
4839	30M-107.33	Hà Nội	6439	30M-078.79	Hà Nội			
4840	30M-127.66	Hà Nội	6440	30M-081.00	Hà Nội			
4841	30M-128.33	Hà Nội	6441	30M-094.22	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	30M-128.44	Hà Nội	6442	30M-096.44	Hà Nội			
4843	30M-144.69	Hà Nội	6443	30M-101.79	Hà Nội			
4844	30M-146.99	Hà Nội	6444	30M-110.00	Hà Nội			
4845	30M-148.22	Hà Nội	6445	30M-111.07	Hà Nội			
4846	30M-154.68	Hà Nội	6446	30M-120.11	Hà Nội			
4847	30M-165.11	Hà Nội	6447	30M-123.00	Hà Nội			
4848	30M-167.67	Hà Nội	6448	30M-128.55	Hà Nội			
4849	30M-168.33	Hà Nội	6449	30M-133.89	Hà Nội			
4850	30M-169.44	Hà Nội	6450	30M-134.43	Hà Nội			
4851	30M-172.79	Hà Nội	6451	30M-135.86	Hà Nội			
4852	30M-173.11	Hà Nội	6452	30M-137.00	Hà Nội			
4853	30M-184.86	Hà Nội	6453	30M-144.55	Hà Nội			
4854	30M-195.00	Hà Nội	6454	30M-148.00	Hà Nội			
4855	30M-196.19	Hà Nội	6455	30M-149.49	Hà Nội			
4856	30M-209.79	Hà Nội	6456	30M-153.54	Hà Nội			
4857	30M-221.33	Hà Nội	6457	30M-156.55	Hà Nội			
4858	30M-223.32	Hà Nội	6458	30M-163.66	Hà Nội			
4859	30M-226.55	Hà Nội	6459	30M-179.77	Hà Nội			
4860	30M-227.72	Hà Nội	6460	30M-184.48	Hà Nội			
4861	30M-229.29	Hà Nội	6461	30M-186.87	Hà Nội			
4862	30M-234.68	Hà Nội	6462	30M-202.89	Hà Nội			
4863	30M-239.32	Hà Nội	6463	30M-204.05	Hà Nội			
4864	30M-242.39	Hà Nội	6464	30M-205.79	Hà Nội			
4865	30M-254.11	Hà Nội	6465	30M-221.99	Hà Nội			
4866	30M-261.69	Hà Nội	6466	30M-223.88	Hà Nội			
4867	30M-272.68	Hà Nội	6467	30M-228.55	Hà Nội			
4868	30M-275.72	Hà Nội	6468	30M-232.68	Hà Nội			
4869	30M-277.66	Hà Nội	6469	30M-234.43	Hà Nội			
4870	30M-280.44	Hà Nội	6470	30M-234.77	Hà Nội			
4871	30M-296.55	Hà Nội	6471	30M-238.83	Hà Nội			
4872	30M-301.22	Hà Nội	6472	30M-240.00	Hà Nội			
4873	30M-302.99	Hà Nội	6473	30M-245.79	Hà Nội			
4874	30M-311.88	Hà Nội	6474	30M-253.39	Hà Nội			
4875	30M-317.79	Hà Nội	6475	30M-267.69	Hà Nội			
4876	30M-324.00	Hà Nội	6476	30M-268.62	Hà Nội			
4877	30M-337.99	Hà Nội	6477	30M-268.77	Hà Nội			
4878	30M-342.33	Hà Nội	6478	30M-276.00	Hà Nội			
4879	30M-343.34	Hà Nội	6479	30M-282.00	Hà Nội			
4880	30M-344.99	Hà Nội	6480	30M-282.33	Hà Nội			
4881	30M-348.68	Hà Nội	6481	30M-284.99	Hà Nội			
4882	30M-363.86	Hà Nội	6482	30M-306.77	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-364.77	Hà Nội	6483	30M-306.88	Hà Nội			
4884	30M-371.86	Hà Nội	6484	30M-307.66	Hà Nội			
4885	30M-379.00	Hà Nội	6485	30M-309.44	Hà Nội			
4886	30M-382.66	Hà Nội	6486	30M-320.22	Hà Nội			
4887	30M-382.89	Hà Nội	6487	30M-320.89	Hà Nội			
4888	30M-390.93	Hà Nội	6488	30M-323.77	Hà Nội			
4889	30M-393.79	Hà Nội	6489	30M-339.22	Hà Nội			
4890	30M-398.68	Hà Nội	6490	30M-340.39	Hà Nội			
4891	30M-401.68	Hà Nội	6491	30M-349.39	Hà Nội			
4892	30M-408.69	Hà Nội	6492	30M-358.11	Hà Nội			
4893	30M-410.14	Hà Nội	6493	30M-358.35	Hà Nội			
4894	30M-410.33	Hà Nội	6494	30M-360.22	Hà Nội			
4895	30M-415.14	Hà Nội	6495	30M-362.63	Hà Nội			
4896	30M-418.66	Hà Nội	6496	30M-367.00	Hà Nội			
4897	51L-898.33	Hồ Chí Minh	6497	30M-367.39	Hà Nội			
4898	51L-898.79	Hồ Chí Minh	6498	30M-372.22	Hà Nội			
4899	51L-903.88	Hồ Chí Minh	6499	30M-398.77	Hà Nội			
4900	51L-908.00	Hồ Chí Minh	6500	30M-400.22	Hà Nội			
4901	51L-908.79	Hồ Chí Minh	6501	30M-408.77	Hà Nội			
4902	51L-921.86	Hồ Chí Minh	6502	30M-410.00	Hà Nội			
4903	51L-927.27	Hồ Chí Minh	6503	30M-416.44	Hà Nội			
4904	51L-927.69	Hồ Chí Minh	6504	51L-519.96	Hồ Chí Minh			
4905	51L-931.66	Hồ Chí Minh	6505	51L-687.87	Hồ Chí Minh			
4906	51L-939.55	Hồ Chí Minh	6506	51L-901.00	Hồ Chí Minh			
4907	51L-945.39	Hồ Chí Minh	6507	51L-902.55	Hồ Chí Minh			
4908	51L-948.11	Hồ Chí Minh	6508	51L-902.89	Hồ Chí Minh			
4909	51L-953.69	Hồ Chí Minh	6509	51L-904.39	Hồ Chí Minh			
4910	51L-957.11	Hồ Chí Minh	6510	51L-924.11	Hồ Chí Minh			
4911	51L-962.26	Hồ Chí Minh	6511	51L-925.66	Hồ Chí Minh			
4912	51L-971.68	Hồ Chí Minh	6512	51L-930.22	Hồ Chí Minh			
4913	51L-971.71	Hồ Chí Minh	6513	51L-936.11	Hồ Chí Minh			
4914	51L-972.66	Hồ Chí Minh	6514	51L-942.77	Hồ Chí Minh			
4915	51L-973.89	Hồ Chí Minh	6515	51L-946.55	Hồ Chí Minh			
4916	51L-975.33	Hồ Chí Minh	6516	51L-948.33	Hồ Chí Minh			
4917	51M-054.89	Hồ Chí Minh	6517	51L-951.33	Hồ Chí Minh			
4918	51M-057.05	Hồ Chí Minh	6518	51L-951.55	Hồ Chí Minh			
4919	51M-063.22	Hồ Chí Minh	6519	51L-969.00	Hồ Chí Minh			
4920	51M-063.55	Hồ Chí Minh	6520	51L-983.79	Hồ Chí Minh			
4921	51M-068.33	Hồ Chí Minh	6521	51L-996.63	Hồ Chí Minh			
4922	51M-070.69	Hồ Chí Minh	6522	51L-999.22	Hồ Chí Minh			
4923	51M-075.39	Hồ Chí Minh	6523	51M-057.55	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51M-077.55	Hồ Chí Minh	6524	51M-068.22	Hồ Chí Minh			
4925	51M-077.89	Hồ Chí Minh	6525	51M-068.39	Hồ Chí Minh			
4926	51M-085.44	Hồ Chí Minh	6526	51M-069.11	Hồ Chí Minh			
4927	51M-088.33	Hồ Chí Minh	6527	51M-070.55	Hồ Chí Minh			
4928	51M-095.79	Hồ Chí Minh	6528	51M-078.11	Hồ Chí Minh			
4929	51M-121.22	Hồ Chí Minh	6529	51M-082.83	Hồ Chí Minh			
4930	51M-125.26	Hồ Chí Minh	6530	51M-084.69	Hồ Chí Minh			
4931	51M-125.44	Hồ Chí Minh	6531	51M-087.80	Hồ Chí Minh			
4932	51M-127.33	Hồ Chí Minh	6532	51M-105.77	Hồ Chí Minh			
4933	51M-138.22	Hồ Chí Minh	6533	51M-108.00	Hồ Chí Minh			
4934	51M-146.55	Hồ Chí Minh	6534	51M-111.47	Hồ Chí Minh			
4935	51M-147.88	Hồ Chí Minh	6535	51M-113.00	Hồ Chí Minh			
4936	51M-151.69	Hồ Chí Minh	6536	51M-120.02	Hồ Chí Minh			
4937	51M-163.89	Hồ Chí Minh	6537	51M-126.33	Hồ Chí Minh			
4938	51M-169.61	Hồ Chí Minh	6538	51M-133.13	Hồ Chí Minh			
4939	51M-175.79	Hồ Chí Minh	6539	51M-134.39	Hồ Chí Minh			
4940	51M-176.69	Hồ Chí Minh	6540	51M-139.00	Hồ Chí Minh			
4941	51M-177.44	Hồ Chí Minh	6541	51M-140.39	Hồ Chí Minh			
4942	51M-181.33	Hồ Chí Minh	6542	51M-141.33	Hồ Chí Minh			
4943	51M-188.39	Hồ Chí Minh	6543	51M-141.69	Hồ Chí Minh			
4944	51M-189.22	Hồ Chí Minh	6544	51M-150.66	Hồ Chí Minh			
4945	51M-197.66	Hồ Chí Minh	6545	51M-160.88	Hồ Chí Minh			
4946	51M-215.51	Hồ Chí Minh	6546	51M-172.77	Hồ Chí Minh			
4947	51M-220.68	Hồ Chí Minh	6547	51M-176.71	Hồ Chí Minh			
4948	51M-221.68	Hồ Chí Minh	6548	51M-177.11	Hồ Chí Minh			
4949	51M-222.02	Hồ Chí Minh	6549	51M-182.39	Hồ Chí Minh			
4950	51M-228.44	Hồ Chí Minh	6550	51M-194.11	Hồ Chí Minh			
4951	51M-232.69	Hồ Chí Minh	6551	51M-194.99	Hồ Chí Minh			
4952	51M-239.69	Hồ Chí Minh	6552	51M-201.01	Hồ Chí Minh			
4953	51M-242.66	Hồ Chí Minh	6553	51M-210.77	Hồ Chí Minh			
4954	51M-250.99	Hồ Chí Minh	6554	51M-212.79	Hồ Chí Minh			
4955	51M-253.79	Hồ Chí Minh	6555	51M-222.18	Hồ Chí Minh			
4956	51M-256.88	Hồ Chí Minh	6556	51M-225.44	Hồ Chí Minh			
4957	51M-273.55	Hồ Chí Minh	6557	51M-240.68	Hồ Chí Minh			
4958	51M-276.22	Hồ Chí Minh	6558	51M-241.88	Hồ Chí Minh			
4959	51M-285.85	Hồ Chí Minh	6559	51M-241.89	Hồ Chí Minh			
4960	51M-288.22	Hồ Chí Minh	6560	51M-248.69	Hồ Chí Minh			
4961	51M-289.44	Hồ Chí Minh	6561	51M-257.57	Hồ Chí Minh			
4962	51M-291.55	Hồ Chí Minh	6562	51M-259.59	Hồ Chí Minh			
4963	51M-294.33	Hồ Chí Minh	6563	51M-261.77	Hồ Chí Minh			
4964	51M-298.44	Hồ Chí Minh	6564	51M-263.69	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-300.55	Hồ Chí Minh	6565	51M-266.00	Hồ Chí Minh			
4966	51M-300.89	Hồ Chí Minh	6566	51M-271.69	Hồ Chí Minh			
4967	51N-002.86	Hồ Chí Minh	6567	51M-277.69	Hồ Chí Minh			
4968	51N-010.22	Hồ Chí Minh	6568	51M-284.33	Hồ Chí Minh			
4969	51N-010.66	Hồ Chí Minh	6569	51M-301.86	Hồ Chí Minh			
4970	51N-012.77	Hồ Chí Minh	6570	51M-309.96	Hồ Chí Minh			
4971	51N-025.77	Hồ Chí Minh	6571	51M-310.33	Hồ Chí Minh			
4972	51N-033.99	Hồ Chí Minh	6572	51N-000.77	Hồ Chí Minh			
4973	51N-040.69	Hồ Chí Minh	6573	51N-001.55	Hồ Chí Minh			
4974	51N-057.05	Hồ Chí Minh	6574	51N-016.00	Hồ Chí Minh			
4975	51N-062.69	Hồ Chí Minh	6575	51N-017.17	Hồ Chí Minh			
4976	51N-063.86	Hồ Chí Minh	6576	51N-022.88	Hồ Chí Minh			
4977	51N-067.88	Hồ Chí Minh	6577	51N-023.55	Hồ Chí Minh			
4978	51N-072.33	Hồ Chí Minh	6578	51N-023.66	Hồ Chí Minh			
4979	51N-074.89	Hồ Chí Minh	6579	51N-025.79	Hồ Chí Minh			
4980	51N-078.99	Hồ Chí Minh	6580	51N-027.11	Hồ Chí Minh			
4981	51N-079.39	Hồ Chí Minh	6581	51N-038.66	Hồ Chí Minh			
4982	51N-085.86	Hồ Chí Minh	6582	51N-045.46	Hồ Chí Minh			
4983	51N-092.93	Hồ Chí Minh	6583	51N-049.77	Hồ Chí Minh			
4984	51N-095.77	Hồ Chí Minh	6584	51N-053.44	Hồ Chí Minh			
4985	51N-098.68	Hồ Chí Minh	6585	51N-055.11	Hồ Chí Minh			
4986	51N-100.89	Hồ Chí Minh	6586	51N-058.58	Hồ Chí Minh			
4987	51N-102.86	Hồ Chí Minh	6587	51N-065.69	Hồ Chí Minh			
4988	51N-106.99	Hồ Chí Minh	6588	51N-073.33	Hồ Chí Minh			
4989	51N-119.44	Hồ Chí Minh	6589	51N-073.77	Hồ Chí Minh			
4990	51N-126.39	Hồ Chí Minh	6590	51N-077.55	Hồ Chí Minh			
4991	51N-140.86	Hồ Chí Minh	6591	51N-080.11	Hồ Chí Minh			
4992	51N-149.44	Hồ Chí Minh	6592	51N-089.11	Hồ Chí Minh			
4993	51N-152.69	Hồ Chí Minh	6593	51N-093.99	Hồ Chí Minh			
4994	51N-154.15	Hồ Chí Minh	6594	51N-099.89	Hồ Chí Minh			
4995	11A-138.00	Cao Bằng	6595	51N-103.77	Hồ Chí Minh			
4996	11A-141.39	Cao Bằng	6596	51N-104.86	Hồ Chí Minh			
4997	11B-016.66	Cao Bằng	6597	51N-108.68	Hồ Chí Minh			
4998	12A-269.68	Lạng Sơn	6598	51N-112.77	Hồ Chí Minh			
4999	12B-016.16	Lạng Sơn	6599	51N-119.88	Hồ Chí Minh			
5000	12C-140.68	Lạng Sơn	6600	51N-124.79	Hồ Chí Minh			
5001	12C-144.99	Lạng Sơn	6601	51N-131.79	Hồ Chí Minh			
5002	14A-992.00	Quảng Ninh	6602	51N-134.88	Hồ Chí Minh			
5003	14A-994.39	Quảng Ninh	6603	51N-135.69	Hồ Chí Minh			
5004	14A-999.13	Quảng Ninh	6604	51N-138.77	Hồ Chí Minh			
5005	14C-452.54	Quảng Ninh	6605	51N-148.14	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	14C-456.99	Quảng Ninh	6606	51N-149.96	Hồ Chí Minh			
5007	14C-457.00	Quảng Ninh	6607	51N-153.11	Hồ Chí Minh			
5008	14C-460.60	Quảng Ninh	6608	11A-138.86	Cao Bằng			
5009	14C-461.46	Quảng Ninh	6609	11B-014.44	Cao Bằng			
5010	14D-031.55	Quảng Ninh	6610	11C-088.55	Cao Bằng			
5011	14K-000.16	Quảng Ninh	6611	11D-010.69	Cao Bằng			
5012	14K-001.02	Quảng Ninh	6612	12B-015.69	Lạng Sơn			
5013	14K-005.68	Quảng Ninh	6613	12B-019.10	Lạng Sơn			
5014	14K-013.33	Quảng Ninh	6614	12C-143.55	Lạng Sơn			
5015	14K-015.11	Quảng Ninh	6615	12D-008.39	Lạng Sơn			
5016	14K-015.68	Quảng Ninh	6616	12D-010.39	Lạng Sơn			
5017	14K-016.88	Quảng Ninh	6617	14A-994.11	Quảng Ninh			
5018	14K-019.39	Quảng Ninh	6618	14C-454.22	Quảng Ninh			
5019	14K-047.33	Quảng Ninh	6619	14C-458.45	Quảng Ninh			
5020	14K-048.33	Quảng Ninh	6620	14D-029.92	Quảng Ninh			
5021	15B-055.56	Hải Phòng	6621	14K-000.28	Quảng Ninh			
5022	15B-055.77	Hải Phòng	6622	14K-017.66	Quảng Ninh			
5023	15B-057.50	Hải Phòng	6623	14K-029.22	Quảng Ninh			
5024	15C-484.86	Hải Phòng	6624	14K-032.22	Quảng Ninh			
5025	15C-486.48	Hải Phòng	6625	14K-041.68	Quảng Ninh			
5026	15C-490.89	Hải Phòng	6626	14K-045.00	Quảng Ninh			
5027	15C-491.22	Hải Phòng	6627	15B-058.59	Hải Phòng			
5028	15D-053.89	Hải Phòng	6628	15B-058.77	Hải Phòng			
5029	15K-288.22	Hải Phòng	6629	15C-485.79	Hải Phòng			
5030	15K-332.86	Hải Phòng	6630	15C-492.44	Hải Phòng			
5031	15K-426.68	Hải Phòng	6631	15K-427.89	Hải Phòng			
5032	15K-427.79	Hải Phòng	6632	15K-432.33	Hải Phòng			
5033	15K-435.33	Hải Phòng	6633	15K-433.00	Hải Phòng			
5034	15K-440.88	Hải Phòng	6634	15K-438.77	Hải Phòng			
5035	15K-442.42	Hải Phòng	6635	15K-439.55	Hải Phòng			
5036	15K-444.27	Hải Phòng	6636	15K-441.14	Hải Phòng			
5037	15K-445.86	Hải Phòng	6637	15K-447.88	Hải Phòng			
5038	15K-459.45	Hải Phòng	6638	15K-449.79	Hải Phòng			
5039	15K-464.00	Hải Phòng	6639	15K-452.66	Hải Phòng			
5040	15K-465.79	Hải Phòng	6640	15K-460.68	Hải Phòng			
5041	15K-474.75	Hải Phòng	6641	15K-462.77	Hải Phòng			
5042	15K-478.44	Hải Phòng	6642	15K-473.69	Hải Phòng			
5043	15K-481.33	Hải Phòng	6643	15K-474.22	Hải Phòng			
5044	15K-492.44	Hải Phòng	6644	15K-485.99	Hải Phòng			
5045	15K-493.44	Hải Phòng	6645	15K-491.86	Hải Phòng			
5046	15K-495.99	Hải Phòng	6646	15K-492.00	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5047	15K-500.33	Hải Phòng	6647	15K-493.68	Hải Phòng			
5048	15K-505.05	Hải Phòng	6648	15K-495.79	Hải Phòng			
5049	15K-512.69	Hải Phòng	6649	15K-503.30	Hải Phòng			
5050	17A-499.68	Thái Bình	6650	15K-504.77	Hải Phòng			
5051	17A-509.86	Thái Bình	6651	15K-505.50	Hải Phòng			
5052	17B-031.13	Thái Bình	6652	15K-505.99	Hải Phòng			
5053	17B-032.32	Thái Bình	6653	17A-494.77	Thái Bình			
5054	17C-215.79	Thái Bình	6654	17A-497.94	Thái Bình			
5055	17C-217.55	Thái Bình	6655	17A-500.05	Thái Bình			
5056	17C-222.04	Thái Bình	6656	17A-501.55	Thái Bình			
5057	17D-015.39	Thái Bình	6657	17A-511.15	Thái Bình			
5058	17D-016.44	Thái Bình	6658	17B-030.79	Thái Bình			
5059	17D-016.88	Thái Bình	6659	17C-216.88	Thái Bình			
5060	18A-496.33	Nam Định	6660	17C-218.68	Thái Bình			
5061	18A-500.86	Nam Định	6661	17C-222.38	Thái Bình			
5062	18A-506.60	Nam Định	6662	17D-016.89	Thái Bình			
5063	18A-507.22	Nam Định	6663	18A-492.44	Nam Định			
5064	18B-033.22	Nam Định	6664	18A-497.86	Nam Định			
5065	18C-174.39	Nam Định	6665	18A-498.00	Nam Định			
5066	18C-174.44	Nam Định	6666	18A-502.20	Nam Định			
5067	18C-175.79	Nam Định	6667	18A-502.79	Nam Định			
5068	18C-178.77	Nam Định	6668	18A-509.00	Nam Định			
5069	18D-015.10	Nam Định	6669	18A-509.69	Nam Định			
5070	18D-015.66	Nam Định	6670	18B-033.89	Nam Định			
5071	18D-019.00	Nam Định	6671	18C-174.55	Nam Định			
5072	19A-719.55	Phú Thọ	6672	18C-178.79	Nam Định			
5073	19A-725.22	Phú Thọ	6673	18C-181.39	Nam Định			
5074	19A-725.88	Phú Thọ	6674	19A-716.77	Phú Thọ			
5075	19A-749.33	Phú Thọ	6675	19A-726.77	Phú Thọ			
5076	19A-749.77	Phú Thọ	6676	19A-729.44	Phú Thọ			
5077	19A-750.57	Phú Thọ	6677	19A-729.89	Phú Thọ			
5078	19C-264.86	Phú Thọ	6678	19A-731.99	Phú Thọ			
5079	19C-271.68	Phú Thọ	6679	19A-735.00	Phú Thọ			
5080	19C-276.77	Phú Thọ	6680	19A-741.89	Phú Thọ			
5081	19D-021.88	Phú Thọ	6681	19C-265.79	Phú Thọ			
5082	20A-861.39	Thái Nguyên	6682	19C-270.39	Phú Thọ			
5083	20A-861.55	Thái Nguyên	6683	20A-860.60	Thái Nguyên			
5084	20A-872.89	Thái Nguyên	6684	20A-860.88	Thái Nguyên			
5085	20A-884.86	Thái Nguyên	6685	20A-864.33	Thái Nguyên			
5086	20A-886.39	Thái Nguyên	6686	20A-871.39	Thái Nguyên			
5087	20A-887.55	Thái Nguyên	6687	20A-876.00	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	20A-890.11	Thái Nguyên	6688	20A-880.80	Thái Nguyên			
5089	20A-896.55	Thái Nguyên	6689	20A-886.79	Thái Nguyên			
5090	20B-035.39	Thái Nguyên	6690	20A-890.44	Thái Nguyên			
5091	20C-311.13	Thái Nguyên	6691	20A-893.99	Thái Nguyên			
5092	20C-313.69	Thái Nguyên	6692	20A-904.22	Thái Nguyên			
5093	20C-318.31	Thái Nguyên	6693	20B-036.86	Thái Nguyên			
5094	20C-319.88	Thái Nguyên	6694	20C-310.86	Thái Nguyên			
5095	21A-224.24	Yên Bái	6695	20C-313.68	Thái Nguyên			
5096	21B-015.88	Yên Bái	6696	21A-221.86	Yên Bái			
5097	21B-017.00	Yên Bái	6697	21A-222.00	Yên Bái			
5098	21C-112.69	Yên Bái	6698	21A-224.44	Yên Bái			
5099	21C-113.13	Yên Bái	6699	21B-014.77	Yên Bái			
5100	22A-272.72	Tuyên Quang	6700	21C-113.77	Yên Bái			
5101	22A-281.39	Tuyên Quang	6701	21C-115.88	Yên Bái			
5102	22A-281.88	Tuyên Quang	6702	21D-010.77	Yên Bái			
5103	22D-011.99	Tuyên Quang	6703	22A-275.68	Tuyên Quang			
5104	22D-012.79	Tuyên Quang	6704	22A-278.77	Tuyên Quang			
5105	23A-165.99	Hà Giang	6705	22A-283.82	Tuyên Quang			
5106	23C-093.90	Hà Giang	6706	22B-016.22	Tuyên Quang			
5107	24A-318.00	Lào Cai	6707	22C-112.89	Tuyên Quang			
5108	24B-021.79	Lào Cai	6708	22C-114.14	Tuyên Quang			
5109	24C-171.55	Lào Cai	6709	22D-010.99	Tuyên Quang			
5110	24D-009.90	Lào Cai	6710	22D-012.86	Tuyên Quang			
5111	25A-085.11	Lai Châu	6711	23B-013.22	Hà Giang			
5112	25B-011.44	Lai Châu	6712	23D-010.01	Hà Giang			
5113	25C-060.61	Lai Châu	6713	24A-320.00	Lào Cai			
5114	25D-007.11	Lai Châu	6714	24B-021.21	Lào Cai			
5115	25D-007.99	Lai Châu	6715	24C-167.55	Lào Cai			
5116	26A-236.22	Sơn La	6716	25A-086.99	Lai Châu			
5117	26A-238.00	Sơn La	6717	25A-087.11	Lai Châu			
5118	26A-240.40	Sơn La	6718	25B-010.10	Lai Châu			
5119	26B-021.22	Sơn La	6719	25B-010.44	Lai Châu			
5120	26B-021.86	Sơn La	6720	25C-061.89	Lai Châu			
5121	26D-016.88	Sơn La	6721	25D-008.79	Lai Châu			
5122	27A-135.99	Điện Biên	6722	25D-009.39	Lai Châu			
5123	28A-265.26	Hòa Bình	6723	26A-236.88	Sơn La			
5124	28A-265.65	Hòa Bình	6724	26A-237.38	Sơn La			
5125	28B-018.33	Hòa Bình	6725	26A-238.32	Sơn La			
5126	28B-019.69	Hòa Bình	6726	26A-243.39	Sơn La			
5127	29B-661.86	Hà Nội	6727	26A-246.47	Sơn La			
5128	29D-626.89	Hà Nội	6728	26B-020.89	Sơn La			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5129	29D-627.62	Hà Nội	6729	26B-022.68	Sơn La			
5130	29D-629.86	Hà Nội	6730	26C-165.56	Sơn La			
5131	29D-630.39	Hà Nội	6731	26D-016.33	Sơn La			
5132	29K-330.55	Hà Nội	6732	27B-017.44	Điện Biên			
5133	29K-333.19	Hà Nội	6733	27D-010.68	Điện Biên			
5134	29K-334.66	Hà Nội	6734	28A-258.69	Hòa Bình			
5135	29K-351.00	Hà Nội	6735	28A-260.26	Hòa Bình			
5136	29K-353.39	Hà Nội	6736	28A-262.55	Hòa Bình			
5137	29K-354.39	Hà Nội	6737	28A-263.77	Hòa Bình			
5138	29K-359.33	Hà Nội	6738	28A-267.76	Hòa Bình			
5139	29K-360.77	Hà Nội	6739	28B-019.44	Hòa Bình			
5140	29K-364.86	Hà Nội	6740	28C-122.88	Hòa Bình			
5141	29K-366.55	Hà Nội	6741	28C-125.00	Hòa Bình			
5142	29K-367.00	Hà Nội	6742	28C-127.00	Hòa Bình			
5143	29K-367.11	Hà Nội	6743	29D-627.27	Hà Nội			
5144	29K-371.33	Hà Nội	6744	29D-627.44	Hà Nội			
5145	29K-380.68	Hà Nội	6745	29D-639.89	Hà Nội			
5146	29K-381.38	Hà Nội	6746	29K-328.86	Hà Nội			
5147	29K-383.77	Hà Nội	6747	29K-336.86	Hà Nội			
5148	29K-388.00	Hà Nội	6748	29K-347.44	Hà Nội			
5149	29K-396.11	Hà Nội	6749	29K-352.55	Hà Nội			
5150	29K-396.68	Hà Nội	6750	29K-352.79	Hà Nội			
5151	29K-400.39	Hà Nội	6751	29K-356.53	Hà Nội			
5152	29K-400.88	Hà Nội	6752	29K-357.33	Hà Nội			
5153	29K-409.66	Hà Nội	6753	29K-357.39	Hà Nội			
5154	29K-412.68	Hà Nội	6754	29K-357.53	Hà Nội			
5155	29K-415.11	Hà Nội	6755	29K-358.39	Hà Nội			
5156	29K-415.86	Hà Nội	6756	29K-373.00	Hà Nội			
5157	29K-419.69	Hà Nội	6757	29K-400.99	Hà Nội			
5158	29K-421.77	Hà Nội	6758	29K-415.39	Hà Nội			
5159	29K-422.66	Hà Nội	6759	29K-420.69	Hà Nội			
5160	29K-425.68	Hà Nội	6760	29K-429.96	Hà Nội			
5161	29K-435.66	Hà Nội	6761	29K-431.13	Hà Nội			
5162	29K-436.39	Hà Nội	6762	29K-437.11	Hà Nội			
5163	29K-437.99	Hà Nội	6763	29K-443.86	Hà Nội			
5164	29K-445.77	Hà Nội	6764	29K-454.22	Hà Nội			
5165	29K-451.11	Hà Nội	6765	29K-458.22	Hà Nội			
5166	29K-452.25	Hà Nội	6766	29K-463.33	Hà Nội			
5167	29K-454.00	Hà Nội	6767	29K-464.00	Hà Nội			
5168	29K-458.39	Hà Nội	6768	29K-471.77	Hà Nội			
5169	29K-463.68	Hà Nội	6769	29K-472.22	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-476.89	Hà Nội	6770	34A-929.44	Hải Dương			
5171	34A-921.66	Hải Dương	6771	34A-932.79	Hải Dương			
5172	34A-928.82	Hải Dương	6772	34A-934.56	Hải Dương			
5173	34A-930.93	Hải Dương	6773	34A-934.77	Hải Dương			
5174	34A-933.89	Hải Dương	6774	34A-935.44	Hải Dương			
5175	34A-936.89	Hải Dương	6775	34A-935.77	Hải Dương			
5176	34A-948.69	Hải Dương	6776	34A-937.22	Hải Dương			
5177	34A-952.25	Hải Dương	6777	34A-938.38	Hải Dương			
5178	34A-952.68	Hải Dương	6778	34A-939.22	Hải Dương			
5179	34A-953.33	Hải Dương	6779	34A-943.86	Hải Dương			
5180	34A-971.39	Hải Dương	6780	34A-964.77	Hải Dương			
5181	34A-971.71	Hải Dương	6781	34A-968.77	Hải Dương			
5182	34A-973.69	Hải Dương	6782	34A-970.86	Hải Dương			
5183	34C-444.79	Hải Dương	6783	34A-975.44	Hải Dương			
5184	34D-041.79	Hải Dương	6784	34B-045.46	Hải Dương			
5185	35A-469.77	Ninh Bình	6785	34C-446.44	Hải Dương			
5186	35B-024.44	Ninh Bình	6786	34C-447.77	Hải Dương			
5187	35D-018.00	Ninh Bình	6787	34D-040.99	Hải Dương			
5188	36B-051.00	Thanh Hóa	6788	35A-466.96	Ninh Bình			
5189	36C-555.22	Thanh Hóa	6789	35A-468.39	Ninh Bình			
5190	36C-561.65	Thanh Hóa	6790	35A-469.55	Ninh Bình			
5191	36C-562.86	Thanh Hóa	6791	35A-473.11	Ninh Bình			
5192	36C-564.44	Thanh Hóa	6792	35A-475.44	Ninh Bình			
5193	36C-565.44	Thanh Hóa	6793	35A-484.00	Ninh Bình			
5194	36C-569.79	Thanh Hóa	6794	35B-023.11	Ninh Bình			
5195	36D-030.86	Thanh Hóa	6795	35B-023.77	Ninh Bình			
5196	36D-032.99	Thanh Hóa	6796	35C-184.69	Ninh Bình			
5197	36K-247.33	Thanh Hóa	6797	35C-184.86	Ninh Bình			
5198	36K-257.39	Thanh Hóa	6798	36C-549.22	Thanh Hóa			
5199	36K-263.55	Thanh Hóa	6799	36C-555.06	Thanh Hóa			
5200	36K-265.88	Thanh Hóa	6800	36C-555.34	Thanh Hóa			
5201	36K-272.88	Thanh Hóa	6801	36C-568.39	Thanh Hóa			
5202	36K-274.66	Thanh Hóa	6802	36C-569.88	Thanh Hóa			
5203	36K-275.77	Thanh Hóa	6803	36C-573.55	Thanh Hóa			
5204	36K-278.44	Thanh Hóa	6804	36K-246.69	Thanh Hóa			
5205	36K-279.55	Thanh Hóa	6805	36K-246.86	Thanh Hóa			
5206	36K-287.66	Thanh Hóa	6806	36K-252.68	Thanh Hóa			
5207	36K-288.55	Thanh Hóa	6807	36K-253.11	Thanh Hóa			
5208	36K-290.00	Thanh Hóa	6808	36K-255.33	Thanh Hóa			
5209	36K-297.11	Thanh Hóa	6809	36K-265.22	Thanh Hóa			
5210	36K-299.96	Thanh Hóa	6810	36K-265.68	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5211	36K-301.79	Thanh Hóa	6811	36K-266.11	Thanh Hóa			
5212	36K-302.86	Thanh Hóa	6812	36K-266.55	Thanh Hóa			
5213	37B-047.55	Nghệ An	6813	36K-268.55	Thanh Hóa			
5214	37B-048.11	Nghệ An	6814	36K-281.33	Thanh Hóa			
5215	37B-048.40	Nghệ An	6815	36K-283.22	Thanh Hóa			
5216	37C-567.68	Nghệ An	6816	36K-295.00	Thanh Hóa			
5217	37C-569.77	Nghệ An	6817	37B-050.39	Nghệ An			
5218	37C-581.00	Nghệ An	6818	37C-570.79	Nghệ An			
5219	37C-593.66	Nghệ An	6819	37C-571.71	Nghệ An			
5220	37D-047.79	Nghệ An	6820	37C-581.18	Nghệ An			
5221	37K-482.55	Nghệ An	6821	37C-584.39	Nghệ An			
5222	37K-487.00	Nghệ An	6822	37C-592.69	Nghệ An			
5223	37K-492.39	Nghệ An	6823	37C-596.68	Nghệ An			
5224	37K-503.77	Nghệ An	6824	37D-047.86	Nghệ An			
5225	37K-506.79	Nghệ An	6825	37D-048.55	Nghệ An			
5226	37K-510.99	Nghệ An	6826	37K-482.79	Nghệ An			
5227	37K-512.79	Nghệ An	6827	37K-483.69	Nghệ An			
5228	37K-515.15	Nghệ An	6828	37K-488.44	Nghệ An			
5229	37K-528.44	Nghệ An	6829	37K-488.68	Nghệ An			
5230	37K-532.22	Nghệ An	6830	37K-491.91	Nghệ An			
5231	37K-534.56	Nghệ An	6831	37K-503.33	Nghệ An			
5232	37K-536.44	Nghệ An	6832	37K-506.33	Nghệ An			
5233	37K-539.88	Nghệ An	6833	37K-509.50	Nghệ An			
5234	37K-548.55	Nghệ An	6834	37K-510.55	Nghệ An			
5235	37K-553.44	Nghệ An	6835	37K-515.88	Nghệ An			
5236	37K-557.69	Nghệ An	6836	37K-518.33	Nghệ An			
5237	37K-560.60	Nghệ An	6837	37K-519.55	Nghệ An			
5238	38A-680.81	Hà Tĩnh	6838	37K-523.88	Nghệ An			
5239	38A-683.44	Hà Tĩnh	6839	37K-531.11	Nghệ An			
5240	38A-691.77	Hà Tĩnh	6840	37K-534.00	Nghệ An			
5241	38A-695.11	Hà Tĩnh	6841	37K-535.69	Nghệ An			
5242	38A-702.22	Hà Tĩnh	6842	37K-539.55	Nghệ An			
5243	38B-025.68	Hà Tĩnh	6843	37K-545.68	Nghệ An			
5244	38C-246.46	Hà Tĩnh	6844	37K-547.88	Nghệ An			
5245	38C-251.69	Hà Tĩnh	6845	37K-549.11	Nghệ An			
5246	38C-253.66	Hà Tĩnh	6846	37K-555.79	Nghệ An			
5247	38D-020.22	Hà Tĩnh	6847	37K-558.99	Nghệ An			
5248	38D-021.02	Hà Tĩnh	6848	37K-563.22	Nghệ An			
5249	43A-948.99	Đà Nẵng	6849	38A-685.22	Hà Tĩnh			
5250	43A-952.55	Đà Nẵng	6850	38A-694.00	Hà Tĩnh			
5251	43A-971.39	Đà Nẵng	6851	38A-695.33	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	43B-065.55	Đà Nẵng	6852	38A-696.22	Hà Tĩnh			
5253	43C-321.44	Đà Nẵng	6853	38C-245.42	Hà Tĩnh			
5254	43C-324.22	Đà Nẵng	6854	38C-247.39	Hà Tĩnh			
5255	47A-817.55	Đắk Lắk	6855	38C-253.35	Hà Tĩnh			
5256	47A-827.22	Đắk Lắk	6856	38D-020.55	Hà Tĩnh			
5257	47A-839.38	Đắk Lắk	6857	38D-022.89	Hà Tĩnh			
5258	47A-852.22	Đắk Lắk	6858	43A-945.39	Đà Nẵng			
5259	47A-852.89	Đắk Lắk	6859	43A-952.00	Đà Nẵng			
5260	47A-853.58	Đắk Lắk	6860	43A-953.77	Đà Nẵng			
5261	47A-858.77	Đắk Lắk	6861	43A-958.95	Đà Nẵng			
5262	47A-858.99	Đắk Lắk	6862	43A-959.00	Đà Nẵng			
5263	47C-398.00	Đắk Lắk	6863	43A-960.11	Đà Nẵng			
5264	47C-398.88	Đắk Lắk	6864	43A-960.99	Đà Nẵng			
5265	47C-399.22	Đắk Lắk	6865	43A-973.79	Đà Nẵng			
5266	47C-400.22	Đắk Lắk	6866	43A-980.79	Đà Nẵng			
5267	47C-402.89	Đắk Lắk	6867	43C-316.77	Đà Nẵng			
5268	47C-408.80	Đắk Lắk	6868	43C-317.86	Đà Nẵng			
5269	47C-415.39	Đắk Lắk	6869	43C-321.11	Đà Nẵng			
5270	47C-417.55	Đắk Lắk	6870	43D-012.39	Đà Nẵng			
5271	47D-020.21	Đắk Lắk	6871	43D-015.79	Đà Nẵng			
5272	47D-025.52	Đắk Lắk	6872	47A-816.39	Đắk Lắk			
5273	48A-250.55	Đắk Nông	6873	47A-819.79	Đắk Lắk			
5274	48A-254.86	Đắk Nông	6874	47A-820.11	Đắk Lắk			
5275	48A-256.69	Đắk Nông	6875	47A-825.28	Đắk Lắk			
5276	48C-115.88	Đắk Nông	6876	47A-825.88	Đắk Lắk			
5277	48C-117.88	Đắk Nông	6877	47A-829.29	Đắk Lắk			
5278	48C-119.22	Đắk Nông	6878	47A-830.69	Đắk Lắk			
5279	49A-746.64	Lâm Đồng	6879	47A-834.66	Đắk Lắk			
5280	49A-750.22	Lâm Đồng	6880	47A-834.88	Đắk Lắk			
5281	49A-751.88	Lâm Đồng	6881	47A-836.79	Đắk Lắk			
5282	49A-752.00	Lâm Đồng	6882	47A-839.11	Đắk Lắk			
5283	49A-754.22	Lâm Đồng	6883	47A-841.69	Đắk Lắk			
5284	49A-754.86	Lâm Đồng	6884	47A-843.89	Đắk Lắk			
5285	49A-759.68	Lâm Đồng	6885	47A-857.68	Đắk Lắk			
5286	49A-770.71	Lâm Đồng	6886	47A-858.00	Đắk Lắk			
5287	49A-771.89	Lâm Đồng	6887	47A-863.88	Đắk Lắk			
5288	49A-779.55	Lâm Đồng	6888	47C-403.39	Đắk Lắk			
5289	49C-386.22	Lâm Đồng	6889	47C-409.40	Đắk Lắk			
5290	49C-394.55	Lâm Đồng	6890	47C-411.33	Đắk Lắk			
5291	49D-018.69	Lâm Đồng	6891	47C-419.68	Đắk Lắk			
5292	51E-341.22	Hồ Chí Minh	6892	47C-420.21	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	51E-351.15	Hồ Chí Minh	6893	47D-025.26	Đắk Lắk			
5294	51E-352.69	Hồ Chí Minh	6894	48A-248.69	Đắk Nông			
5295	60B-080.88	Đồng Nai	6895	48A-253.86	Đắk Nông			
5296	60C-764.65	Đồng Nai	6896	48A-254.68	Đắk Nông			
5297	60C-765.99	Đồng Nai	6897	48A-257.44	Đắk Nông			
5298	60C-769.33	Đồng Nai	6898	48A-258.39	Đắk Nông			
5299	60C-771.88	Đồng Nai	6899	48A-259.95	Đắk Nông			
5300	60C-782.79	Đồng Nai	6900	48A-260.06	Đắk Nông			
5301	60C-782.83	Đồng Nai	6901	48C-116.77	Đắk Nông			
5302	60C-788.79	Đồng Nai	6902	48C-117.00	Đắk Nông			
5303	60C-791.92	Đồng Nai	6903	48C-122.66	Đắk Nông			
5304	60D-023.23	Đồng Nai	6904	48D-007.86	Đắk Nông			
5305	60D-024.25	Đồng Nai	6905	49A-748.00	Lâm Đồng			
5306	60K-619.00	Đồng Nai	6906	49A-752.33	Lâm Đồng			
5307	60K-623.22	Đồng Nai	6907	49A-764.65	Lâm Đồng			
5308	60K-626.39	Đồng Nai	6908	49A-767.79	Lâm Đồng			
5309	60K-632.32	Đồng Nai	6909	49A-769.33	Lâm Đồng			
5310	60K-633.66	Đồng Nai	6910	49A-772.33	Lâm Đồng			
5311	60K-636.11	Đồng Nai	6911	49C-390.88	Lâm Đồng			
5312	60K-642.79	Đồng Nai	6912	49C-393.89	Lâm Đồng			
5313	60K-645.86	Đồng Nai	6913	49C-398.22	Lâm Đồng			
5314	60K-651.55	Đồng Nai	6914	51E-350.51	Hồ Chí Minh			
5315	60K-652.22	Đồng Nai	6915	51E-353.88	Hồ Chí Minh			
5316	60K-667.44	Đồng Nai	6916	60C-759.95	Đồng Nai			
5317	60K-671.00	Đồng Nai	6917	60C-760.88	Đồng Nai			
5318	60K-674.33	Đồng Nai	6918	60C-777.27	Đồng Nai			
5319	60K-674.76	Đồng Nai	6919	60C-777.38	Đồng Nai			
5320	60K-678.68	Đồng Nai	6920	60C-781.79	Đồng Nai			
5321	60K-691.00	Đồng Nai	6921	60C-784.79	Đồng Nai			
5322	61C-612.16	Bình Dương	6922	60C-785.69	Đồng Nai			
5323	61C-612.99	Bình Dương	6923	60C-787.55	Đồng Nai			
5324	61C-618.86	Bình Dương	6924	60C-791.33	Đồng Nai			
5325	61C-622.33	Bình Dương	6925	60C-792.29	Đồng Nai			
5326	61C-623.26	Bình Dương	6926	60D-022.86	Đồng Nai			
5327	61C-626.00	Bình Dương	6927	60D-024.77	Đồng Nai			
5328	61C-626.44	Bình Dương	6928	60K-620.86	Đồng Nai			
5329	61C-627.26	Bình Dương	6929	60K-625.62	Đồng Nai			
5330	61C-628.44	Bình Dương	6930	60K-628.82	Đồng Nai			
5331	61C-630.79	Bình Dương	6931	60K-632.00	Đồng Nai			
5332	61C-632.68	Bình Dương	6932	60K-635.44	Đồng Nai			
5333	61C-637.99	Bình Dương	6933	60K-639.89	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	61C-638.38	Bình Dương	6934	60K-640.99	Đồng Nai			
5335	61C-640.55	Bình Dương	6935	60K-642.43	Đồng Nai			
5336	61C-642.69	Bình Dương	6936	60K-647.48	Đồng Nai			
5337	61D-023.32	Bình Dương	6937	60K-648.46	Đồng Nai			
5338	61K-523.89	Bình Dương	6938	60K-654.00	Đồng Nai			
5339	61K-532.23	Bình Dương	6939	60K-665.86	Đồng Nai			
5340	61K-545.79	Bình Dương	6940	60K-671.33	Đồng Nai			
5341	61K-547.39	Bình Dương	6941	60K-673.11	Đồng Nai			
5342	61K-552.25	Bình Dương	6942	60K-673.69	Đồng Nai			
5343	61K-559.44	Bình Dương	6943	60K-678.39	Đồng Nai			
5344	61K-572.00	Bình Dương	6944	60K-678.66	Đồng Nai			
5345	61K-576.11	Bình Dương	6945	60K-679.76	Đồng Nai			
5346	61K-589.00	Bình Dương	6946	60K-680.55	Đồng Nai			
5347	61K-590.33	Bình Dương	6947	60K-691.39	Đồng Nai			
5348	61K-592.59	Bình Dương	6948	60K-694.00	Đồng Nai			
5349	61K-596.99	Bình Dương	6949	60K-697.55	Đồng Nai			
5350	62A-477.86	Long An	6950	60K-700.79	Đồng Nai			
5351	62A-478.69	Long An	6951	61B-047.00	Bình Dương			
5352	62A-479.11	Long An	6952	61C-611.55	Bình Dương			
5353	62A-482.79	Long An	6953	61C-616.69	Bình Dương			
5354	62A-491.33	Long An	6954	61C-620.62	Bình Dương			
5355	62A-491.91	Long An	6955	61C-620.68	Bình Dương			
5356	62C-222.86	Long An	6956	61C-624.39	Bình Dương			
5357	62C-226.44	Long An	6957	61C-628.22	Bình Dương			
5358	62D-014.77	Long An	6958	61C-628.26	Bình Dương			
5359	62D-018.01	Long An	6959	61C-631.33	Bình Dương			
5360	63A-327.28	Tiền Giang	6960	61C-633.22	Bình Dương			
5361	63A-328.29	Tiền Giang	6961	61C-634.22	Bình Dương			
5362	63A-335.22	Tiền Giang	6962	61C-634.35	Bình Dương			
5363	63A-340.86	Tiền Giang	6963	61C-637.77	Bình Dương			
5364	63B-033.69	Tiền Giang	6964	61C-640.66	Bình Dương			
5365	63B-034.69	Tiền Giang	6965	61C-641.39	Bình Dương			
5366	63C-233.39	Tiền Giang	6966	61D-023.88	Bình Dương			
5367	63C-234.66	Tiền Giang	6967	61K-523.69	Bình Dương			
5368	63C-239.68	Tiền Giang	6968	61K-525.52	Bình Dương			
5369	63D-013.10	Tiền Giang	6969	61K-535.33	Bình Dương			
5370	64A-213.77	Vĩnh Long	6970	61K-543.54	Bình Dương			
5371	64B-018.44	Vĩnh Long	6971	61K-544.55	Bình Dương			
5372	64B-019.00	Vĩnh Long	6972	61K-548.22	Bình Dương			
5373	65A-520.21	Cần Thơ	6973	61K-551.00	Bình Dương			
5374	65A-522.66	Cần Thơ	6974	61K-553.44	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	65A-526.44	Cần Thơ	6975	61K-560.88	Bình Dương			
5376	65A-533.89	Cần Thơ	6976	61K-575.22	Bình Dương			
5377	65A-535.39	Cần Thơ	6977	61K-583.66	Bình Dương			
5378	65C-249.22	Cần Thơ	6978	61K-587.55	Bình Dương			
5379	65C-250.99	Cần Thơ	6979	61K-599.11	Bình Dương			
5380	65C-253.44	Cần Thơ	6980	62A-483.11	Long An			
5381	65C-259.86	Cần Thơ	6981	62A-489.79	Long An			
5382	65C-262.77	Cần Thơ	6982	62B-032.22	Long An			
5383	65C-263.11	Cần Thơ	6983	62B-032.88	Long An			
5384	65C-263.99	Cần Thơ	6984	62B-033.69	Long An			
5385	65C-264.69	Cần Thơ	6985	62C-226.27	Long An			
5386	65C-274.44	Cần Thơ	6986	62D-014.88	Long An			
5387	65C-276.88	Cần Thơ	6987	62D-017.44	Long An			
5388	65C-277.00	Cần Thơ	6988	63A-333.03	Tiền Giang			
5389	65C-277.11	Cần Thơ	6989	63A-333.07	Tiền Giang			
5390	66A-304.55	Đồng Tháp	6990	63A-338.00	Tiền Giang			
5391	66A-307.44	Đồng Tháp	6991	63A-338.79	Tiền Giang			
5392	66A-315.13	Đồng Tháp	6992	63A-341.79	Tiền Giang			
5393	66A-318.13	Đồng Tháp	6993	63C-232.33	Tiền Giang			
5394	66B-024.20	Đồng Tháp	6994	63C-236.11	Tiền Giang			
5395	66B-026.44	Đồng Tháp	6995	63C-240.55	Tiền Giang			
5396	66B-027.27	Đồng Tháp	6996	63D-014.14	Tiền Giang			
5397	66C-184.66	Đồng Tháp	6997	64A-203.55	Vĩnh Long			
5398	66C-185.33	Đồng Tháp	6998	64A-210.39	Vĩnh Long			
5399	66C-187.22	Đồng Tháp	6999	64A-211.66	Vĩnh Long			
5400	66C-189.88	Đồng Tháp	7000	64A-212.21	Vĩnh Long			
5401	66D-013.11	Đồng Tháp	7001	64A-213.14	Vĩnh Long			
5402	66D-014.10	Đồng Tháp	7002	64B-018.55	Vĩnh Long			
5403	66D-014.44	Đồng Tháp	7003	64C-138.39	Vĩnh Long			
5404	66D-015.11	Đồng Tháp	7004	64D-009.00	Vĩnh Long			
5405	67A-334.86	An Giang	7005	65A-515.88	Cần Thơ			
5406	67A-335.86	An Giang	7006	65A-529.25	Cần Thơ			
5407	67A-341.99	An Giang	7007	65A-532.55	Cần Thơ			
5408	67A-346.11	An Giang	7008	65A-534.79	Cần Thơ			
5409	67B-033.69	An Giang	7009	65B-025.26	Cần Thơ			
5410	67B-033.99	An Giang	7010	65C-258.59	Cần Thơ			
5411	67C-197.00	An Giang	7011	65C-258.88	Cần Thơ			
5412	68C-183.86	Kiên Giang	7012	65C-263.66	Cần Thơ			
5413	68D-009.09	Kiên Giang	7013	65C-276.68	Cần Thơ			
5414	69A-173.55	Cà Mau	7014	65D-012.13	Cần Thơ			
5415	69C-106.79	Cà Mau	7015	65D-013.68	Cần Thơ			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	69D-005.86	Cà Mau	7016	66A-302.11	Đồng Tháp			
5417	69D-008.22	Cà Mau	7017	66A-304.66	Đồng Tháp			
5418	69D-008.77	Cà Mau	7018	66A-304.86	Đồng Tháp			
5419	70A-588.58	Tây Ninh	7019	66A-305.39	Đồng Tháp			
5420	70A-591.95	Tây Ninh	7020	66A-307.11	Đồng Tháp			
5421	70A-596.44	Tây Ninh	7021	66A-309.39	Đồng Tháp			
5422	70A-604.89	Tây Ninh	7022	66B-024.79	Đồng Tháp			
5423	70A-606.55	Tây Ninh	7023	66B-025.86	Đồng Tháp			
5424	70C-213.22	Tây Ninh	7024	66C-187.88	Đồng Tháp			
5425	70C-218.77	Tây Ninh	7025	67A-332.23	An Giang			
5426	70C-219.33	Tây Ninh	7026	67A-336.69	An Giang			
5427	70C-219.95	Tây Ninh	7027	67A-343.89	An Giang			
5428	71A-219.55	Bến Tre	7028	67A-345.77	An Giang			
5429	71A-220.39	Bến Tre	7029	67C-195.86	An Giang			
5430	71B-025.26	Bến Tre	7030	67D-010.99	An Giang			
5431	71C-136.99	Bến Tre	7031	68A-333.00	Kiên Giang			
5432	72A-845.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	7032	68A-380.69	Kiên Giang			
5433	72A-846.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	7033	68A-380.83	Kiên Giang			
5434	72A-851.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7034	68B-034.66	Kiên Giang			
5435	72A-852.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	7035	68B-036.44	Kiên Giang			
5436	72A-854.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	7036	68C-178.11	Kiên Giang			
5437	72A-864.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7037	68C-179.17	Kiên Giang			
5438	72A-872.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7038	68C-185.33	Kiên Giang			
5439	72A-873.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	69B-014.22	Cà Mau			
5440	72A-876.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	69C-106.22	Cà Mau			
5441	72B-045.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	7041	69C-106.99	Cà Mau			
5442	72B-046.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	7042	69C-108.66	Cà Mau			
5443	72C-266.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	7043	69C-109.86	Cà Mau			
5444	72C-267.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7044	69D-006.86	Cà Mau			
5445	72C-270.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	7045	70A-587.55	Tây Ninh			
5446	72C-271.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	7046	70A-587.86	Tây Ninh			
5447	72C-273.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7047	70A-597.77	Tây Ninh			
5448	72C-274.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7048	70A-598.55	Tây Ninh			
5449	72C-280.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7049	70A-604.00	Tây Ninh			
5450	72D-013.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	7050	70A-606.11	Tây Ninh			
5451	72D-015.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7051	70A-609.79	Tây Ninh			
5452	72D-015.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7052	70A-612.33	Tây Ninh			
5453	73A-377.69	Quảng Bình	7053	71D-005.89	Bến Tre			
5454	73B-017.69	Quảng Bình	7054	72A-850.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5455	73C-191.66	Quảng Bình	7055	72A-857.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5456	73D-008.68	Quảng Bình	7056	72A-858.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5457	74A-278.44	Quảng Trị	7057	72A-864.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5458	74A-281.00	Quảng Trị	7058	72A-865.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5459	74A-282.83	Quảng Trị	7059	72A-871.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5460	74C-145.45	Quảng Trị	7060	72A-878.87	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5461	74C-145.99	Quảng Trị	7061	72C-266.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5462	74C-146.00	Quảng Trị	7062	72C-273.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5463	74C-146.41	Quảng Trị	7063	72C-279.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5464	74D-015.22	Quảng Trị	7064	73A-373.68	Quảng Bình			
5465	74D-015.68	Quảng Trị	7065	73A-380.55	Quảng Bình			
5466	74D-015.88	Quảng Trị	7066	73B-019.10	Quảng Bình			
5467	75A-387.78	Thừa Thiên Huế	7067	73C-193.22	Quảng Bình			
5468	75A-396.22	Thừa Thiên Huế	7068	74A-282.86	Quảng Trị			
5469	75A-396.44	Thừa Thiên Huế	7069	74A-284.88	Quảng Trị			
5470	75A-397.93	Thừa Thiên Huế	7070	74B-019.19	Quảng Trị			
5471	75A-402.69	Thừa Thiên Huế	7071	74C-145.79	Quảng Trị			
5472	75C-162.69	Thừa Thiên Huế	7072	75A-390.77	Thừa Thiên Huế			
5473	75C-164.44	Thừa Thiên Huế	7073	75C-158.55	Thừa Thiên Huế			
5474	76A-330.33	Quảng Ngãi	7074	75D-010.68	Thừa Thiên Huế			
5475	76A-334.79	Quảng Ngãi	7075	76A-327.22	Quảng Ngãi			
5476	76C-179.17	Quảng Ngãi	7076	76A-333.23	Quảng Ngãi			
5477	77A-367.33	Bình Định	7077	76A-333.44	Quảng Ngãi			
5478	77A-370.44	Bình Định	7078	76B-029.66	Quảng Ngãi			
5479	77B-039.00	Bình Định	7079	76B-029.92	Quảng Ngãi			
5480	77B-039.22	Bình Định	7080	76D-014.11	Quảng Ngãi			
5481	77B-041.11	Bình Định	7081	77A-364.36	Bình Định			
5482	77C-264.68	Bình Định	7082	77A-365.89	Bình Định			
5483	77C-265.55	Bình Định	7083	77B-038.68	Bình Định			
5484	77D-008.11	Bình Định	7084	77D-007.89	Bình Định			
5485	78A-222.14	Phú Yên	7085	77D-009.00	Bình Định			
5486	78B-021.55	Phú Yên	7086	78A-215.79	Phú Yên			
5487	78C-129.92	Phú Yên	7087	78C-126.44	Phú Yên			
5488	78D-008.00	Phú Yên	7088	79A-576.79	Khánh Hòa			
5489	79A-559.66	Khánh Hòa	7089	79A-594.33	Khánh Hòa			
5490	79A-568.89	Khánh Hòa	7090	79A-594.95	Khánh Hòa			
5491	79A-574.68	Khánh Hòa	7091	79A-595.59	Khánh Hòa			
5492	79A-583.99	Khánh Hòa	7092	79D-011.39	Khánh Hòa			
5493	79A-584.85	Khánh Hòa	7093	79D-013.13	Khánh Hòa			
5494	79A-594.79	Khánh Hòa	7094	81A-453.54	Gia Lai			
5495	79B-047.22	Khánh Hòa	7095	81A-453.77	Gia Lai			
5496	79C-229.86	Khánh Hòa	7096	81A-455.22	Gia Lai			
5497	79D-010.68	Khánh Hòa	7097	81A-461.22	Gia Lai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	81A-457.68	Gia Lai	7098	81A-469.46	Gia Lai			
5499	81A-460.68	Gia Lai	7099	81B-031.13	Gia Lai			
5500	81A-466.68	Gia Lai	7100	81C-282.88	Gia Lai			
5501	81A-470.79	Gia Lai	7101	81C-293.79	Gia Lai			
5502	81A-474.11	Gia Lai	7102	81C-297.92	Gia Lai			
5503	81A-476.47	Gia Lai	7103	81D-015.01	Gia Lai			
5504	81C-288.68	Gia Lai	7104	81D-015.55	Gia Lai			
5505	81C-289.22	Gia Lai	7105	81D-015.88	Gia Lai			
5506	81C-294.77	Gia Lai	7106	81D-016.88	Gia Lai			
5507	81D-016.77	Gia Lai	7107	82C-095.59	Kon Tum			
5508	82A-158.89	Kon Tum	7108	82D-012.13	Kon Tum			
5509	82C-096.86	Kon Tum	7109	82D-013.22	Kon Tum			
5510	82D-012.55	Kon Tum	7110	83A-192.99	Sóc Trăng			
5511	83A-193.00	Sóc Trăng	7111	83A-194.94	Sóc Trăng			
5512	83B-022.99	Sóc Trăng	7112	83B-023.00	Sóc Trăng			
5513	83B-023.11	Sóc Trăng	7113	83C-132.11	Sóc Trăng			
5514	83D-009.99	Sóc Trăng	7114	83C-132.13	Sóc Trăng			
5515	84A-153.69	Trà Vinh	7115	83C-132.39	Sóc Trăng			
5516	84B-021.33	Trà Vinh	7116	83C-135.89	Sóc Trăng			
5517	84C-126.68	Trà Vinh	7117	83C-137.88	Sóc Trăng			
5518	84D-006.89	Trà Vinh	7118	83C-138.22	Sóc Trăng			
5519	85A-150.33	Ninh Thuận	7119	83D-011.99	Sóc Trăng			
5520	85B-016.01	Ninh Thuận	7120	84A-152.44	Trà Vinh			
5521	85C-086.87	Ninh Thuận	7121	84B-020.02	Trà Vinh			
5522	85C-087.69	Ninh Thuận	7122	84B-022.69	Trà Vinh			
5523	86A-330.39	Bình Thuận	7123	84C-126.00	Trà Vinh			
5524	88A-792.22	Vĩnh Phúc	7124	84D-007.11	Trà Vinh			
5525	88A-795.39	Vĩnh Phúc	7125	85A-146.88	Ninh Thuận			
5526	88A-799.11	Vĩnh Phúc	7126	85A-153.68	Ninh Thuận			
5527	88A-805.66	Vĩnh Phúc	7127	85B-014.11	Ninh Thuận			
5528	88A-811.22	Vĩnh Phúc	7128	85B-017.22	Ninh Thuận			
5529	88A-821.22	Vĩnh Phúc	7129	85C-086.39	Ninh Thuận			
5530	88A-822.00	Vĩnh Phúc	7130	86A-322.99	Bình Thuận			
5531	88A-827.28	Vĩnh Phúc	7131	86A-329.92	Bình Thuận			
5532	88A-828.00	Vĩnh Phúc	7132	86B-025.26	Bình Thuận			
5533	88B-023.32	Vĩnh Phúc	7133	86C-210.39	Bình Thuận			
5534	88C-315.13	Vĩnh Phúc	7134	88A-791.68	Vĩnh Phúc			
5535	88C-318.39	Vĩnh Phúc	7135	88A-795.77	Vĩnh Phúc			
5536	88C-320.32	Vĩnh Phúc	7136	88A-808.68	Vĩnh Phúc			
5537	88C-322.86	Vĩnh Phúc	7137	88A-812.22	Vĩnh Phúc			
5538	88C-324.42	Vĩnh Phúc	7138	88A-812.39	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	88C-325.66	Vĩnh Phúc	7139	88A-820.44	Vĩnh Phúc			
5540	88D-022.66	Vĩnh Phúc	7140	88A-823.22	Vĩnh Phúc			
5541	88D-024.44	Vĩnh Phúc	7141	88A-824.99	Vĩnh Phúc			
5542	89A-541.88	Hưng Yên	7142	88B-024.88	Vĩnh Phúc			
5543	89A-546.99	Hưng Yên	7143	88C-318.81	Vĩnh Phúc			
5544	89A-547.11	Hưng Yên	7144	88C-323.66	Vĩnh Phúc			
5545	89A-547.86	Hưng Yên	7145	88D-024.99	Vĩnh Phúc			
5546	89A-553.99	Hưng Yên	7146	89A-547.66	Hưng Yên			
5547	89A-561.65	Hưng Yên	7147	89A-558.69	Hưng Yên			
5548	89A-563.86	Hưng Yên	7148	89A-559.66	Hưng Yên			
5549	89A-564.56	Hưng Yên	7149	89A-563.11	Hưng Yên			
5550	89B-027.72	Hưng Yên	7150	89C-356.86	Hưng Yên			
5551	89C-345.44	Hưng Yên	7151	89C-357.66	Hưng Yên			
5552	89C-345.69	Hưng Yên	7152	89D-023.23	Hưng Yên			
5553	89C-353.99	Hưng Yên	7153	89D-026.00	Hưng Yên			
5554	89C-357.57	Hưng Yên	7154	89D-026.11	Hưng Yên			
5555	90A-227.66	Hà Nam	7155	90A-291.29	Hà Nam			
5556	90A-295.59	Hà Nam	7156	90A-292.33	Hà Nam			
5557	90A-296.97	Hà Nam	7157	90A-296.22	Hà Nam			
5558	90A-298.22	Hà Nam	7158	90A-300.68	Hà Nam			
5559	90A-300.44	Hà Nam	7159	90B-012.66	Hà Nam			
5560	90C-155.99	Hà Nam	7160	90B-012.68	Hà Nam			
5561	92A-434.22	Quảng Nam	7161	90C-158.58	Hà Nam			
5562	92A-440.77	Quảng Nam	7162	90D-010.69	Hà Nam			
5563	92A-443.79	Quảng Nam	7163	92A-433.39	Quảng Nam			
5564	92A-449.77	Quảng Nam	7164	92A-435.68	Quảng Nam			
5565	92C-262.79	Quảng Nam	7165	92A-437.55	Quảng Nam			
5566	92D-015.68	Quảng Nam	7166	92A-440.22	Quảng Nam			
5567	92D-015.69	Quảng Nam	7167	92C-259.39	Quảng Nam			
5568	93A-512.21	Bình Phước	7168	92C-266.26	Quảng Nam			
5569	93A-518.69	Bình Phước	7169	92D-013.01	Quảng Nam			
5570	93A-518.86	Bình Phước	7170	92D-015.16	Quảng Nam			
5571	93A-519.96	Bình Phước	7171	93A-507.50	Bình Phước			
5572	93A-523.88	Bình Phước	7172	93A-507.79	Bình Phước			
5573	93C-201.10	Bình Phước	7173	93A-513.55	Bình Phước			
5574	93C-206.33	Bình Phước	7174	93A-514.00	Bình Phước			
5575	94A-109.68	Bạc Liêu	7175	93A-523.11	Bình Phước			
5576	94A-111.05	Bạc Liêu	7176	93A-523.68	Bình Phước			
5577	94B-015.66	Bạc Liêu	7177	95A-136.88	Hậu Giang			
5578	94C-086.00	Bạc Liêu	7178	95A-141.77	Hậu Giang			
5579	95A-137.33	Hậu Giang	7179	95A-142.99	Hậu Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	95A-137.38	Hậu Giang	7180	95B-018.55	Hậu Giang			
5581	95A-138.86	Hậu Giang	7181	95C-092.69	Hậu Giang			
5582	95A-141.69	Hậu Giang	7182	95D-024.00	Hậu Giang			
5583	95B-017.22	Hậu Giang	7183	97A-100.10	Bắc Kạn			
5584	95C-091.33	Hậu Giang	7184	97B-016.01	Bắc Kạn			
5585	95C-092.11	Hậu Giang	7185	97B-016.33	Bắc Kạn			
5586	95D-024.22	Hậu Giang	7186	97B-016.68	Bắc Kạn			
5587	95D-025.55	Hậu Giang	7187	97D-008.39	Bắc Kạn			
5588	97A-099.96	Bắc Kạn	7188	97D-010.77	Bắc Kạn			
5589	97B-018.86	Bắc Kạn	7189	98A-878.39	Bắc Giang			
5590	97C-051.51	Bắc Kạn	7190	98A-888.01	Bắc Giang			
5591	97C-052.25	Bắc Kạn	7191	98A-891.77	Bắc Giang			
5592	98A-866.00	Bắc Giang	7192	98A-896.89	Bắc Giang			
5593	98A-875.69	Bắc Giang	7193	98A-912.00	Bắc Giang			
5594	98A-877.68	Bắc Giang	7194	98C-380.80	Bắc Giang			
5595	98A-903.33	Bắc Giang	7195	98C-382.11	Bắc Giang			
5596	98A-903.90	Bắc Giang	7196	98C-397.96	Bắc Giang			
5597	98A-909.44	Bắc Giang	7197	98D-020.79	Bắc Giang			
5598	98A-911.22	Bắc Giang	7198	98D-023.11	Bắc Giang			
5599	98B-046.69	Bắc Giang	7199	98D-023.33	Bắc Giang			
5600	98C-381.33	Bắc Giang	7200	98D-023.88	Bắc Giang			
5601	98C-383.84	Bắc Giang	7201	99A-819.19	Bắc Ninh			
5602	98C-387.44	Bắc Giang	7202	99A-851.51	Bắc Ninh			
5603	98D-023.68	Bắc Giang	7203	99A-851.58	Bắc Ninh			
5604	99A-865.11	Bắc Ninh	7204	99A-851.66	Bắc Ninh			
5605	99A-876.79	Bắc Ninh	7205	99A-851.89	Bắc Ninh			
5606	99A-882.77	Bắc Ninh	7206	99A-855.33	Bắc Ninh			
5607	99A-897.00	Bắc Ninh	7207	99A-861.88	Bắc Ninh			
5608	99C-330.86	Bắc Ninh	7208	99A-867.77	Bắc Ninh			
5609	99C-333.29	Bắc Ninh	7209	99A-873.00	Bắc Ninh			
5610	99C-333.35	Bắc Ninh	7210	99A-877.99	Bắc Ninh			
5611	99C-334.00	Bắc Ninh	7211	99A-879.87	Bắc Ninh			
5612	99C-345.43	Bắc Ninh	7212	99A-884.66	Bắc Ninh			
5613	99D-027.28	Bắc Ninh	7213	99A-884.99	Bắc Ninh			
5614	11A-141.25	Cao Bằng	7214	99A-885.69	Bắc Ninh			
5615	11C-088.63	Cao Bằng	7215	99A-890.69	Bắc Ninh			
5616	11D-009.83	Cao Bằng	7216	99A-890.77	Bắc Ninh			
5617	12A-264.63	Lạng Sơn	7217	99A-892.99	Bắc Ninh			
5618	12A-266.59	Lạng Sơn	7218	99A-894.88	Bắc Ninh			
5619	12A-271.08	Lạng Sơn	7219	99B-032.88	Bắc Ninh			
5620	12A-271.56	Lạng Sơn	7220	99C-336.86	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5621	12B-017.83	Lạng Sơn	7221	99C-346.00	Bắc Ninh			
5622	14A-997.83	Quảng Ninh	7222	11A-140.28	Cao Bằng			
5623	14C-449.36	Quảng Ninh	7223	11A-141.26	Cao Bằng			
5624	14C-450.59	Quảng Ninh	7224	11B-013.98	Cao Bằng			
5625	14C-455.09	Quảng Ninh	7225	11B-014.58	Cao Bằng			
5626	14C-458.16	Quảng Ninh	7226	11D-012.59	Cao Bằng			
5627	14C-469.95	Quảng Ninh	7227	12A-272.26	Lạng Sơn			
5628	14D-032.58	Quảng Ninh	7228	14C-450.36	Quảng Ninh			
5629	14K-001.65	Quảng Ninh	7229	14C-464.29	Quảng Ninh			
5630	14K-009.15	Quảng Ninh	7230	14C-471.56	Quảng Ninh			
5631	14K-015.38	Quảng Ninh	7231	14D-031.18	Quảng Ninh			
5632	14K-019.28	Quảng Ninh	7232	14K-002.95	Quảng Ninh			
5633	14K-024.95	Quảng Ninh	7233	14K-004.25	Quảng Ninh			
5634	14K-032.65	Quảng Ninh	7234	14K-005.36	Quảng Ninh			
5635	14K-047.06	Quảng Ninh	7235	14K-016.59	Quảng Ninh			
5636	15C-484.26	Hải Phòng	7236	14K-016.95	Quảng Ninh			
5637	15C-484.58	Hải Phòng	7237	14K-018.09	Quảng Ninh			
5638	15C-497.08	Hải Phòng	7238	14K-023.85	Quảng Ninh			
5639	15K-432.19	Hải Phòng	7239	14K-029.19	Quảng Ninh			
5640	15K-432.63	Hải Phòng	7240	14K-034.26	Quảng Ninh			
5641	15K-442.15	Hải Phòng	7241	14K-036.09	Quảng Ninh			
5642	15K-448.29	Hải Phòng	7242	14K-037.63	Quảng Ninh			
5643	15K-450.83	Hải Phòng	7243	14K-041.38	Quảng Ninh			
5644	15K-451.38	Hải Phòng	7244	14K-041.95	Quảng Ninh			
5645	15K-452.08	Hải Phòng	7245	14K-047.08	Quảng Ninh			
5646	15K-457.59	Hải Phòng	7246	15C-481.56	Hải Phòng			
5647	15K-462.98	Hải Phòng	7247	15C-483.96	Hải Phòng			
5648	15K-465.16	Hải Phòng	7248	15C-484.63	Hải Phòng			
5649	15K-468.26	Hải Phòng	7249	15D-054.59	Hải Phòng			
5650	15K-468.29	Hải Phòng	7250	15K-426.06	Hải Phòng			
5651	15K-470.85	Hải Phòng	7251	15K-430.16	Hải Phòng			
5652	15K-477.58	Hải Phòng	7252	15K-435.65	Hải Phòng			
5653	15K-480.06	Hải Phòng	7253	15K-436.56	Hải Phòng			
5654	15K-482.95	Hải Phòng	7254	15K-438.18	Hải Phòng			
5655	15K-487.58	Hải Phòng	7255	15K-439.98	Hải Phòng			
5656	15K-488.35	Hải Phòng	7256	15K-440.95	Hải Phòng			
5657	15K-493.15	Hải Phòng	7257	15K-447.35	Hải Phòng			
5658	15K-494.58	Hải Phòng	7258	15K-454.16	Hải Phòng			
5659	15K-494.83	Hải Phòng	7259	15K-458.56	Hải Phòng			
5660	15K-501.56	Hải Phòng	7260	15K-467.65	Hải Phòng			
5661	15K-512.35	Hải Phòng	7261	15K-468.38	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	17A-492.38	Thái Bình	7262	15K-471.25	Hải Phòng			
5663	17A-494.98	Thái Bình	7263	15K-483.16	Hải Phòng			
5664	17A-501.56	Thái Bình	7264	15K-483.95	Hải Phòng			
5665	17A-503.58	Thái Bình	7265	15K-485.56	Hải Phòng			
5666	17A-504.96	Thái Bình	7266	15K-489.29	Hải Phòng			
5667	17A-506.18	Thái Bình	7267	15K-493.36	Hải Phòng			
5668	17A-511.59	Thái Bình	7268	15K-497.85	Hải Phòng			
5669	17D-014.26	Thái Bình	7269	15K-501.06	Hải Phòng			
5670	18A-490.15	Nam Định	7270	15K-502.19	Hải Phòng			
5671	18A-496.18	Nam Định	7271	15K-512.18	Hải Phòng			
5672	18A-499.59	Nam Định	7272	15K-513.35	Hải Phòng			
5673	18A-500.26	Nam Định	7273	17A-499.38	Thái Bình			
5674	18A-501.06	Nam Định	7274	17A-505.09	Thái Bình			
5675	18A-504.98	Nam Định	7275	17A-513.58	Thái Bình			
5676	18A-508.58	Nam Định	7276	17C-219.16	Thái Bình			
5677	18A-511.16	Nam Định	7277	17D-015.98	Thái Bình			
5678	18A-513.06	Nam Định	7278	18A-493.38	Nam Định			
5679	18C-180.95	Nam Định	7279	18A-497.29	Nam Định			
5680	19A-716.65	Phú Thọ	7280	18A-497.85	Nam Định			
5681	19A-724.96	Phú Thọ	7281	18A-499.38	Nam Định			
5682	19A-749.06	Phú Thọ	7282	18A-500.35	Nam Định			
5683	19A-750.63	Phú Thọ	7283	18A-505.38	Nam Định			
5684	19B-029.58	Phú Thọ	7284	18B-032.16	Nam Định			
5685	19B-030.98	Phú Thọ	7285	18B-032.35	Nam Định			
5686	19B-031.25	Phú Thọ	7286	18C-175.15	Nam Định			
5687	19C-266.18	Phú Thọ	7287	18D-018.09	Nam Định			
5688	19C-274.09	Phú Thọ	7288	18D-018.96	Nam Định			
5689	19C-277.26	Phú Thọ	7289	19A-721.36	Phú Thọ			
5690	19D-020.98	Phú Thọ	7290	19A-722.16	Phú Thọ			
5691	19D-021.58	Phú Thọ	7291	19A-723.19	Phú Thọ			
5692	20A-871.15	Thái Nguyên	7292	19A-727.58	Phú Thọ			
5693	20A-872.15	Thái Nguyên	7293	19A-729.06	Phú Thọ			
5694	20A-873.95	Thái Nguyên	7294	19A-729.83	Phú Thọ			
5695	20A-873.96	Thái Nguyên	7295	19A-729.98	Phú Thọ			
5696	20A-879.18	Thái Nguyên	7296	19A-730.25	Phú Thọ			
5697	20A-881.35	Thái Nguyên	7297	19A-731.08	Phú Thọ			
5698	20A-887.08	Thái Nguyên	7298	19A-741.59	Phú Thọ			
5699	20A-890.06	Thái Nguyên	7299	19A-746.08	Phú Thọ			
5700	20A-891.83	Thái Nguyên	7300	19A-748.38	Phú Thọ			
5701	20A-895.25	Thái Nguyên	7301	19B-027.96	Phú Thọ			
5702	20A-896.63	Thái Nguyên	7302	19B-031.06	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
5703	20A-902.35	Thái Nguyên	7303	19C-264.98	Phú Thọ			
5704	20A-903.95	Thái Nguyên	7304	19C-270.36	Phú Thọ			
5705	20C-310.25	Thái Nguyên	7305	19C-273.83	Phú Thọ			
5706	20C-312.15	Thái Nguyên	7306	19C-278.58	Phú Thọ			
5707	20C-312.59	Thái Nguyên	7307	20A-861.35	Thái Nguyên			
5708	20C-320.59	Thái Nguyên	7308	20A-872.58	Thái Nguyên			
5709	20D-035.59	Thái Nguyên	7309	20A-876.26	Thái Nguyên			
5710	21B-013.63	Yên Bái	7310	20A-897.95	Thái Nguyên			
5711	21B-015.19	Yên Bái	7311	20A-903.28	Thái Nguyên			
5712	21C-112.98	Yên Bái	7312	20A-905.58	Thái Nguyên			
5713	21D-007.38	Yên Bái	7313	20B-036.16	Thái Nguyên			
5714	22A-270.56	Tuyên Quang	7314	20C-310.08	Thái Nguyên			
5715	22A-274.16	Tuyên Quang	7315	20C-310.63	Thái Nguyên			
5716	22A-274.56	Tuyên Quang	7316	20C-313.08	Thái Nguyên			
5717	22A-277.38	Tuyên Quang	7317	20C-313.29	Thái Nguyên			
5718	22C-113.09	Tuyên Quang	7318	20C-314.06	Thái Nguyên			
5719	22C-115.65	Tuyên Quang	7319	21A-226.09	Yên Bái			
5720	22D-010.59	Tuyên Quang	7320	21A-229.56	Yên Bái			
5721	23A-171.85	Hà Giang	7321	21C-115.56	Yên Bái			
5722	23B-014.36	Hà Giang	7322	21D-007.96	Yên Bái			
5723	23C-091.38	Hà Giang	7323	21D-008.63	Yên Bái			
5724	23D-007.56	Hà Giang	7324	22A-277.26	Tuyên Quang			
5725	23D-010.29	Hà Giang	7325	22A-280.36	Tuyên Quang			
5726	24A-320.83	Lào Cai	7326	22A-281.36	Tuyên Quang			
5727	24B-021.35	Lào Cai	7327	22A-282.65	Tuyên Quang			
5728	24C-170.65	Lào Cai	7328	22A-283.85	Tuyên Quang			
5729	25C-061.65	Lai Châu	7329	22B-016.29	Tuyên Quang			
5730	25C-061.98	Lai Châu	7330	22B-017.06	Tuyên Quang			
5731	25D-007.85	Lai Châu	7331	22B-017.26	Tuyên Quang			
5732	25D-008.16	Lai Châu	7332	22D-013.58	Tuyên Quang			
5733	26A-242.16	Sơn La	7333	23B-011.26	Hà Giang			
5734	26B-021.58	Sơn La	7334	23B-013.29	Hà Giang			
5735	26C-164.19	Sơn La	7335	23C-093.06	Hà Giang			
5736	26C-165.58	Sơn La	7336	24A-316.35	Lào Cai			
5737	26C-166.36	Sơn La	7337	24A-323.06	Lào Cai			
5738	26D-016.98	Sơn La	7338	24C-166.06	Lào Cai			
5739	27A-129.28	Điện Biên	7339	24C-168.58	Lào Cai			
5740	27A-132.18	Điện Biên	7340	24C-170.19	Lào Cai			
5741	27A-135.63	Điện Biên	7341	24C-171.95	Lào Cai			
5742	27A-136.19	Điện Biên	7342	24D-009.58	Lào Cai			
5743	27B-014.08	Điện Biên	7343	26A-237.96	Sơn La			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	27C-074.83	Điện Biên	7344	26A-245.56	Sơn La			
5745	27C-076.59	Điện Biên	7345	26C-163.25	Sơn La			
5746	28A-259.36	Hòa Bình	7346	26C-169.63	Sơn La			
5747	28B-019.08	Hòa Bình	7347	26D-013.59	Sơn La			
5748	28C-124.06	Hòa Bình	7348	26D-015.85	Sơn La			
5749	28D-012.36	Hòa Bình	7349	26D-016.06	Sơn La			
5750	29D-626.65	Hà Nội	7350	27A-132.08	Điện Biên			
5751	29D-628.09	Hà Nội	7351	27B-015.38	Điện Biên			
5752	29K-331.63	Hà Nội	7352	27B-017.36	Điện Biên			
5753	29K-332.56	Hà Nội	7353	27C-077.18	Điện Biên			
5754	29K-339.28	Hà Nội	7354	28A-265.63	Hòa Bình			
5755	29K-348.65	Hà Nội	7355	28A-267.18	Hòa Bình			
5756	29K-351.59	Hà Nội	7356	28B-019.36	Hòa Bình			
5757	29K-352.59	Hà Nội	7357	28D-011.56	Hòa Bình			
5758	29K-354.95	Hà Nội	7358	29B-658.63	Hà Nội			
5759	29K-356.18	Hà Nội	7359	29B-661.36	Hà Nội			
5760	29K-356.36	Hà Nội	7360	29B-662.18	Hà Nội			
5761	29K-357.65	Hà Nội	7361	29D-635.83	Hà Nội			
5762	29K-359.65	Hà Nội	7362	29D-638.26	Hà Nội			
5763	29K-368.16	Hà Nội	7363	29D-641.59	Hà Nội			
5764	29K-375.25	Hà Nội	7364	29K-326.85	Hà Nội			
5765	29K-375.96	Hà Nội	7365	29K-337.06	Hà Nội			
5766	29K-380.29	Hà Nội	7366	29K-338.98	Hà Nội			
5767	29K-380.36	Hà Nội	7367	29K-340.35	Hà Nội			
5768	29K-388.35	Hà Nội	7368	29K-341.38	Hà Nội			
5769	29K-397.19	Hà Nội	7369	29K-341.56	Hà Nội			
5770	29K-417.59	Hà Nội	7370	29K-342.83	Hà Nội			
5771	29K-417.96	Hà Nội	7371	29K-359.83	Hà Nội			
5772	29K-426.29	Hà Nội	7372	29K-370.16	Hà Nội			
5773	29K-427.65	Hà Nội	7373	29K-370.35	Hà Nội			
5774	29K-427.85	Hà Nội	7374	29K-385.25	Hà Nội			
5775	29K-429.15	Hà Nội	7375	29K-391.15	Hà Nội			
5776	29K-430.65	Hà Nội	7376	29K-402.35	Hà Nội			
5777	29K-450.56	Hà Nội	7377	29K-408.18	Hà Nội			
5778	29K-455.19	Hà Nội	7378	29K-408.59	Hà Nội			
5779	29K-464.85	Hà Nội	7379	29K-410.63	Hà Nội			
5780	29K-470.29	Hà Nội	7380	29K-413.06	Hà Nội			
5781	29K-474.38	Hà Nội	7381	29K-418.95	Hà Nội			
5782	30M-038.96	Hà Nội	7382	29K-427.08	Hà Nội			
5783	30M-039.38	Hà Nội	7383	29K-428.58	Hà Nội			
5784	30M-043.29	Hà Nội	7384	29K-430.29	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	30M-045.85	Hà Nội	7385	29K-442.83	Hà Nội			
5786	30M-047.26	Hà Nội	7386	29K-448.18	Hà Nội			
5787	30M-048.65	Hà Nội	7387	29K-452.28	Hà Nội			
5788	30M-051.95	Hà Nội	7388	29K-467.06	Hà Nội			
5789	30M-053.59	Hà Nội	7389	29K-476.58	Hà Nội			
5790	30M-055.35	Hà Nội	7390	30M-031.15	Hà Nội			
5791	30M-057.36	Hà Nội	7391	30M-031.58	Hà Nội			
5792	30M-058.09	Hà Nội	7392	30M-033.56	Hà Nội			
5793	30M-058.83	Hà Nội	7393	30M-062.36	Hà Nội			
5794	30M-071.09	Hà Nội	7394	30M-075.15	Hà Nội			
5795	30M-072.25	Hà Nội	7395	30M-075.28	Hà Nội			
5796	30M-072.63	Hà Nội	7396	30M-081.63	Hà Nội			
5797	30M-076.25	Hà Nội	7397	30M-082.18	Hà Nội			
5798	30M-081.15	Hà Nội	7398	30M-087.83	Hà Nội			
5799	30M-083.29	Hà Nội	7399	30M-096.65	Hà Nội			
5800	30M-092.18	Hà Nội	7400	30M-099.63	Hà Nội			
5801	30M-097.38	Hà Nội	7401	30M-104.63	Hà Nội			
5802	30M-098.26	Hà Nội	7402	30M-107.58	Hà Nội			
5803	30M-099.06	Hà Nội	7403	30M-108.63	Hà Nội			
5804	30M-108.28	Hà Nội	7404	30M-116.15	Hà Nội			
5805	30M-127.09	Hà Nội	7405	30M-119.56	Hà Nội			
5806	30M-127.38	Hà Nội	7406	30M-123.85	Hà Nội			
5807	30M-128.95	Hà Nội	7407	30M-125.28	Hà Nội			
5808	30M-130.96	Hà Nội	7408	30M-126.35	Hà Nội			
5809	30M-132.63	Hà Nội	7409	30M-138.06	Hà Nội			
5810	30M-139.25	Hà Nội	7410	30M-146.18	Hà Nội			
5811	30M-140.56	Hà Nội	7411	30M-146.19	Hà Nội			
5812	30M-141.63	Hà Nội	7412	30M-151.06	Hà Nội			
5813	30M-142.36	Hà Nội	7413	30M-155.18	Hà Nội			
5814	30M-144.08	Hà Nội	7414	30M-161.28	Hà Nội			
5815	30M-145.19	Hà Nội	7415	30M-179.28	Hà Nội			
5816	30M-150.95	Hà Nội	7416	30M-181.36	Hà Nội			
5817	30M-152.06	Hà Nội	7417	30M-185.16	Hà Nội			
5818	30M-157.29	Hà Nội	7418	30M-191.98	Hà Nội			
5819	30M-157.85	Hà Nội	7419	30M-198.36	Hà Nội			
5820	30M-164.15	Hà Nội	7420	30M-199.26	Hà Nội			
5821	30M-166.59	Hà Nội	7421	30M-200.35	Hà Nội			
5822	30M-179.18	Hà Nội	7422	30M-202.29	Hà Nội			
5823	30M-179.59	Hà Nội	7423	30M-202.58	Hà Nội			
5824	30M-180.28	Hà Nội	7424	30M-202.65	Hà Nội			
5825	30M-183.29	Hà Nội	7425	30M-205.85	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-189.19	Hà Nội	7426	30M-208.58	Hà Nội			
5827	30M-191.06	Hà Nội	7427	30M-215.98	Hà Nội			
5828	30M-191.36	Hà Nội	7428	30M-221.38	Hà Nội			
5829	30M-191.59	Hà Nội	7429	30M-241.19	Hà Nội			
5830	30M-193.98	Hà Nội	7430	30M-244.59	Hà Nội			
5831	30M-197.08	Hà Nội	7431	30M-247.18	Hà Nội			
5832	30M-197.36	Hà Nội	7432	30M-261.85	Hà Nội			
5833	30M-199.38	Hà Nội	7433	30M-262.16	Hà Nội			
5834	30M-201.56	Hà Nội	7434	30M-264.29	Hà Nội			
5835	30M-208.98	Hà Nội	7435	30M-265.08	Hà Nội			
5836	30M-216.15	Hà Nội	7436	30M-267.83	Hà Nội			
5837	30M-219.36	Hà Nội	7437	30M-274.15	Hà Nội			
5838	30M-224.09	Hà Nội	7438	30M-276.29	Hà Nội			
5839	30M-224.96	Hà Nội	7439	30M-277.16	Hà Nội			
5840	30M-230.36	Hà Nội	7440	30M-277.19	Hà Nội			
5841	30M-230.65	Hà Nội	7441	30M-279.65	Hà Nội			
5842	30M-231.09	Hà Nội	7442	30M-284.15	Hà Nội			
5843	30M-245.08	Hà Nội	7443	30M-289.85	Hà Nội			
5844	30M-251.85	Hà Nội	7444	30M-291.36	Hà Nội			
5845	30M-254.98	Hà Nội	7445	30M-296.98	Hà Nội			
5846	30M-255.85	Hà Nội	7446	30M-299.35	Hà Nội			
5847	30M-260.58	Hà Nội	7447	30M-304.56	Hà Nội			
5848	30M-264.16	Hà Nội	7448	30M-321.19	Hà Nội			
5849	30M-267.63	Hà Nội	7449	30M-327.98	Hà Nội			
5850	30M-268.28	Hà Nội	7450	30M-338.36	Hà Nội			
5851	30M-276.26	Hà Nội	7451	30M-347.08	Hà Nội			
5852	30M-283.15	Hà Nội	7452	30M-351.58	Hà Nội			
5853	30M-287.63	Hà Nội	7453	30M-352.18	Hà Nội			
5854	30M-290.58	Hà Nội	7454	30M-361.18	Hà Nội			
5855	30M-291.38	Hà Nội	7455	30M-362.38	Hà Nội			
5856	30M-299.28	Hà Nội	7456	30M-364.18	Hà Nội			
5857	30M-302.95	Hà Nội	7457	30M-386.16	Hà Nội			
5858	30M-318.83	Hà Nội	7458	30M-386.35	Hà Nội			
5859	30M-319.56	Hà Nội	7459	30M-387.95	Hà Nội			
5860	30M-325.58	Hà Nội	7460	30M-391.63	Hà Nội			
5861	30M-329.06	Hà Nội	7461	30M-396.36	Hà Nội			
5862	30M-345.65	Hà Nội	7462	30M-398.38	Hà Nội			
5863	30M-352.63	Hà Nội	7463	30M-398.95	Hà Nội			
5864	30M-360.83	Hà Nội	7464	30M-399.58	Hà Nội			
5865	30M-383.96	Hà Nội	7465	30M-402.08	Hà Nội			
5866	30M-388.29	Hà Nội	7466	30M-402.98	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	30M-390.36	Hà Nội	7467	30M-406.95	Hà Nội			
5868	30M-393.63	Hà Nội	7468	30M-407.25	Hà Nội			
5869	30M-395.09	Hà Nội	7469	30M-408.58	Hà Nội			
5870	30M-402.15	Hà Nội	7470	30M-409.95	Hà Nội			
5871	30M-417.29	Hà Nội	7471	30M-418.16	Hà Nội			
5872	34A-927.08	Hải Dương	7472	30M-420.29	Hà Nội			
5873	34A-934.19	Hải Dương	7473	34A-923.28	Hải Dương			
5874	34A-938.25	Hải Dương	7474	34A-929.85	Hải Dương			
5875	34A-947.96	Hải Dương	7475	34A-949.08	Hải Dương			
5876	34A-960.16	Hải Dương	7476	34A-950.09	Hải Dương			
5877	34A-965.63	Hải Dương	7477	34A-965.59	Hải Dương			
5878	34A-974.36	Hải Dương	7478	34A-966.15	Hải Dương			
5879	34B-047.09	Hải Dương	7479	34A-974.09	Hải Dương			
5880	34C-436.16	Hải Dương	7480	34B-045.19	Hải Dương			
5881	34C-438.35	Hải Dương	7481	34B-045.65	Hải Dương			
5882	34C-440.63	Hải Dương	7482	34B-046.85	Hải Dương			
5883	34C-443.35	Hải Dương	7483	34C-437.28	Hải Dương			
5884	34C-443.98	Hải Dương	7484	34C-447.18	Hải Dương			
5885	34C-447.19	Hải Dương	7485	35A-469.65	Ninh Bình			
5886	34D-040.18	Hải Dương	7486	35A-479.35	Ninh Bình			
5887	35A-480.36	Ninh Bình	7487	35A-482.63	Ninh Bình			
5888	35A-483.95	Ninh Bình	7488	35B-023.15	Ninh Bình			
5889	35C-183.65	Ninh Bình	7489	35B-026.08	Ninh Bình			
5890	35D-017.36	Ninh Bình	7490	35C-185.38	Ninh Bình			
5891	36B-048.16	Thanh Hóa	7491	36B-047.65	Thanh Hóa			
5892	36B-048.38	Thanh Hóa	7492	36C-546.98	Thanh Hóa			
5893	36C-553.96	Thanh Hóa	7493	36C-547.15	Thanh Hóa			
5894	36C-561.58	Thanh Hóa	7494	36C-548.09	Thanh Hóa			
5895	36C-569.35	Thanh Hóa	7495	36C-549.18	Thanh Hóa			
5896	36C-570.29	Thanh Hóa	7496	36C-549.59	Thanh Hóa			
5897	36C-572.95	Thanh Hóa	7497	36C-550.85	Thanh Hóa			
5898	36C-579.38	Thanh Hóa	7498	36C-557.96	Thanh Hóa			
5899	36D-029.83	Thanh Hóa	7499	36C-563.29	Thanh Hóa			
5900	36K-239.63	Thanh Hóa	7500	36C-568.16	Thanh Hóa			
5901	36K-258.16	Thanh Hóa	7501	36C-570.25	Thanh Hóa			
5902	36K-267.85	Thanh Hóa	7502	36C-571.25	Thanh Hóa			
5903	36K-268.35	Thanh Hóa	7503	36C-574.83	Thanh Hóa			
5904	36K-268.65	Thanh Hóa	7504	36C-574.98	Thanh Hóa			
5905	36K-275.35	Thanh Hóa	7505	36K-232.56	Thanh Hóa			
5906	36K-280.25	Thanh Hóa	7506	36K-240.58	Thanh Hóa			
5907	36K-294.15	Thanh Hóa	7507	36K-245.19	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	36K-296.98	Thanh Hóa	7508	36K-251.16	Thanh Hóa			
5909	36K-301.95	Thanh Hóa	7509	36K-252.19	Thanh Hóa			
5910	36K-304.35	Thanh Hóa	7510	36K-252.26	Thanh Hóa			
5911	36K-304.65	Thanh Hóa	7511	36K-252.98	Thanh Hóa			
5912	36K-306.36	Thanh Hóa	7512	36K-262.58	Thanh Hóa			
5913	37C-574.59	Nghệ An	7513	36K-278.58	Thanh Hóa			
5914	37C-575.19	Nghệ An	7514	36K-288.96	Thanh Hóa			
5915	37C-576.95	Nghệ An	7515	36K-294.28	Thanh Hóa			
5916	37C-577.83	Nghệ An	7516	36K-295.09	Thanh Hóa			
5917	37C-586.15	Nghệ An	7517	37C-567.09	Nghệ An			
5918	37C-593.25	Nghệ An	7518	37C-570.83	Nghệ An			
5919	37K-483.29	Nghệ An	7519	37C-577.15	Nghệ An			
5920	37K-488.35	Nghệ An	7520	37C-580.63	Nghệ An			
5921	37K-489.58	Nghệ An	7521	37C-592.26	Nghệ An			
5922	37K-502.59	Nghệ An	7522	37K-482.59	Nghệ An			
5923	37K-503.29	Nghệ An	7523	37K-490.63	Nghệ An			
5924	37K-507.56	Nghệ An	7524	37K-491.16	Nghệ An			
5925	37K-508.19	Nghệ An	7525	37K-492.28	Nghệ An			
5926	37K-512.38	Nghệ An	7526	37K-508.56	Nghệ An			
5927	37K-517.28	Nghệ An	7527	37K-514.35	Nghệ An			
5928	37K-519.06	Nghệ An	7528	37K-517.58	Nghệ An			
5929	37K-521.09	Nghệ An	7529	37K-517.96	Nghệ An			
5930	37K-527.65	Nghệ An	7530	37K-518.29	Nghệ An			
5931	37K-533.19	Nghệ An	7531	37K-526.15	Nghệ An			
5932	37K-534.58	Nghệ An	7532	37K-528.63	Nghệ An			
5933	37K-540.95	Nghệ An	7533	37K-538.28	Nghệ An			
5934	37K-547.59	Nghệ An	7534	37K-540.36	Nghệ An			
5935	37K-551.08	Nghệ An	7535	37K-540.58	Nghệ An			
5936	37K-561.08	Nghệ An	7536	37K-541.96	Nghệ An			
5937	38A-680.26	Hà Tĩnh	7537	37K-551.38	Nghệ An			
5938	38A-685.06	Hà Tĩnh	7538	37K-554.19	Nghệ An			
5939	38A-692.25	Hà Tĩnh	7539	37K-565.18	Nghệ An			
5940	38A-699.19	Hà Tĩnh	7540	37K-573.06	Nghệ An			
5941	38C-248.18	Hà Tĩnh	7541	38A-682.85	Hà Tĩnh			
5942	43A-943.15	Đà Nẵng	7542	38A-702.56	Hà Tĩnh			
5943	43A-944.09	Đà Nẵng	7543	38A-706.25	Hà Tĩnh			
5944	43A-944.29	Đà Nẵng	7544	38A-706.58	Hà Tĩnh			
5945	43A-946.29	Đà Nẵng	7545	38A-708.15	Hà Tĩnh			
5946	43A-950.35	Đà Nẵng	7546	38A-708.36	Hà Tĩnh			
5947	43A-954.28	Đà Nẵng	7547	38C-247.06	Hà Tĩnh			
5948	43A-958.06	Đà Nẵng	7548	38C-252.08	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	43A-961.15	Đà Nẵng	7549	38D-021.95	Hà Tĩnh			
5950	43A-964.26	Đà Nẵng	7550	43A-951.38	Đà Nẵng			
5951	43A-973.09	Đà Nẵng	7551	43A-954.08	Đà Nẵng			
5952	43A-976.36	Đà Nẵng	7552	43A-957.15	Đà Nẵng			
5953	43B-067.38	Đà Nẵng	7553	43A-958.25	Đà Nẵng			
5954	43B-067.58	Đà Nẵng	7554	43A-958.65	Đà Nẵng			
5955	43C-316.38	Đà Nẵng	7555	43A-972.36	Đà Nẵng			
5956	43C-317.59	Đà Nẵng	7556	43A-974.15	Đà Nẵng			
5957	43C-318.08	Đà Nẵng	7557	43A-980.26	Đà Nẵng			
5958	43D-015.26	Đà Nẵng	7558	43D-013.58	Đà Nẵng			
5959	47A-822.18	Đắk Lắk	7559	47A-815.96	Đắk Lắk			
5960	47A-824.59	Đắk Lắk	7560	47A-817.28	Đắk Lắk			
5961	47A-825.15	Đắk Lắk	7561	47A-826.95	Đắk Lắk			
5962	47A-826.56	Đắk Lắk	7562	47A-832.16	Đắk Lắk			
5963	47A-835.59	Đắk Lắk	7563	47A-844.56	Đắk Lắk			
5964	47A-845.85	Đắk Lắk	7564	47A-852.35	Đắk Lắk			
5965	47A-857.25	Đắk Lắk	7565	47A-854.59	Đắk Lắk			
5966	47A-864.38	Đắk Lắk	7566	47A-857.08	Đắk Lắk			
5967	47B-042.83	Đắk Lắk	7567	47A-858.29	Đắk Lắk			
5968	47C-411.19	Đắk Lắk	7568	47A-861.09	Đắk Lắk			
5969	47C-413.65	Đắk Lắk	7569	47A-861.18	Đắk Lắk			
5970	47C-416.08	Đắk Lắk	7570	47A-861.95	Đắk Lắk			
5971	48A-249.19	Đắk Nông	7571	47A-865.29	Đắk Lắk			
5972	48A-252.18	Đắk Nông	7572	47C-400.96	Đắk Lắk			
5973	48A-255.58	Đắk Nông	7573	47C-404.06	Đắk Lắk			
5974	48B-016.26	Đắk Nông	7574	47C-406.58	Đắk Lắk			
5975	48C-118.28	Đắk Nông	7575	47C-418.08	Đắk Lắk			
5976	48C-118.59	Đắk Nông	7576	48A-249.25	Đắk Nông			
5977	48D-009.15	Đắk Nông	7577	48A-252.65	Đắk Nông			
5978	49A-746.29	Lâm Đồng	7578	48A-253.06	Đắk Nông			
5979	49A-754.29	Lâm Đồng	7579	48A-253.56	Đắk Nông			
5980	49A-756.95	Lâm Đồng	7580	48A-261.15	Đắk Nông			
5981	49A-764.18	Lâm Đồng	7581	48B-014.98	Đắk Nông			
5982	49A-765.98	Lâm Đồng	7582	48B-015.98	Đắk Nông			
5983	49A-766.29	Lâm Đồng	7583	48B-016.15	Đắk Nông			
5984	49A-766.95	Lâm Đồng	7584	48B-017.09	Đắk Nông			
5985	49A-773.15	Lâm Đồng	7585	48C-117.19	Đắk Nông			
5986	49C-383.06	Lâm Đồng	7586	48C-119.65	Đắk Nông			
5987	49C-383.98	Lâm Đồng	7587	49A-752.06	Lâm Đồng			
5988	49C-394.19	Lâm Đồng	7588	49A-753.96	Lâm Đồng			
5989	49C-399.58	Lâm Đồng	7589	49A-759.65	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	49D-016.26	Lâm Đồng	7590	49A-770.98	Lâm Đồng			
5991	51B-714.83	Hồ Chí Minh	7591	49C-383.08	Lâm Đồng			
5992	51B-715.85	Hồ Chí Minh	7592	49C-392.16	Lâm Đồng			
5993	51E-341.25	Hồ Chí Minh	7593	49C-394.09	Lâm Đồng			
5994	51E-343.59	Hồ Chí Minh	7594	49C-398.65	Lâm Đồng			
5995	51E-347.18	Hồ Chí Minh	7595	51B-712.95	Hồ Chí Minh			
5996	51E-347.63	Hồ Chí Minh	7596	51E-352.16	Hồ Chí Minh			
5997	51E-352.18	Hồ Chí Minh	7597	51L-897.35	Hồ Chí Minh			
5998	51L-898.25	Hồ Chí Minh	7598	51L-898.16	Hồ Chí Minh			
5999	51L-899.56	Hồ Chí Minh	7599	51L-898.59	Hồ Chí Minh			
6000	51L-913.38	Hồ Chí Minh	7600	51L-904.96	Hồ Chí Minh			
6001	51L-918.28	Hồ Chí Minh	7601	51L-905.95	Hồ Chí Minh			
6002	51L-918.29	Hồ Chí Minh	7602	51L-910.26	Hồ Chí Minh			
6003	51L-918.65	Hồ Chí Minh	7603	51L-912.59	Hồ Chí Minh			
6004	51L-919.63	Hồ Chí Minh	7604	51L-917.95	Hồ Chí Minh			
6005	51L-925.09	Hồ Chí Minh	7605	51L-929.63	Hồ Chí Minh			
6006	51L-926.28	Hồ Chí Minh	7606	51L-935.09	Hồ Chí Minh			
6007	51L-935.15	Hồ Chí Minh	7607	51L-936.58	Hồ Chí Minh			
6008	51L-941.29	Hồ Chí Minh	7608	51L-938.29	Hồ Chí Minh			
6009	51L-944.29	Hồ Chí Minh	7609	51L-951.36	Hồ Chí Minh			
6010	51L-952.36	Hồ Chí Minh	7610	51L-958.19	Hồ Chí Minh			
6011	51L-952.38	Hồ Chí Minh	7611	51L-959.08	Hồ Chí Minh			
6012	51L-962.08	Hồ Chí Minh	7612	51L-959.58	Hồ Chí Minh			
6013	51L-965.18	Hồ Chí Minh	7613	51L-961.25	Hồ Chí Minh			
6014	51L-966.29	Hồ Chí Minh	7614	51L-968.25	Hồ Chí Minh			
6015	51L-977.85	Hồ Chí Minh	7615	51L-976.35	Hồ Chí Minh			
6016	51L-984.18	Hồ Chí Minh	7616	51L-988.16	Hồ Chí Minh			
6017	51L-993.15	Hồ Chí Minh	7617	51L-994.96	Hồ Chí Minh			
6018	51L-994.36	Hồ Chí Minh	7618	51M-056.09	Hồ Chí Minh			
6019	51L-996.26	Hồ Chí Minh	7619	51M-057.83	Hồ Chí Minh			
6020	51M-052.08	Hồ Chí Minh	7620	51M-060.83	Hồ Chí Minh			
6021	51M-055.16	Hồ Chí Minh	7621	51M-068.25	Hồ Chí Minh			
6022	51M-062.25	Hồ Chí Minh	7622	51M-069.29	Hồ Chí Minh			
6023	51M-071.58	Hồ Chí Minh	7623	51M-073.28	Hồ Chí Minh			
6024	51M-075.63	Hồ Chí Minh	7624	51M-079.29	Hồ Chí Minh			
6025	51M-082.29	Hồ Chí Minh	7625	51M-079.85	Hồ Chí Minh			
6026	51M-083.63	Hồ Chí Minh	7626	51M-094.19	Hồ Chí Minh			
6027	51M-092.58	Hồ Chí Minh	7627	51M-094.85	Hồ Chí Minh			
6028	51M-096.15	Hồ Chí Minh	7628	51M-101.96	Hồ Chí Minh			
6029	51M-100.16	Hồ Chí Minh	7629	51M-103.08	Hồ Chí Minh			
6030	51M-106.59	Hồ Chí Minh	7630	51M-104.58	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-110.29	Hồ Chí Minh	7631	51M-114.08	Hồ Chí Minh			
6032	51M-114.26	Hồ Chí Minh	7632	51M-114.96	Hồ Chí Minh			
6033	51M-119.16	Hồ Chí Minh	7633	51M-129.18	Hồ Chí Minh			
6034	51M-122.56	Hồ Chí Minh	7634	51M-134.28	Hồ Chí Minh			
6035	51M-123.28	Hồ Chí Minh	7635	51M-141.65	Hồ Chí Minh			
6036	51M-124.08	Hồ Chí Minh	7636	51M-143.16	Hồ Chí Minh			
6037	51M-142.63	Hồ Chí Minh	7637	51M-143.36	Hồ Chí Minh			
6038	51M-151.98	Hồ Chí Minh	7638	51M-147.63	Hồ Chí Minh			
6039	51M-155.36	Hồ Chí Minh	7639	51M-154.36	Hồ Chí Minh			
6040	51M-159.83	Hồ Chí Minh	7640	51M-157.18	Hồ Chí Minh			
6041	51M-165.29	Hồ Chí Minh	7641	51M-159.56	Hồ Chí Minh			
6042	51M-167.06	Hồ Chí Minh	7642	51M-161.25	Hồ Chí Minh			
6043	51M-167.65	Hồ Chí Minh	7643	51M-175.56	Hồ Chí Minh			
6044	51M-171.58	Hồ Chí Minh	7644	51M-178.06	Hồ Chí Minh			
6045	51M-172.18	Hồ Chí Minh	7645	51M-178.35	Hồ Chí Minh			
6046	51M-174.15	Hồ Chí Minh	7646	51M-184.35	Hồ Chí Minh			
6047	51M-181.58	Hồ Chí Minh	7647	51M-192.09	Hồ Chí Minh			
6048	51M-181.59	Hồ Chí Minh	7648	51M-192.15	Hồ Chí Minh			
6049	51M-187.19	Hồ Chí Minh	7649	51M-200.26	Hồ Chí Minh			
6050	51M-211.15	Hồ Chí Minh	7650	51M-203.63	Hồ Chí Minh			
6051	51M-211.65	Hồ Chí Minh	7651	51M-208.98	Hồ Chí Minh			
6052	51M-226.98	Hồ Chí Minh	7652	51M-209.98	Hồ Chí Minh			
6053	51M-227.95	Hồ Chí Minh	7653	51M-212.06	Hồ Chí Minh			
6054	51M-228.26	Hồ Chí Minh	7654	51M-223.15	Hồ Chí Minh			
6055	51M-230.56	Hồ Chí Minh	7655	51M-224.29	Hồ Chí Minh			
6056	51M-233.28	Hồ Chí Minh	7656	51M-229.15	Hồ Chí Minh			
6057	51M-237.16	Hồ Chí Minh	7657	51M-239.35	Hồ Chí Minh			
6058	51M-237.65	Hồ Chí Minh	7658	51M-247.08	Hồ Chí Minh			
6059	51M-241.29	Hồ Chí Minh	7659	51M-248.16	Hồ Chí Minh			
6060	51M-242.09	Hồ Chí Minh	7660	51M-248.65	Hồ Chí Minh			
6061	51M-242.19	Hồ Chí Minh	7661	51M-265.15	Hồ Chí Minh			
6062	51M-259.19	Hồ Chí Minh	7662	51M-266.65	Hồ Chí Minh			
6063	51M-260.08	Hồ Chí Minh	7663	51M-268.18	Hồ Chí Minh			
6064	51M-265.28	Hồ Chí Minh	7664	51M-276.59	Hồ Chí Minh			
6065	51M-274.19	Hồ Chí Minh	7665	51M-277.83	Hồ Chí Minh			
6066	51M-277.35	Hồ Chí Minh	7666	51M-278.25	Hồ Chí Minh			
6067	51M-279.38	Hồ Chí Minh	7667	51M-293.19	Hồ Chí Minh			
6068	51M-286.09	Hồ Chí Minh	7668	51M-301.08	Hồ Chí Minh			
6069	51M-296.85	Hồ Chí Minh	7669	51M-302.18	Hồ Chí Minh			
6070	51M-298.08	Hồ Chí Minh	7670	51M-303.83	Hồ Chí Minh			
6071	51M-299.15	Hồ Chí Minh	7671	51M-308.35	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51M-306.85	Hồ Chí Minh	7672	51M-311.18	Hồ Chí Minh			
6073	51M-310.59	Hồ Chí Minh	7673	51N-002.56	Hồ Chí Minh			
6074	51N-003.56	Hồ Chí Minh	7674	51N-003.08	Hồ Chí Minh			
6075	51N-004.15	Hồ Chí Minh	7675	51N-007.06	Hồ Chí Minh			
6076	51N-007.28	Hồ Chí Minh	7676	51N-011.16	Hồ Chí Minh			
6077	51N-021.35	Hồ Chí Minh	7677	51N-012.96	Hồ Chí Minh			
6078	51N-024.26	Hồ Chí Minh	7678	51N-018.09	Hồ Chí Minh			
6079	51N-034.15	Hồ Chí Minh	7679	51N-020.29	Hồ Chí Minh			
6080	51N-046.09	Hồ Chí Minh	7680	51N-020.59	Hồ Chí Minh			
6081	51N-056.38	Hồ Chí Minh	7681	51N-022.96	Hồ Chí Minh			
6082	51N-057.83	Hồ Chí Minh	7682	51N-023.38	Hồ Chí Minh			
6083	51N-062.08	Hồ Chí Minh	7683	51N-027.08	Hồ Chí Minh			
6084	51N-062.95	Hồ Chí Minh	7684	51N-028.25	Hồ Chí Minh			
6085	51N-063.19	Hồ Chí Minh	7685	51N-040.15	Hồ Chí Minh			
6086	51N-065.58	Hồ Chí Minh	7686	51N-063.25	Hồ Chí Minh			
6087	51N-068.35	Hồ Chí Minh	7687	51N-065.83	Hồ Chí Minh			
6088	51N-070.18	Hồ Chí Minh	7688	51N-066.83	Hồ Chí Minh			
6089	51N-074.26	Hồ Chí Minh	7689	51N-067.08	Hồ Chí Minh			
6090	51N-077.65	Hồ Chí Minh	7690	51N-080.36	Hồ Chí Minh			
6091	51N-084.36	Hồ Chí Minh	7691	51N-087.28	Hồ Chí Minh			
6092	51N-086.06	Hồ Chí Minh	7692	51N-095.63	Hồ Chí Minh			
6093	51N-094.16	Hồ Chí Minh	7693	51N-106.15	Hồ Chí Minh			
6094	51N-097.38	Hồ Chí Minh	7694	51N-109.26	Hồ Chí Minh			
6095	51N-100.28	Hồ Chí Minh	7695	51N-110.16	Hồ Chí Minh			
6096	51N-101.96	Hồ Chí Minh	7696	51N-110.83	Hồ Chí Minh			
6097	51N-110.26	Hồ Chí Minh	7697	51N-113.56	Hồ Chí Minh			
6098	51N-114.26	Hồ Chí Minh	7698	51N-117.65	Hồ Chí Minh			
6099	51N-118.83	Hồ Chí Minh	7699	51N-133.36	Hồ Chí Minh			
6100	51N-121.58	Hồ Chí Minh	7700	60B-080.26	Đồng Nai			
6101	51N-130.95	Hồ Chí Minh	7701	60C-759.08	Đồng Nai			
6102	51N-135.18	Hồ Chí Minh	7702	60C-759.19	Đồng Nai			
6103	51N-138.28	Hồ Chí Minh	7703	60C-760.09	Đồng Nai			
6104	51N-140.08	Hồ Chí Minh	7704	60C-763.19	Đồng Nai			
6105	51N-144.08	Hồ Chí Minh	7705	60C-770.09	Đồng Nai			
6106	51N-152.29	Hồ Chí Minh	7706	60C-771.58	Đồng Nai			
6107	51N-152.96	Hồ Chí Minh	7707	60C-793.28	Đồng Nai			
6108	60C-759.35	Đồng Nai	7708	60C-794.19	Đồng Nai			
6109	60C-762.96	Đồng Nai	7709	60D-024.83	Đồng Nai			
6110	60C-764.18	Đồng Nai	7710	60K-621.16	Đồng Nai			
6111	60C-774.65	Đồng Nai	7711	60K-621.83	Đồng Nai			
6112	60C-778.85	Đồng Nai	7712	60K-623.36	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	60C-781.59	Đồng Nai	7713	60K-627.65	Đồng Nai			
6114	60C-785.35	Đồng Nai	7714	60K-634.95	Đồng Nai			
6115	60C-793.65	Đồng Nai	7715	60K-644.25	Đồng Nai			
6116	60K-623.59	Đồng Nai	7716	60K-647.95	Đồng Nai			
6117	60K-624.59	Đồng Nai	7717	60K-648.25	Đồng Nai			
6118	60K-625.65	Đồng Nai	7718	60K-651.09	Đồng Nai			
6119	60K-631.18	Đồng Nai	7719	60K-659.26	Đồng Nai			
6120	60K-635.96	Đồng Nai	7720	60K-661.15	Đồng Nai			
6121	60K-642.29	Đồng Nai	7721	60K-662.29	Đồng Nai			
6122	60K-652.35	Đồng Nai	7722	60K-667.16	Đồng Nai			
6123	60K-658.95	Đồng Nai	7723	60K-670.85	Đồng Nai			
6124	60K-661.63	Đồng Nai	7724	60K-672.58	Đồng Nai			
6125	60K-667.35	Đồng Nai	7725	60K-675.36	Đồng Nai			
6126	60K-671.38	Đồng Nai	7726	60K-681.28	Đồng Nai			
6127	60K-674.16	Đồng Nai	7727	60K-693.98	Đồng Nai			
6128	60K-678.26	Đồng Nai	7728	60K-698.19	Đồng Nai			
6129	60K-679.95	Đồng Nai	7729	61B-044.38	Bình Dương			
6130	60K-692.18	Đồng Nai	7730	61C-619.38	Bình Dương			
6131	60K-692.65	Đồng Nai	7731	61C-619.58	Bình Dương			
6132	60K-699.06	Đồng Nai	7732	61C-631.18	Bình Dương			
6133	60K-699.59	Đồng Nai	7733	61K-519.85	Bình Dương			
6134	60K-701.06	Đồng Nai	7734	61K-522.56	Bình Dương			
6135	60K-702.08	Đồng Nai	7735	61K-530.15	Bình Dương			
6136	61C-620.83	Bình Dương	7736	61K-530.19	Bình Dương			
6137	61C-623.56	Bình Dương	7737	61K-535.28	Bình Dương			
6138	61C-627.25	Bình Dương	7738	61K-537.56	Bình Dương			
6139	61C-631.28	Bình Dương	7739	61K-538.15	Bình Dương			
6140	61C-636.58	Bình Dương	7740	61K-541.96	Bình Dương			
6141	61C-637.29	Bình Dương	7741	61K-552.19	Bình Dương			
6142	61D-022.59	Bình Dương	7742	61K-564.58	Bình Dương			
6143	61K-519.28	Bình Dương	7743	61K-568.85	Bình Dương			
6144	61K-524.16	Bình Dương	7744	61K-571.59	Bình Dương			
6145	61K-529.38	Bình Dương	7745	61K-572.98	Bình Dương			
6146	61K-539.65	Bình Dương	7746	61K-574.96	Bình Dương			
6147	61K-543.06	Bình Dương	7747	61K-575.98	Bình Dương			
6148	61K-545.09	Bình Dương	7748	61K-577.29	Bình Dương			
6149	61K-549.38	Bình Dương	7749	61K-582.18	Bình Dương			
6150	61K-559.58	Bình Dương	7750	61K-582.35	Bình Dương			
6151	61K-561.08	Bình Dương	7751	61K-587.06	Bình Dương			
6152	61K-563.95	Bình Dương	7752	61K-598.63	Bình Dương			
6153	61K-564.26	Bình Dương	7753	62A-472.15	Long An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61K-569.63	Bình Dương	7754	62A-472.85	Long An			
6155	61K-571.58	Bình Dương	7755	62A-475.19	Long An			
6156	61K-573.15	Bình Dương	7756	62A-481.08	Long An			
6157	61K-573.56	Bình Dương	7757	62A-485.35	Long An			
6158	61K-574.25	Bình Dương	7758	62A-490.98	Long An			
6159	61K-578.63	Bình Dương	7759	62B-032.29	Long An			
6160	61K-586.26	Bình Dương	7760	62C-219.63	Long An			
6161	61K-586.35	Bình Dương	7761	62D-015.63	Long An			
6162	61K-594.29	Bình Dương	7762	63A-324.35	Tiền Giang			
6163	61K-598.19	Bình Dương	7763	63A-325.59	Tiền Giang			
6164	62A-474.36	Long An	7764	63A-341.26	Tiền Giang			
6165	62A-476.08	Long An	7765	63A-341.38	Tiền Giang			
6166	62B-035.09	Long An	7766	63B-034.95	Tiền Giang			
6167	63A-331.95	Tiền Giang	7767	63C-233.83	Tiền Giang			
6168	63A-332.15	Tiền Giang	7768	64A-205.16	Vĩnh Long			
6169	63B-033.29	Tiền Giang	7769	64A-205.38	Vĩnh Long			
6170	63C-229.38	Tiền Giang	7770	64A-208.28	Vĩnh Long			
6171	63C-237.25	Tiền Giang	7771	64A-212.06	Vĩnh Long			
6172	63C-240.95	Tiền Giang	7772	64A-212.56	Vĩnh Long			
6173	64A-207.63	Vĩnh Long	7773	64C-138.65	Vĩnh Long			
6174	64A-209.95	Vĩnh Long	7774	64D-007.59	Vĩnh Long			
6175	64A-214.18	Vĩnh Long	7775	64D-009.56	Vĩnh Long			
6176	64B-018.08	Vĩnh Long	7776	64D-009.58	Vĩnh Long			
6177	64B-019.16	Vĩnh Long	7777	65A-523.35	Cần Thơ			
6178	64C-134.36	Vĩnh Long	7778	65A-526.08	Cần Thơ			
6179	65A-525.18	Cần Thơ	7779	65A-527.15	Cần Thơ			
6180	65A-528.26	Cần Thơ	7780	65A-529.15	Cần Thơ			
6181	65B-026.18	Cần Thơ	7781	65A-529.18	Cần Thơ			
6182	65C-249.09	Cần Thơ	7782	65B-026.25	Cần Thơ			
6183	65C-251.16	Cần Thơ	7783	65C-262.18	Cần Thơ			
6184	65C-257.56	Cần Thơ	7784	65C-264.58	Cần Thơ			
6185	66A-304.08	Đồng Tháp	7785	65C-274.08	Cần Thơ			
6186	66A-304.65	Đồng Tháp	7786	65D-013.36	Cần Thơ			
6187	66A-307.15	Đồng Tháp	7787	66A-303.65	Đồng Tháp			
6188	66A-312.06	Đồng Tháp	7788	66A-305.15	Đồng Tháp			
6189	66A-318.16	Đồng Tháp	7789	66A-305.18	Đồng Tháp			
6190	66C-189.35	Đồng Tháp	7790	66A-311.63	Đồng Tháp			
6191	66C-192.06	Đồng Tháp	7791	66A-313.26	Đồng Tháp			
6192	66D-015.85	Đồng Tháp	7792	66C-185.06	Đồng Tháp			
6193	67A-330.09	An Giang	7793	66C-185.28	Đồng Tháp			
6194	67A-330.28	An Giang	7794	67A-331.29	An Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6195	67A-331.36	An Giang	7795	67A-332.35	An Giang			
6196	67A-331.95	An Giang	7796	67A-343.85	An Giang			
6197	67A-340.29	An Giang	7797	67C-190.98	An Giang			
6198	67A-342.15	An Giang	7798	67C-191.18	An Giang			
6199	67A-343.28	An Giang	7799	67D-010.09	An Giang			
6200	67A-344.19	An Giang	7800	67D-010.35	An Giang			
6201	67C-189.83	An Giang	7801	67D-010.59	An Giang			
6202	67C-192.09	An Giang	7802	68A-366.19	Kiên Giang			
6203	67C-196.36	An Giang	7803	68A-367.08	Kiên Giang			
6204	67C-196.83	An Giang	7804	68A-368.59	Kiên Giang			
6205	68A-370.63	Kiên Giang	7805	68A-374.95	Kiên Giang			
6206	68A-371.35	Kiên Giang	7806	68A-375.28	Kiên Giang			
6207	68B-034.15	Kiên Giang	7807	68A-375.56	Kiên Giang			
6208	68C-178.26	Kiên Giang	7808	68A-377.28	Kiên Giang			
6209	68C-183.06	Kiên Giang	7809	68A-379.63	Kiên Giang			
6210	69A-169.59	Cà Mau	7810	68A-382.18	Kiên Giang			
6211	69A-170.36	Cà Mau	7811	68B-034.63	Kiên Giang			
6212	69A-173.96	Cà Mau	7812	68C-178.65	Kiên Giang			
6213	69A-174.95	Cà Mau	7813	68C-182.36	Kiên Giang			
6214	69A-176.08	Cà Mau	7814	69A-172.29	Cà Mau			
6215	69B-017.09	Cà Mau	7815	69C-104.85	Cà Mau			
6216	69C-104.98	Cà Mau	7816	69C-105.58	Cà Mau			
6217	69C-106.28	Cà Mau	7817	69C-108.85	Cà Mau			
6218	69C-108.06	Cà Mau	7818	70A-589.15	Tây Ninh			
6219	69C-109.58	Cà Mau	7819	70A-590.35	Tây Ninh			
6220	69D-006.26	Cà Mau	7820	70A-591.83	Tây Ninh			
6221	69D-006.58	Cà Mau	7821	70A-598.08	Tây Ninh			
6222	70A-590.15	Tây Ninh	7822	70A-599.83	Tây Ninh			
6223	70A-595.19	Tây Ninh	7823	70A-607.58	Tây Ninh			
6224	70A-596.85	Tây Ninh	7824	70A-608.28	Tây Ninh			
6225	70A-601.63	Tây Ninh	7825	70A-608.35	Tây Ninh			
6226	70A-610.28	Tây Ninh	7826	70B-037.28	Tây Ninh			
6227	70A-610.59	Tây Ninh	7827	70C-215.25	Tây Ninh			
6228	70A-611.09	Tây Ninh	7828	70C-216.83	Tây Ninh			
6229	70C-215.08	Tây Ninh	7829	70C-217.95	Tây Ninh			
6230	70C-217.06	Tây Ninh	7830	71B-023.58	Bến Tre			
6231	71A-215.85	Bến Tre	7831	71B-025.08	Bến Tre			
6232	71A-219.08	Bến Tre	7832	72A-848.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6233	71A-220.29	Bến Tre	7833	72A-850.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6234	71A-221.08	Bến Tre	7834	72A-850.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6235	71B-024.63	Bến Tre	7835	72A-851.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6236	71D-007.36	Bến Tre	7836	72A-862.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6237	72A-848.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	7837	72A-869.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6238	72A-859.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7838	72A-871.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6239	72A-862.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	7839	72A-874.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6240	72A-864.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7840	72A-874.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6241	72A-868.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7841	72A-878.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6242	72A-880.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	7842	72A-882.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6243	72B-045.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	7843	72A-883.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6244	72B-048.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7844	72C-266.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6245	72C-269.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	7845	72C-267.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6246	72C-272.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	7846	72C-269.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6247	72C-276.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	7847	72C-273.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6248	72C-279.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7848	72C-274.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6249	72C-282.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7849	72C-276.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6250	72D-014.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7850	72D-013.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6251	73A-372.95	Quảng Bình	7851	73D-009.18	Quảng Bình			
6252	73A-373.26	Quảng Bình	7852	74A-283.16	Quảng Trị			
6253	73A-374.15	Quảng Bình	7853	74C-147.85	Quảng Trị			
6254	73A-379.19	Quảng Bình	7854	74D-015.35	Quảng Trị			
6255	73C-193.83	Quảng Bình	7855	75A-394.58	Thừa Thiên Huế			
6256	73C-196.09	Quảng Bình	7856	75A-399.83	Thừa Thiên Huế			
6257	73D-011.65	Quảng Bình	7857	75A-401.36	Thừa Thiên Huế			
6258	74A-283.26	Quảng Trị	7858	75A-401.65	Thừa Thiên Huế			
6259	74A-284.09	Quảng Trị	7859	75B-029.38	Thừa Thiên Huế			
6260	74C-145.85	Quảng Trị	7860	75C-161.98	Thừa Thiên Huế			
6261	74D-012.58	Quảng Trị	7861	76A-326.38	Quảng Ngãi			
6262	74D-013.58	Quảng Trị	7862	76B-028.08	Quảng Ngãi			
6263	75A-390.56	Thừa Thiên Huế	7863	76B-029.95	Quảng Ngãi			
6264	75A-392.09	Thừa Thiên Huế	7864	77A-356.96	Bình Định			
6265	75A-393.65	Thừa Thiên Huế	7865	77A-362.95	Bình Định			
6266	75A-397.09	Thừa Thiên Huế	7866	77B-040.09	Bình Định			
6267	75B-029.16	Thừa Thiên Huế	7867	78A-218.15	Phú Yên			
6268	75C-159.38	Thừa Thiên Huế	7868	78A-218.16	Phú Yên			
6269	75D-009.95	Thừa Thiên Huế	7869	78B-019.28	Phú Yên			
6270	75D-012.15	Thừa Thiên Huế	7870	78C-126.38	Phú Yên			
6271	76A-325.28	Quảng Ngãi	7871	78D-009.28	Phú Yên			
6272	76A-327.29	Quảng Ngãi	7872	79A-578.58	Khánh Hòa			
6273	76B-027.08	Quảng Ngãi	7873	79A-578.83	Khánh Hòa			
6274	77A-359.15	Bình Định	7874	79A-579.63	Khánh Hòa			
6275	77B-038.29	Bình Định	7875	79A-581.19	Khánh Hòa			
6276	77C-262.95	Bình Định	7876	79A-582.95	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	77C-263.28	Bình Định	7877	79A-584.28	Khánh Hòa			
6278	78A-225.08	Phú Yên	7878	79A-584.83	Khánh Hòa			
6279	78A-225.56	Phú Yên	7879	79B-044.59	Khánh Hòa			
6280	78C-127.06	Phú Yên	7880	79C-231.35	Khánh Hòa			
6281	79A-579.58	Khánh Hòa	7881	79C-234.58	Khánh Hòa			
6282	79A-585.19	Khánh Hòa	7882	79D-010.63	Khánh Hòa			
6283	79A-585.65	Khánh Hòa	7883	79D-014.18	Khánh Hòa			
6284	79A-588.18	Khánh Hòa	7884	81A-459.98	Gia Lai			
6285	79A-590.83	Khánh Hòa	7885	81A-471.26	Gia Lai			
6286	79A-595.58	Khánh Hòa	7886	81A-471.58	Gia Lai			
6287	79B-046.25	Khánh Hòa	7887	81A-476.58	Gia Lai			
6288	79B-047.38	Khánh Hòa	7888	81A-477.29	Gia Lai			
6289	79C-228.56	Khánh Hòa	7889	81A-477.96	Gia Lai			
6290	79C-233.15	Khánh Hòa	7890	81C-284.83	Gia Lai			
6291	79C-234.83	Khánh Hòa	7891	81C-285.65	Gia Lai			
6292	79D-013.06	Khánh Hòa	7892	81C-290.56	Gia Lai			
6293	81A-467.59	Gia Lai	7893	81C-298.18	Gia Lai			
6294	81A-476.38	Gia Lai	7894	81C-298.28	Gia Lai			
6295	81B-028.09	Gia Lai	7895	81C-300.06	Gia Lai			
6296	81B-031.56	Gia Lai	7896	81D-017.09	Gia Lai			
6297	81C-284.59	Gia Lai	7897	82B-022.25	Kon Tum			
6298	81C-285.08	Gia Lai	7898	82D-010.98	Kon Tum			
6299	81C-296.35	Gia Lai	7899	83B-026.18	Sóc Trăng			
6300	81C-300.09	Gia Lai	7900	83D-011.29	Sóc Trăng			
6301	81D-015.85	Gia Lai	7901	84A-153.28	Trà Vinh			
6302	82A-159.16	Kon Tum	7902	84C-126.95	Trà Vinh			
6303	82A-159.85	Kon Tum	7903	84D-005.95	Trà Vinh			
6304	82A-163.08	Kon Tum	7904	85A-151.98	Ninh Thuận			
6305	82A-164.09	Kon Tum	7905	85A-152.96	Ninh Thuận			
6306	82B-021.09	Kon Tum	7906	85D-006.56	Ninh Thuận			
6307	82D-011.58	Kon Tum	7907	86A-327.63	Bình Thuận			
6308	82D-012.83	Kon Tum	7908	86A-331.09	Bình Thuận			
6309	83A-200.56	Sóc Trăng	7909	86B-025.95	Bình Thuận			
6310	83C-135.18	Sóc Trăng	7910	86C-214.09	Bình Thuận			
6311	83C-135.96	Sóc Trăng	7911	86C-214.25	Bình Thuận			
6312	83C-136.83	Sóc Trăng	7912	88A-788.19	Vĩnh Phúc			
6313	84A-146.83	Trà Vinh	7913	88A-791.15	Vĩnh Phúc			
6314	84A-150.09	Trà Vinh	7914	88A-795.38	Vĩnh Phúc			
6315	84A-153.19	Trà Vinh	7915	88A-802.58	Vĩnh Phúc			
6316	84B-021.96	Trà Vinh	7916	88A-805.98	Vĩnh Phúc			
6317	84C-127.35	Trà Vinh	7917	88A-806.85	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	84C-128.59	Trà Vinh	7918	88A-808.96	Vĩnh Phúc			
6319	85A-147.09	Ninh Thuận	7919	88A-816.95	Vĩnh Phúc			
6320	85C-085.96	Ninh Thuận	7920	88A-826.58	Vĩnh Phúc			
6321	85D-009.38	Ninh Thuận	7921	88A-827.26	Vĩnh Phúc			
6322	86A-321.25	Bình Thuận	7922	88A-829.35	Vĩnh Phúc			
6323	86A-325.56	Bình Thuận	7923	88B-024.58	Vĩnh Phúc			
6324	86A-326.65	Bình Thuận	7924	88C-314.65	Vĩnh Phúc			
6325	86A-328.18	Bình Thuận	7925	88C-319.16	Vĩnh Phúc			
6326	86A-330.35	Bình Thuận	7926	88C-320.95	Vĩnh Phúc			
6327	86A-331.16	Bình Thuận	7927	88C-324.56	Vĩnh Phúc			
6328	86B-026.25	Bình Thuận	7928	88D-023.65	Vĩnh Phúc			
6329	86B-027.63	Bình Thuận	7929	89A-532.38	Hưng Yên			
6330	86C-210.98	Bình Thuận	7930	89A-537.29	Hưng Yên			
6331	88A-795.28	Vĩnh Phúc	7931	89A-539.29	Hưng Yên			
6332	88A-796.98	Vĩnh Phúc	7932	89A-544.16	Hưng Yên			
6333	88A-806.18	Vĩnh Phúc	7933	89A-550.09	Hưng Yên			
6334	88A-822.96	Vĩnh Phúc	7934	89A-558.19	Hưng Yên			
6335	89A-533.29	Hưng Yên	7935	89A-560.58	Hưng Yên			
6336	89A-540.65	Hưng Yên	7936	89C-348.65	Hưng Yên			
6337	89A-559.56	Hưng Yên	7937	89C-349.19	Hưng Yên			
6338	89A-561.06	Hưng Yên	7938	89C-352.18	Hưng Yên			
6339	89A-563.25	Hưng Yên	7939	89C-354.36	Hưng Yên			
6340	89A-564.18	Hưng Yên	7940	89C-355.28	Hưng Yên			
6341	89A-564.95	Hưng Yên	7941	89C-357.95	Hưng Yên			
6342	89A-566.58	Hưng Yên	7942	90A-289.83	Hà Nam			
6343	89C-347.29	Hưng Yên	7943	90A-292.95	Hà Nam			
6344	90A-291.38	Hà Nam	7944	90A-294.09	Hà Nam			
6345	90A-294.18	Hà Nam	7945	90A-298.65	Hà Nam			
6346	90A-295.58	Hà Nam	7946	90C-158.18	Hà Nam			
6347	90A-300.16	Hà Nam	7947	90D-010.09	Hà Nam			
6348	90A-301.09	Hà Nam	7948	90D-011.25	Hà Nam			
6349	90A-301.29	Hà Nam	7949	92A-443.85	Quảng Nam			
6350	90B-014.08	Hà Nam	7950	92A-448.15	Quảng Nam			
6351	92A-437.26	Quảng Nam	7951	92C-262.36	Quảng Nam			
6352	92A-441.38	Quảng Nam	7952	92C-263.96	Quảng Nam			
6353	92B-040.15	Quảng Nam	7953	92C-264.18	Quảng Nam			
6354	92D-014.19	Quảng Nam	7954	93A-508.28	Bình Phước			
6355	93A-507.63	Bình Phước	7955	93A-510.25	Bình Phước			
6356	93A-512.26	Bình Phước	7956	93A-519.83	Bình Phước			
6357	93A-513.58	Bình Phước	7957	93A-522.36	Bình Phước			
6358	93A-515.09	Bình Phước	7958	93A-523.96	Bình Phước			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	93A-515.98	Bình Phước	7959	93C-201.09	Bình Phước			
6360	93C-200.96	Bình Phước	7960	93D-009.59	Bình Phước			
6361	93C-205.65	Bình Phước	7961	94B-014.58	Bạc Liêu			
6362	94A-109.58	Bạc Liêu	7962	95A-140.58	Hậu Giang			
6363	94A-112.85	Bạc Liêu	7963	95A-141.35	Hậu Giang			
6364	94D-006.09	Bạc Liêu	7964	95B-017.85	Hậu Giang			
6365	95B-018.26	Hậu Giang	7965	95C-091.38	Hậu Giang			
6366	97A-096.38	Bắc Kạn	7966	95D-024.36	Hậu Giang			
6367	97B-017.16	Bắc Kạn	7967	95D-025.65	Hậu Giang			
6368	98A-861.18	Bắc Giang	7968	97A-095.98	Bắc Kạn			
6369	98A-870.56	Bắc Giang	7969	97A-098.85	Bắc Kạn			
6370	98A-872.15	Bắc Giang	7970	97C-052.96	Bắc Kạn			
6371	98A-874.65	Bắc Giang	7971	98A-861.65	Bắc Giang			
6372	98A-878.29	Bắc Giang	7972	98A-863.08	Bắc Giang			
6373	98A-882.09	Bắc Giang	7973	98A-865.28	Bắc Giang			
6374	98C-377.08	Bắc Giang	7974	98A-865.85	Bắc Giang			
6375	98C-379.65	Bắc Giang	7975	98A-877.25	Bắc Giang			
6376	98C-381.63	Bắc Giang	7976	98A-878.36	Bắc Giang			
6377	98C-383.65	Bắc Giang	7977	98A-880.58	Bắc Giang			
6378	98C-392.95	Bắc Giang	7978	98A-890.06	Bắc Giang			
6379	98C-395.18	Bắc Giang	7979	98A-890.16	Bắc Giang			
6380	98C-395.83	Bắc Giang	7980	98A-892.25	Bắc Giang			
6381	98C-396.83	Bắc Giang	7981	98A-894.56	Bắc Giang			
6382	99A-853.15	Bắc Ninh	7982	98A-902.08	Bắc Giang			
6383	99A-855.06	Bắc Ninh	7983	98A-903.19	Bắc Giang			
6384	99A-858.56	Bắc Ninh	7984	98C-386.06	Bắc Giang			
6385	99A-864.35	Bắc Ninh	7985	98C-386.56	Bắc Giang			
6386	99A-866.35	Bắc Ninh	7986	98C-395.26	Bắc Giang			
6387	99A-873.25	Bắc Ninh	7987	98D-021.96	Bắc Giang			
6388	99A-881.25	Bắc Ninh	7988	99A-863.59	Bắc Ninh			
6389	99A-883.95	Bắc Ninh	7989	99A-870.16	Bắc Ninh			
6390	99A-885.08	Bắc Ninh	7990	99A-872.16	Bắc Ninh			
6391	99A-896.06	Bắc Ninh	7991	99A-877.25	Bắc Ninh			
6392	99B-031.15	Bắc Ninh	7992	99A-884.19	Bắc Ninh			
6393	99B-033.38	Bắc Ninh	7993	99A-889.19	Bắc Ninh			
6394	99B-033.95	Bắc Ninh	7994	99A-890.18	Bắc Ninh			
6395	99C-330.56	Bắc Ninh	7995	99A-892.09	Bắc Ninh			
6396	99C-332.18	Bắc Ninh	7996	99B-030.15	Bắc Ninh			
6397	99C-338.26	Bắc Ninh	7997	99B-030.19	Bắc Ninh			
6398	99C-343.58	Bắc Ninh	7998	99C-334.38	Bắc Ninh			
6399	99D-024.18	Bắc Ninh	7999	99C-340.58	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6400	99D-025.28	Bắc Ninh	8000	99C-344.96	Bắc Ninh			